ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7308/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 và Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số";

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ

trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng chi phí và định mức cho hoạt động quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về loại quy hoạch, hoạt động kiến trúc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kết luận số 315-KL/TU ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương huy động nguồn lực xã hội hóa lập Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh; Kết luận số 1245-KL/TU ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về Khung chiến lược;

Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Đề cương Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức huy động nguồn lực hỗ trợ hợp pháp để thực hiện;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 31222/BC-STC ngày 21 tháng 10 năm 2026 về Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm và Thông báo số 613/TB-HĐTĐ ngày 16 tháng 10 năm 2026 về kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ ý kiến của Bộ Công an tại Công văn số 19619/ANKT-ANTCĐT ngày 28 tháng 10 năm 2026, Bộ Quốc phòng tại Công văn số 8049/BQP-TM ngày 25 tháng 10 năm 2026, Bộ Tài chính tại Công văn số 17149/BTC-QLQH ngày 27

tháng 10 năm 2026, Bộ Xây dựng tại Công văn số 17126/BXD-QHKT ngày 26 tháng 10 năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 12384/BNNMT-KHTC ngày 27 tháng 10 năm 2026;

Căn cứ Kết luận số 1335-KL/TU ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về Đồ án Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm;

Căn cứ Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Thành ủy về Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Kết luận số 112-KL/TW ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Bộ Chính trị đối với Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm;

Căn cứ Nghị quyết số 123/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm;

Theo đề nghị của Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố tại Tờ trình số 1725/TTr-VNCPT ngày 30 tháng 10 năm 2026; ý kiến thống nhất của Sở Quy hoạch – Kiến trúc tại Công văn số 9686/SQHKT-QHC ngày 30 tháng 10 năm 2026 và của Sở Tài chính tại Công văn số 32397/STC-CSTH ngày 30 tháng 10 năm 2026 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm với những nội dung chủ yếu như sau:

I. TÊN QUY HOẠCH VÀ ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm.

2. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Liên danh tư vấn: Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia - VIUP, Công ty TNHH The Boston Consulting Group - BCG, Công ty TNHH Nikken Sekkei.

II. PHẠM VI, QUY MÔ, RANH GIỚI VÀ THỜI KỲ LẬP QUY HOẠCH

1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch:

- Phạm vi nghiên cứu: bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố xung quanh, gồm: Tây Ninh, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng và các khu vực không gian biển liên quan.

- Phạm vi lập quy hoạch: toàn bộ ranh giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích khoảng 6.772,59 km², gồm 168 đơn vị hành chính (113

phường, 54 xã và đặc khu Côn Đảo), phần khai thác lấn biển theo yêu cầu phát triển kinh tế của Thành phố.

- Ranh giới lập quy hoạch: phía Đông giáp thành phố Đồng Nai và tỉnh Lâm Đồng; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và tỉnh Đồng Tháp; phía Bắc giáp tỉnh Tây Ninh và thành phố Đồng Nai; phía Nam giáp tỉnh Đồng Tháp và Biển Đông.

2. Dự báo quy mô dân số, đất đai:

a) Quy mô dân số (bao gồm cả dân số thường trú, tạm trú trên 06 tháng và dân số quy đổi)**:**

- Đến năm 2030: khoảng 18 triệu người;

- Đến năm 2035: khoảng 20,5 triệu người;

- Đến năm 2040: khoảng 23 triệu người;

- Đến năm 2045: khoảng 25 triệu người;

- Đến năm 2050: khoảng 27 triệu người.

b) Quy mô đất đai:

- Đến năm 2030 diện tích đất xây dựng toàn Thành phố khoảng 280.000 - 290.000 ha, chỉ tiêu trung bình khoảng 155 - 160 m²/người, trong đó đất dân dụng khoảng 125.000 - 135.000 ha;

- Đến năm 2035 diện tích đất xây dựng toàn Thành phố khoảng 305.000 - 315.000 ha, chỉ tiêu trung bình khoảng 150 - 155 m²/người, trong đó đất dân dụng khoảng 140.000 - 150.000 ha;

- Đến năm 2040 diện tích đất xây dựng toàn Thành phố khoảng 330.000 - 345.000 ha, chỉ tiêu trung bình 145 - 150 m²/người, trong đó đất dân dụng khoảng 155.000 - 165.000 ha;

- Đến năm 2045 diện tích đất xây dựng toàn Thành phố khoảng 350.000 - 362.000 ha, chỉ tiêu trung bình 140 - 145 m²/người, trong đó đất dân dụng khoảng 170.000 - 190.000 ha;

- Đến năm 2050 diện tích đất xây dựng toàn Thành phố khoảng 365.000 - 390.000 ha, chỉ tiêu trung bình 135 - 140 m²/người, trong đó đất dân dụng khoảng 190.000 - 210.000 ha;

- Sau năm 2050 và xa hơn, giữ phát triển ổn định, tập trung hoàn thiện, hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng theo cấu trúc quy hoạch được duyệt.

c) Quy mô lao động:

- Đến năm 2030: khoảng 8,2 triệu người;

- Đến năm 2035: khoảng 9,0 triệu người;

- Đến năm 2040: khoảng 9,9 triệu người;

- Đến năm 2045: khoảng 10,7 triệu người;

- Đến năm 2050: khoảng 11,3 triệu người.

3. Thời kỳ lập quy hoạch:

- Thời kỳ Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh: từ năm 2025 đến năm 2050;

- Thời hạn Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh: năm 2050;

- Tầm nhìn lập quy hoạch: Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu định hướng chiến lược dài hạn hướng tới tầm nhìn 100 năm.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN VÀ TÍNH CHẤT ĐÔ THỊ

1. Quan điểm:

Phát triển Thành phố trở thành đô thị toàn cầu, đáng sống, hiện đại, thông minh, năng động, sáng tạo; lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của phát triển. Gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, nâng cao chất lượng sống, bảo đảm an sinh xã hội và cơ hội tiếp cận dịch vụ cơ bản; phát huy truyền thống lịch sử, cách mạng, bản sắc nghĩa tình và tinh thần tự lực, tự cường của Thành phố.

Đổi mới mạnh mẽ mô hình phát triển và mô hình tăng trưởng, chuyển từ chủ yếu dựa vào vốn, đất đai, lao động và nguồn lực sẵn có sang dựa trên năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chủ động kiến tạo, khơi thông nguồn lực. Phát triển hệ sinh thái liên kết đào tạo và phát triển (R & D), nghiên cứu và phát triển (R & D), thử nghiệm, sản xuất và thương mại hóa; thúc đẩy kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các ngành có giá trị gia tăng cao.

Phát huy hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù; nghiên cứu cơ chế mở, linh hoạt, có tính cạnh tranh quốc tế theo thẩm quyền để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Hiện đại hóa quản trị đô thị, tạo môi trường ổn định, minh bạch, thuận lợi cho đầu tư và sáng tạo; phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Tài chính quốc tế, khu thương mại tự do, logistics và nghiên cứu các không gian phát triển mới phù hợp điều kiện thực tiễn.

Tổ chức không gian tích hợp, đa cực, đa trung tâm, tăng cường liên kết vùng; khắc phục bất cập về kết nối, chồng lấn chức năng và chất lượng đô thị. Phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên giao thông công cộng, hạ tầng số và dữ liệu; khai thác không gian phát triển mới trong giới hạn sinh thái, phù hợp sức chịu tải của môi trường. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, trật tự, an toàn xã hội và hội nhập quốc tế; nâng cao năng lực ứng phó với các rủi ro, thách thức phi truyền thống.

2. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

Mục tiêu, tầm nhìn phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được định hình theo

ba giai đoạn, thể hiện quá trình nâng tầm vị thế từ đô thị có vị trí nổi trội trong khu vực Đông Nam Á, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính quốc tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của châu Á, trước khi vươn tới mục tiêu trở thành đô thị toàn cầu, thông minh, hiện đại, phát triển toàn diện, ngang tầm các đô thị hàng đầu thế giới.

b) Các mục tiêu cụ thể theo lộ trình:

Các mục tiêu, chỉ tiêu định lượng trong thời kỳ Quy hoạch được xác định đến năm 2050; các định hướng sau năm 2050 là nội dung tầm nhìn chiến lược dài hạn, làm cơ sở nghiên cứu, dự trữ không gian và chuẩn bị các điều kiện phát triển, không thay thế các mục tiêu, chỉ tiêu của thời kỳ Quy hoạch 2025 - 2050.

+ Đến năm 2030: Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, văn minh, hiện đại, năng động, sáng tạo; là trung tâm kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, logistics và hội nhập quốc tế; đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, có vị trí nổi trội trong khu vực Đông Nam Á; nằm trong top 100 thành phố toàn cầu, đáng sống và có hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của thế giới thuộc nhóm thu nhập cao.

+ Đến năm 2045: Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm kinh tế, tài chính quốc tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của châu Á; tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu; là điểm đến hấp dẫn toàn cầu, có đời sống văn hóa - xã hội đặc sắc, chất lượng sống cao và hội nhập quốc tế sâu rộng, nằm trong nhóm 100 thành phố tốt nhất thế giới.

+ Đến năm 2075 và xa hơn: Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị toàn cầu, thông minh, hiện đại, phát triển toàn diện, ngang tầm các đô thị phát triển trên thế giới; là trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và giao lưu quốc tế, có sức hấp dẫn cao đối với nhân tài, doanh nghiệp và các nguồn lực phát triển.

c) Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Về tốc độ tăng trưởng và GRDP bình quân đầu người:

+ Giai đoạn 2026 - 2030: tăng trưởng GRDP bình quân tối thiểu 10,5%/năm; GRDP đạt khoảng 200 - 225 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt tối thiểu 14.500 USD;

+ Giai đoạn 2031 - 2035: tăng trưởng GRDP bình quân tối thiểu 10%/năm; GRDP đạt khoảng 400 - 450 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người năm 2035 đạt tối thiểu 25.000 USD;

+ Giai đoạn 2036 - 2040: tăng trưởng GRDP bình quân tối thiểu 10%/năm; GRDP đạt khoảng 850 - 900 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người năm 2040 đạt tối thiểu 45.000 USD;

+ Giai đoạn 2041 - 2045: tăng trưởng GRDP bình quân tối thiểu 10%/năm; GRDP đạt khoảng 1.300 - 1.700 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người năm 2045 đạt tối thiểu 75.000 USD;

+ Giai đoạn 2046 - 2050: tăng trưởng GRDP bình quân tối thiểu 6%/năm; GRDP đạt khoảng 2.000 - 2.500 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người năm 2050 đạt tối thiểu 90.000 USD;

+ Định hướng đến năm 2075: duy trì tăng trưởng GRDP tối thiểu 6%/năm; GRDP bình quân đầu người năm 2075 đạt tối thiểu 100.000 USD.

(GRDP và GRDP bình quân đầu người tính theo giá hiện hành; GRDP bình quân đầu người tính trên dân số thường trú).

- Về chỉ tiêu kinh tế - xã hội:

+ Đến năm 2030: kinh tế số chiếm khoảng 30 - 40% GRDP; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0.8; tổng chi xã hội cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt khoảng 2 - 3% GRDP; bố trí khoảng 4 - 5% tổng chi ngân sách hằng năm cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

+ Đến năm 2035: kinh tế số chiếm khoảng 60% GRDP; chỉ số phát triển con người (HDI) tối thiểu đạt 0,9; tổng chi xã hội cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt khoảng 2 - 3% GRDP; bố trí khoảng 4 - 5% tổng chi ngân sách hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

+ Đến năm 2040: chỉ số phát triển con người (HDI) tối thiểu đạt 0,9;

+ Đến năm 2045: chỉ số phát triển con người (HDI) tối thiểu đạt 0,9; phấn đấu đạt mức phát thải ròng bằng "0";

+ Đến năm 2050 và xa hơn: chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,9.

3. Tầm nhìn:

Tầm nhìn 100 năm trở thành "Đô thị toàn cầu, đáng sống, thông minh, hiện đại, phát triển toàn diện, ngang tầm các đô thị hàng đầu thế giới".

4. Tính chất đô thị:

- Là đô thị đặc biệt, có tầm vóc của một siêu đô thị quốc tế; là cực tăng trưởng quan trọng của quốc gia, hạt nhân của các vùng động lực phía Nam; có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh đối với vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

- Là trung tâm lớn về sản xuất công nghiệp, công nghệ, tài chính, thương mại, logistics và hàng hải; giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt phát triển và đổi mới sáng tạo; là cửa ngõ giao lưu quốc tế quan trọng của quốc gia.

- Là siêu đô thị dịch vụ giải trí, thể thao có tầm vóc quốc tế; trung tâm thu hút nhân tài, chuyên gia quốc tế; cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục, du lịch và văn hóa mang tầm khu vực ASEAN và châu Á.

IV. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

1. Các nhiệm vụ trọng tâm:

a) Xây dựng mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển, kinh tế không gian tầm thấp, không gian ngầm và các

ngành công nghệ mới nổi; tạo lập, kết nối liên thông dữ liệu, quản trị Thành phố thông minh trên cơ sở dữ liệu; triển khai chiến lược dữ liệu và xây dựng dữ liệu trở thành nguồn lực phát triển. Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia với hạt nhân là các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu đô thị khoa học - công nghệ, các viện nghiên cứu và trường đại học; xây dựng, tăng cường năng lực làm chủ hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ mạnh; ưu tiên phát triển các công nghệ lõi, công nghệ nguồn trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, vi mạch bán dẫn, lượng tử, công nghệ sinh học, năng lượng sạch, vật liệu mới và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế biển, kinh tế xanh.

b) Xây dựng thể chế phát triển đột phá, vượt trội. Hoàn thiện khung thể chế phù hợp với vai trò đô thị đặc biệt, trọng tâm là tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị và các cơ chế, chính sách vượt trội tạo động lực phát triển mới cho Thành phố. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng tính chủ động trong quản trị và điều hành phát triển; triển khai các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), cơ chế chính sách đặc thù và các mô hình quản trị tiên tiến nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả quản trị và huy động nguồn lực phát triển.

c) Phát triển mạnh kinh tế biển, thu hút đầu tư vào cảng biển, dịch vụ hàng hải quốc tế, dầu khí, năng lượng, năng lượng tái tạo, du lịch biển, đảo chất lượng cao và nuôi trồng thủy sản công nghệ cao. Hình thành trung tâm kinh tế biển quốc gia với các trụ cột là kinh tế hàng hải và logistics, dầu khí và năng lượng, du lịch và đô thị biển, hướng tới vai trò đầu tàu kinh tế biển của cả nước. Xây dựng Thành phố trở thành điểm đến du lịch đẳng cấp quốc tế và trung tâm dịch vụ lớn của khu vực.

d) Quy hoạch và tổ chức không gian phát triển với tầm nhìn dài hạn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng quy hoạch tổng thể Thành phố với tầm nhìn 100 năm theo mô hình đa cực, đa trung tâm; phát triển đồng bộ các không gian ngầm, xanh, sông nước, biển, tầm thấp và tầm cao; thúc đẩy các mô hình đô thị gắn với giao thông công cộng (TOD) và phát triển các trung tâm vệ tinh hiện đại, thông minh. Ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng chiến lược, mạng lưới đường sắt đô thị, cụm cảng Cái Mép Hạ, Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, hệ thống logistics, năng lượng và chống ngập; đồng thời tăng cường liên kết vùng thông qua các hành lang kinh tế, vành đai kinh tế và cơ chế điều phối vùng.

đ) Huy động, khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển. Phát huy mạnh mẽ vai trò của kinh tế tư nhân, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và thu hút có chọn lọc đầu tư nước ngoài gắn với chuyển giao công nghệ và liên kết với khu vực kinh tế trong nước. Khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, tài sản công, tài chính đô thị và các nguồn lực xã hội; đa dạng hóa các công cụ huy động vốn, bao gồm hợp tác công tư (PPP), trái phiếu chính quyền địa phương và các nguồn tài chính trong nước, quốc tế cho các dự án trọng điểm. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút nhân tài, phát huy nguồn lực kiều hối và các nguồn lực tri thức phục vụ phát triển nhanh và bền vững của Thành phố.

e) Xây dựng đô thị đặc biệt văn minh, hiện đại và nâng cao chất lượng sống của người dân. Phát triển Thành phố theo mô hình đô thị toàn cầu, đa cực, đa trung tâm, có hạ tầng và quản trị thông minh; là trung tâm điều phối của vùng đại đô thị Đông Nam Bộ. Đẩy mạnh chỉnh trang và tái thiết đô thị; phát triển nhà ở xã hội, nhà cho thuê, cải tạo chung cư cũ và khu vực ven kênh rạch; hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, chống ngập, xử lý môi trường; phát triển đô thị xanh, thông minh và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm người dân được thụ hưởng môi trường sống chất lượng cao.

g) Phát triển toàn diện văn hóa, con người và các dịch vụ xã hội chất lượng cao. Xây dựng Thành phố trở thành trung tâm lớn về giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa và thể thao; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Thành phố; phát triển công nghiệp văn hóa; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, thực hiện khám sức khỏe định kỳ, xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện cho người dân.

h) Bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; xây dựng môi trường đô thị an toàn, trật tự và ổn định; tăng cường liên kết vùng, mở rộng hợp tác quốc tế, phát huy vai trò của Thành phố trong các mạng lưới kinh tế, tài chính, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực và thế giới.

2. Các đột phá chiến lược:

a) Đột phá tầm nhìn 100 năm: Khâu đột phá này xác lập tầm nhìn phát triển dài hạn của Thành phố Hồ Chí Minh hướng tới cột mốc 100 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào năm 2075, khi Thành phố trở thành đô thị toàn cầu, thông minh, hiện đại, phát triển toàn diện, có năng lực cạnh tranh và chất lượng sống thuộc nhóm hàng đầu châu Á. Thành phố không chỉ giữ vai trò đầu tàu kinh tế của Việt Nam mà còn trở thành trung tâm kết nối tri thức, đổi mới sáng tạo, tài chính, công nghệ và dịch vụ của khu vực. Trọng tâm là chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ dựa vào các yếu tố đầu vào truyền thống sang dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao; đồng thời phát triển đô thị theo hướng vị nhân sinh, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, chất lượng sống, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Đột phá tái cấu trúc kinh tế - xã hội: Khâu đột phá này tập trung tái cấu trúc nền kinh tế xoay quanh các ngành động lực. Các nhóm động lực gồm: (i) đổi mới sáng tạo cốt lõi; (ii) công nghệ đột phá mới, hạ tầng tính toán và trung tâm dữ liệu; (iii) nền tảng hạ tầng chiến lược; và (iv) chất lượng sống và dịch vụ hiện đại. Đây là mô hình kinh tế tăng trưởng dựa trên năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nhân lực chất lượng cao; phát huy mạnh khu vực kinh tế tư nhân; thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển, kinh tế ban đêm và kinh tế không gian tầm thấp, không gian ngầm, góp phần đưa Thành phố xác lập tham vọng tăng trưởng hai chữ số, hướng tới trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công

nghệ và đổi mới sáng tạo hàng đầu châu Á vào năm 2045. Đồng thời, các chương trình phát triển giáo dục, y tế, nhà ở và nâng cao kỹ năng số được triển khai theo hướng lấy con người làm trung tâm, bảo đảm tiếp cận, cơ hội và công bằng trong thụ hưởng thành quả phát triển.

c) Đột phá quy hoạch đô thị và không gian: Khâu đột phá này tập trung tổ chức lại không gian phát triển của Thành phố theo mô hình siêu đô thị đa cực, đa trung tâm và đa tầng, hướng tới xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành siêu đô thị tầm quốc tế, năng động, sáng tạo, có vai trò dẫn dắt, tạo hiệu ứng lan tỏa và thúc đẩy liên kết vùng đô thị; nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập và vị thế trong mạng lưới đô thị Đông Nam Á và châu Á. Trọng tâm là hình thành các cụm ngành mũi nhọn, gắn với doanh nghiệp nòng cốt, hệ thống tổ chức hỗ trợ và hạ tầng thiết yếu đồng bộ. Thành phố đồng thời thiết lập các khu đặc thù với cơ chế ưu đãi riêng, khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) và mô hình quản trị theo ngành. Không gian đô thị được phát triển theo mô hình đa cực, kết hợp khai thác không gian ngầm, không gian mặt đất và không gian tầm cao. Thành phố phát triển đô thị xanh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua hệ thống vành đai xanh, nêm xanh và mô hình thành phố bọt biển; đồng thời tối đa hóa hiệu quả sử dụng đất thông qua chỉnh trang, tái thiết đô thị và giải phóng mặt bằng.

d) Đột phá về ưu đãi và quản trị: Khâu đột phá này tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách vượt trội, có tính cạnh tranh toàn cầu nhằm phát triển mô hình "Đô thị đặc biệt với thể chế linh hoạt và vượt trội". Các cơ chế ưu đãi được áp dụng ở quy mô toàn Thành phố và gắn trực tiếp với các ngành nghề ưu tiên có khả năng cạnh tranh quốc tế. Thành phố cũng xây dựng cơ chế riêng cho các khu đặc thù, đồng thời đổi mới phương thức triển khai quy hoạch thông qua Ban Chỉ đạo và các tổ công tác chuyên trách. Các cơ quan đầu mối cấp Thành phố được trao quyền dẫn dắt các động lực tăng trưởng trong các lĩnh vực xúc tiến đầu tư, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thành phố phát triển các cơ chế tài chính đổi mới phục vụ phát triển đô thị, bao gồm nguồn vốn dài hạn, trái phiếu đô thị, cơ chế thu hồi giá trị đất, mở rộng hợp tác công tư (PPP) và quỹ đầu tư chiến lược cấp Thành phố. Các doanh nghiệp nhà nước chủ lực được trao quyền có chọn lọc để tham gia các dự án trọng điểm, quản lý quỹ đất và đầu tư hạ tầng khung.

đ) Đột phá về hạ tầng: Khâu đột phá này tập trung tăng tốc triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm để xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức, bao gồm đường bộ cao tốc, các tuyến đường sắt liên vùng, đường sắt đô thị kết nối với các cảng biển cửa ngõ, nhằm thúc đẩy liên kết nội vùng và liên vùng. Thành phố xây dựng hệ thống hạ tầng chống ngập tích hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua mô hình thành phố bọt biển, mạng lưới hành lang xanh, khu sinh thái và hệ thống kiểm soát ngập đồng bộ. Hạ tầng số và hệ thống đô thị thông minh được phát triển như một lớp hạ tầng cốt lõi của đô thị, bao gồm dịch vụ công ứng dụng AI, quản lý giao thông, logistics thông minh, và số hóa toàn diện các quy trình hành chính.

V. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội:

a) Cơ cấu sử dụng đất:

Định hướng sử dụng đất đến các năm 2030, 2040 và 2050 như sau:

- Khu vực phát triển đô thị: khoảng 175.000 - 200.000 ha (năm 2030), 200.000 - 220.000 ha (năm 2040), 240.000 - 265.000 ha (năm 2050);

- Khu vực phát triển khu chức năng: khoảng 47.000 - 52.000 ha (năm 2030), 62.000 - 69.000 ha (năm 2040), 78.000 - 98.000 ha (năm 2050);

- Khu vực phát triển nông thôn và sản xuất nông nghiệp: khoảng 295.000 - 330.000 ha (năm 2030), 245.000 - 265.000 ha (năm 2040), 185.000 - 205.000 ha (năm 2050);

- Khu vực quốc phòng, an ninh: khoảng 17.600 - 19.600 ha (năm 2030), 17.600 - 21.500 ha (năm 2040), 17.600 - 21.500 ha (năm 2050);

- Cơ cấu sử dụng đất toàn Thành phố: đất dân dụng khoảng 50 - 55% (đất đơn vị ở khoảng 30 - 35%), đất ngoài dân dụng khoảng 45 - 50% tổng diện tích đất xây dựng đô thị.

b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và môi trường đến năm 2030 và đến năm 2050:

- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật khu vực đô thị: tỷ lệ đất giao thông đô thị tối thiểu 6% (tính đến đường liên khu vực); mật độ mạng lưới đường tính đến đường liên khu vực tối thiểu 2 km/km²; tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng khoảng 35 - 50% (năm 2030), 50 - 60% (năm 2035) và đạt 65% (năm 2045 - 2050); tỷ lệ dân số được cấp nước sạch đạt 100%, tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung khoảng 70% (năm 2030) và 80% (năm 2050), 100% nước thải công nghiệp, y tế được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 100%, chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt tối thiểu: khu vực trung tâm đạt 0,5 kW/người (năm 2030) và 0,8 kW/người (năm 2050), đô thị loại II đạt 0,45 kW/người (năm 2030) và 0,7 kW/người (năm 2050), đô thị loại III và khu vực nông thôn: chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt đạt 0,3 kW/người (năm 2030) và 0,5 kW/người (năm 2050);

- Chỉ tiêu hạ tầng xã hội khu vực đô thị: diện tích sàn nhà ở bình quân khoảng 40 m²/người, số giường bệnh khoảng 40 - 50 giường bệnh/10.000 dân;

- Chỉ tiêu môi trường: đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực đô thị khoảng 7,0 - 7,5 m²/người, tỷ lệ che phủ rừng khoảng 9,5 - 11%.

Các chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đối với đô thị loại đặc biệt trực thuộc Trung ương, phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các điều kiện đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mô hình tăng trưởng và tổ chức không gian Thành phố:

a) Mô hình tăng trưởng:

Quy hoạch xác định chuyển từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn, đất đai và lao động sang dựa trên năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dịch vụ giá trị cao. Giai đoạn 2026 - 2030 tập trung vào bốn trụ cột: công nghệ đột phá, đổi mới sáng tạo, hạ tầng chiến lược và dịch vụ đô thị. Giai đoạn 2031 - 2035 phát huy hiệu quả hạ tầng khung, nâng cao năng suất; giai đoạn 2036 - 2045 chuyển mạnh sang kinh tế tri thức; sau năm 2045 duy trì tăng trưởng bền vững, hướng tới đô thị toàn cầu.

b) Mô hình tổ chức không gian:

Thành phố được phát triển theo mô hình siêu đô thị đa cực, đa tâm với 05 cực động lực - 05 trung tâm vệ tinh - 05 hệ liên kết chiến lược và 10 vùng quản trị phát triển.

Trong đó 05 cực động lực là không gian chiến lược, tập trung các ngành kinh tế chủ lực, có giá trị gia tăng cao, tạo ra động lực tăng trưởng vượt trội, dẫn dắt chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lan tỏa phát triển trên phạm vi toàn Thành phố và vùng; 05 trung tâm vệ tinh là các trung tâm đô thị giữ vai trò tổ chức, cung cấp dịch vụ, việc làm và các chức năng chuyên ngành cho khu vực phụ cận; 05 hệ liên kết chiến lược là các hành lang kinh tế, mạng lưới hạ tầng kết nối chủ đạo; 10 vùng quản trị phát triển là khu vực lãnh thổ được xác định trên cơ sở đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, và yêu cầu phát triển. Vùng quản trị phát triển không phải đơn vị hành chính, không làm phát sinh cấp trung gian; được vận hành theo cơ chế điều phối liên ngành, liên địa bàn.

c) Định hướng phát triển không gian đô thị và nông thôn:

Phát triển hệ thống đô thị và nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh theo mô hình siêu đô thị đa cực, đa trung tâm, đa tầng; gắn kết các khu vực đô thị, nông thôn với các cực và trung tâm phát triển; bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo vệ cảnh quan, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn được cụ thể hóa trong các quy hoạch đô thị và nông thôn, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị và phương án sắp xếp đơn vị hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Đến năm 2030: Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị loại đặc biệt; hệ thống đô thị trên địa bàn Thành phố được định hướng gồm các đô thị loại II tại các cực động lực và trung tâm phát triển và các đô thị loại III tại các vùng phát triển mới.

Sau năm 2030: Tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống đô thị và nông thôn. Trên cơ sở định hướng phát triển hệ thống đô thị và quá trình đô thị hóa, từng bước chuyển các xã đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn thành phường, phù hợp với yêu cầu quản lý và quy định của pháp luật.

Tập trung cải tạo, chỉnh trang và tái thiết các khu vực đô thị hiện hữu; phát

triển các cực và trung tâm đô thị mới gắn với lợi thế đặc thù của từng khu vực và hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD); kiểm soát phát triển dàn trải, sử dụng hiệu quả quỹ đất và nâng cao chất lượng không gian đô thị.

Phát triển khu vực nông thôn theo hướng sinh thái, gắn với nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đô thị và bảo vệ tài nguyên, hệ sinh thái, cảnh quan. Quản lý chặt chẽ quá trình đô thị hóa và chuyển đổi mục đích sử dụng đất; ngăn chặn tình trạng phân lô, xây dựng và chuyển đổi đất nông nghiệp trái quy định. Từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nâng cao chất lượng dịch vụ và điều kiện sống tại các điểm dân cư nông thôn; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, làng nghề, cảnh quan và không gian sinh thái đặc trưng.

Đến năm 2050: Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục là đô thị loại đặc biệt, đô thị trung tâm tổng hợp quốc gia và cực tăng trưởng kinh tế - xã hội quan trọng của cả nước; có hệ thống đô thị và nông thôn phát triển hài hòa, liên kết đồng bộ, theo hướng xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và có năng lực cạnh tranh quốc tế.

d) Cực động lực, cực tăng trưởng:

Hệ thống không gian kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức theo năm cực động lực. Trong đó 05 cực động lực là không gian chiến lược, tập trung các ngành kinh tế chủ lực, có giá trị gia tăng cao, tạo ra động lực tăng trưởng vượt trội, dẫn dắt chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lan tỏa phát triển trên phạm vi toàn Thành phố và vùng.

- Cực lõi trung tâm tài chính dịch vụ quốc tế: là không gian trung tâm đô thị lịch sử hiện hữu, Sài Gòn, Chợ Lớn, Thủ Thiêm và đoạn trung tâm hai bên sông Sài Gòn… phát huy vai trò quản trị, tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch và công viên chuyên đề tầm cỡ quốc tế, văn hóa và kinh tế sáng tạo; nâng cao chất lượng không gian đô thị, ưu tiên tái thiết, bảo tồn di sản và phát triển gắn với giao thông công cộng.

- Cực đổi mới sáng tạo phía Đông: gồm Thủ Đức - Thuận An - Dĩ An - Tân Uyên…, kết nối cảng hàng không Long Thành, tập trung vào công nghiệp công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo (AI), bán dẫn, R&D, giáo dục đại học, khởi nghiệp, phát triển thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và đô thị tri thức.

- Cực công nghiệp - logistics phía Bắc: tập trung tại Thủ Dầu Một - Bến Cát - Bàu Bàng… và các khu vực liên quan, phát triển sản xuất, chế biến chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, logistics và trung tâm phân phối vùng, chuyển từ khu công nghiệp đơn chức năng sang hệ sinh thái công nghiệp - logistics - đô thị - dịch vụ tích hợp.

- Cực cảng biển - thương mại tự do - công nghiệp năng lượng phía Nam: là không gian từ Châu Đức, Phú Mỹ xuống Long Sơn, Bà Rịa và khu cảng biển Cần Giờ…, phát triển cảng biển quốc tế, thương mại tự do, logistics, hàng hải và năng lượng, hình thành cửa ngõ giao thương quốc tế của Thành phố và cả nước.

- Cực đô thị, giáo dục, y tế phía Tây: không gian từ xã Bình Hưng đến xã Hóc Môn, tập trung phát triển các khu đô thị đồng bộ gắn với các trung tâm giáo dục, đào tạo và y tế chuyên sâu, dịch vụ triển lãm cấp vùng… Tổ chức không gian ở, học tập, nghiên cứu, khám chữa bệnh và các dịch vụ hỗ trợ theo hướng tích hợp; hình thành thêm các trung tâm việc làm, dịch vụ, góp phần phân bố lại dân cư và giảm áp lực lên khu vực lõi trung tâm Thành phố.

đ) Trung tâm vệ tinh:

Bổ sung 05 trung tâm vệ tinh trong cấu trúc không gian tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh, gồm Côn Đảo, Vũng Tàu - Long Hải - Hồ Tràm, Hóc Môn - Củ Chi, Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên. Các trung tâm vệ tinh có chức năng bổ trợ cho các cực động lực, đồng thời tăng khả năng cung cấp việc làm, dịch vụ và hạ tầng tại chỗ, hạn chế tập trung quá mức vào khu vực lõi.

- Đặc khu Côn Đảo: phát triển du lịch, đô thị sinh thái biển đảo, di sản - lịch sử, nghỉ dưỡng chất lượng cao, bảo tồn thiên nhiên và nghiên cứu khoa học, gắn với bảo vệ hệ sinh thái rừng - biển, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch trải nghiệm phát huy văn hóa địa phương và phát triển đảo xanh, phát thải thấp.

- Vũng Tàu - Long Hải - Hồ Tràm: phát triển chuỗi đô thị du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và dịch vụ biển quốc tế, kết hợp văn hóa thể thao, chăm sóc sức khỏe, hội nghị, sự kiện và kinh tế đêm; kiểm soát mật độ xây dựng, bảo vệ bờ biển, rừng ven biển và các hành lang sinh thái.

- Hóc Môn - Củ Chi: phát triển đô thị sinh thái, dịch vụ cửa ngõ Tây Bắc và công nghệ sinh học, kết hợp nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp công nghệ cao, chế biến, logistics nông sản, du lịch văn hóa lịch sử, nghiên cứu - đào tạo và dịch vụ thương mại; kiểm soát đô thị hóa hợp lý, phát triển hài hòa với không gian sông Sài Gòn và các hành lang xanh.

- Bàu Bàng: phát triển công nghiệp công nghệ cao, logistics và đô thị công nghiệp thế hệ mới, gắn sản xuất thông minh, công nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ, trung tâm phân phối và hạ tầng logistics đường bộ, đường sắt; hình thành hệ sinh thái tích hợp công nghiệp - logistics - dịch vụ - đô thị - trung tâm thể thao phía Bắc.

- Bắc Tân Uyên: phát triển dịch vụ công nghiệp, logistics, giáo dục đại học và đô thị sinh thái ven sông, khai thác hành lang sông Đồng Nai gắn với cảng, bến thủy, dịch vụ kỹ thuật, công viên và không gian công cộng.

e) Hệ liên kết chiến lược:

Tổ chức 05 hệ liên kết chiến lược trong cấu trúc không gian Thành phố Hồ Chí Minh, gồm các hành lang giao thông, mạng lưới hạ tầng đô thị và hệ thống sinh thái liên vùng, nhằm kết nối các cực tăng trưởng, trung tâm chủ đạo, trung tâm vệ tinh và các vùng phát triển; đồng thời tổ chức hiệu quả các dòng người, hàng hóa, vốn, tri thức, dữ liệu và các giá trị sinh thái trong toàn Thành phố và với các vùng lân cận. Các hệ liên kết được tổ chức đồng bộ theo ba cấp: cấp toàn Thành phố, cấp liên cực và cấp khu vực, bảo đảm tính liên thông, bổ trợ và khả

năng chuyển tiếp giữa các phương thức vận tải, các không gian phát triển và các hệ thống hạ tầng.

- Hệ liên kết Bắc - Nam: Hình thành các trục hạ tầng chiến lược, kết nối kinh tế lục địa với kinh tế biển, từ các cửa ngõ phía Bắc và Tây Bắc qua các khu vực công nghiệp, đô thị và đổi mới sáng tạo, kết nối với khu vực trung tâm, phía Đông Thành phố, Long Thành, Phú Mỹ và cụm cảng Cái Mép - Thị Vải. Tổ chức liên thông các phương thức đường bộ, đường sắt và đường thủy, hình thành hành lang kinh tế xuyên Thành phố từ cửa khẩu, vùng sản xuất và các cực công nghiệp đến các cửa ngõ hàng không, cảng biển và trung tâm logistics như Cao tốc Hồ Chí Minh - Chơn Thành - cửa khẩu Hoa Lư; Cao tốc Hồ Chí Minh - cửa khẩu Mộc Bài; Quốc lộ 22 mở rộng, trục sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, đường sắt Bàu Bàng - Long Thành - Cái Mép… Hệ liên kết này đồng thời tăng cường kết nối giữa các cực tăng trưởng phía Bắc, khu vực đổi mới sáng tạo phía Đông và cực cảng biển - năng lượng phía Nam, kết nối kinh tế lục địa với kinh tế đại dương, tạo thành hành lang kinh tế chủ đạo của Thành phố.

- Hệ liên kết Đông - Tây: Tổ chức hành lang hạ tầng kết nối Đồng bằng sông Cửu Long với khu vực trung tâm Thành phố, Long Thành và không gian kinh tế biển phía Nam, bao gồm Cần Giờ, Cái Mép - Thị Vải, Vũng Tàu, Hồ Tràm và Côn Đảo với các tuyến chủ đạo như Vành đai 3, Vành đai 4, Vành đai 5, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu; tuyến kết nối Long Thành - Hồ Tràm, trục Võ Văn Kiệt kéo dài và các tuyến đường ven biển… Hệ liên kết có chức năng tổ chức các dòng hàng hóa, hành khách, du lịch và dịch vụ giữa các vùng kinh tế, các cửa ngõ hàng không - cảng biển và chuỗi đô thị, du lịch ven biển, đồng thời tăng cường kết nối giữa không gian đô thị nội địa với không gian biển, đảo. Phát triển đồng bộ mạng lưới đường bộ, đường sắt, đường thủy, bảo đảm khả năng kết nối liên vùng và khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế của các vùng xung quanh.

- Hệ liên kết công nghiệp - sản xuất - logistics đa phương thức: Hình thành mạng lưới liên kết các vùng công nghiệp và sản xuất phía Bắc, Tây Bắc với các trung tâm logistics, Long Thành, Hiệp Phước, Cái Mép - Thị Vải và các cửa ngõ xuất nhập khẩu. Tổ chức thống nhất chuỗi sản xuất, chế biến chế tạo - logistics - cảng biển - hàng không - phân phối, kết hợp hiệu quả đường bộ, đường sắt, đường thủy và các trung tâm logistics, cảng cạn và đầu mối phân phối. Hình thành các hành lang logistics hiệu quả, giảm chi phí vận chuyển và trung chuyển, đồng thời tăng cường liên kết giữa sản xuất, nghiên cứu - đổi mới sáng tạo và thị trường.

- Hệ liên kết hạ tầng đô thị đa tầng: Tổ chức tích hợp các lớp không gian mặt đất, không gian tầm thấp, không gian tầm cao, không gian ngầm và hạ tầng số, tạo thành hệ thống hạ tầng đô thị thống nhất, linh hoạt và có khả năng mở rộng theo nhu cầu phát triển. Lấy mạng lưới đường sắt đô thị, giao thông công cộng khối lượng lớn, các đầu mối trung chuyển và mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) làm cấu trúc chính để liên kết các cực và các trung tâm đô thị. Đồng bộ hạ tầng giao thông với cấp nước, thoát nước, năng lượng, viễn thông, dữ liệu và các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội; từng bước

khai thác hiệu quả không gian ngầm, không gian trên cao và các công nghệ vận tải mới, tạo điều kiện phân bố hợp lý dân cư, việc làm và dịch vụ theo hướng đa trung tâm, giảm phụ thuộc vào khu vực lõi.

- Hệ liên kết Xanh - Xanh dương: Phát triển mạng lưới sinh thái liên tục từ các vùng hồ, rừng và nông nghiệp phía Bắc, qua hệ thống sông Sài Gòn, Đồng Nai, Nhà Bè, Soài Rạp, Thị Vải, vùng rừng ngập mặn Cần Giờ đến không gian ven biển và Côn Đảo. Xác lập, củng cố và kết nối hệ thống hành lang xanh, hành lang sông nước, vùng sinh thái và không gian biển làm hạ tầng sinh thái nền tảng của Thành phố, gắn bảo tồn với phát triển bền vững. Ưu tiên bảo vệ an ninh nguồn nước cho Thành phố trong tương lai thông qua việc bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên xung quanh các hồ chứa lớn của vùng, tăng khả năng điều tiết và trữ nước, kiểm soát ngập lụt, hạn chế tác động của biến đổi khí hậu và sụt lún; đồng thời phát triển mạng lưới không gian công cộng, công viên, mặt nước và cảnh quan hai bên các trục sông, củng cố bản sắc đô thị sông nước - biển đảo cho Thành phố.

g) Phân vùng phát triển và định hướng không gian theo khu vực:

Tổ chức không gian Thành phố Hồ Chí Minh theo 10 vùng quản trị phát triển, là khung quản lý lãnh thổ nhằm phân bổ hợp lý dân cư, việc làm, sản xuất, dịch vụ, du lịch, sinh thái và đầu tư hạ tầng; mỗi vùng được xác định theo chức năng chủ đạo, điều kiện tự nhiên, quỹ đất, hạ tầng, môi trường, bản sắc và yêu cầu kiểm soát phát triển, nhằm tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực và quản lý phát triển cân bằng và thống nhất trên toàn bộ siêu đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

- Vùng lõi đô thị - tài chính - quản trị - di sản: Là trung tâm chính trị, hành chính, tài chính, thương mại, dịch vụ du lịch cao cấp và công viên chuyên đề, văn hóa, lịch sử, giáo dục, y tế và đối ngoại của Thành phố, tập trung tại khu trung tâm đô thị lịch sử hiện hữu, khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn - Thủ Thiêm… và hai bờ sông Sài Gòn đoạn trung tâm. Ưu tiên bảo tồn và phát huy giá trị di sản; cải tạo, tái thiết các khu vực đô thị hiện hữu; khai thác hiệu quả các quỹ đất có tiềm năng; phát triển các chức năng thương mại - dịch vụ, tài chính và kinh tế sáng tạo có giá trị gia tăng cao. Tổ chức phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng, TOD và không gian ngầm; kiểm soát sức tải hạ tầng; tăng cường không gian công cộng, công viên và hành lang xanh - mặt nước, đặc biệt dọc sông, kênh, rạch; từng bước chuyển đổi các chức năng sản xuất không phù hợp trong khu vực lõi. Quy mô diện tích khoảng 17.000 - 17.500 ha; dân số dự kiến khoảng 5,90 - 6,20 triệu người.

- Vùng đổi mới sáng tạo phía Đông: Là vùng đô thị động lực phía Đông Bắc; trung tâm khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao và kinh tế số của Thành phố, đồng thời là đầu mối liên kết với Long Thành và vùng Đông Nam Bộ. Tổ chức không gian theo mô hình đô thị tri thức, đô thị thông minh và đa chức năng; phát triển hệ sinh thái liên kết giữa đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các trung tâm đổi mới sáng tạo. Ưu tiên phát triển TOD gắn với mạng lưới đường sắt đô thị và giao thông công cộng khối lượng lớn; tái cấu trúc các khu công nghiệp cũ theo hướng công nghiệp công nghệ

cao, dịch vụ và đô thị tri thức; kiểm soát phát triển nhà ở tự phát. Bảo vệ hệ thống sông, kênh, rạch, công viên và hành lang thoát nước; tăng cường kết nối qua sông Sài Gòn, sông Tắc và sông Đồng Nai. Quy mô diện tích khoảng 42.900 - 43.300 ha; dân số dự kiến khoảng 4,98 - 5,25 triệu người.

- Vùng Tây - Tây Nam: Là cửa ngõ kết nối Thành phố với Đồng bằng sông Cửu Long; phát triển các chức năng logistics, thương mại, công nghiệp đảm bảo các tiêu chí môi trường đô thị, y sinh, y tế, giáo dục - đào tạo, dịch vụ và đô thị sinh thái. Tập trung phát triển các đầu mối giao thông, logistics và phân phối hàng hóa; gắn với mạng lưới giao thông đối ngoại và giao thông công cộng. Phát triển các đô thị cửa ngõ gắn với nhà ga, bến bãi và trung tâm phân phối. Khu vực phía Bắc ưu tiên phát triển đô thị sinh thái, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch sinh thái; khu vực phía Nam phát triển công nghiệp đảm bảo các tiêu chí môi trường đô thị, logistics, y tế và các khu đô thị mới đồng bộ. Duy trì các vùng nông nghiệp, không gian xanh, vùng trữ nước và hành lang thoát nước, tạo vùng đệm thích ứng với điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu. Quy mô diện tích khoảng 83.200 - 83.600 ha; dân số dự kiến khoảng 5,79 - 6,09 triệu người.

- Vùng đô thị công nghiệp - dịch vụ phía Bắc: Là hậu phương sản xuất hiện đại và cửa ngõ liên kết vùng phía Bắc của Thành phố; tập trung công nghiệp công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghiệp xanh, logistics, dịch vụ kỹ thuật, đô thị thông minh và đào tạo nhân lực. Tổ chức không gian theo mô hình công nghiệp - đô thị - dịch vụ tích hợp, với chuỗi đô thị động lực phía Nam, các hành lang công nghiệp - logistics - dịch vụ ở khu vực trung tâm và vùng nông nghiệp, sinh thái ở phía Bắc và Đông Bắc. Ưu tiên nâng cấp, chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu sang mô hình công nghiệp sinh thái, công nghệ cao và tuần hoàn, công nghệ tiên tiến; gắn sản xuất với logistics, nghiên cứu - phát triển, đào tạo và dịch vụ đô thị. Phát triển đô thị tập trung, hạn chế mở rộng phân tán; bổ sung nhà ở, y tế, giáo dục và dịch vụ cho người lao động. Bảo vệ hệ thống sông, suối, hồ, rừng và đất nông nghiệp; hình thành mạng lưới xanh - mặt nước làm khung kiểm soát phát triển và tăng khả năng chống chịu khí hậu. Quy mô diện tích khoảng 160.000 - 160.400 ha; dân số dự kiến khoảng 3,10 - 3,26 triệu người.

- Vùng sinh thái và dự trữ phát triển: gồm tiểu vùng ở phía Bắc, Tây Bắc và tiểu vùng phía Đông Nam Thành phố là vùng cân bằng sinh thái; bảo vệ nguồn nước, rừng, đa dạng sinh học, nông nghiệp công nghệ cao; và quỹ đất dự trữ dài hạn của Thành phố. Kiểm soát chặt quá trình đô thị hóa; hạn chế phát triển đô thị phân tán và chuyển đổi đất nông nghiệp, rừng, mặt nước và vùng trữ nước có giá trị. Tổ chức các điểm dân cư tập trung gắn với hệ thống dịch vụ thiết yếu; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn và du lịch sinh thái phù hợp. Bảo vệ hồ Dầu Tiếng, hệ thống rừng, sông suối, vùng trũng và các hành lang sinh thái; hình thành mạng lưới xanh - xanh dương liên tục. Quỹ đất dự trữ được duy trì tập trung, hạn chế phân lô và xây dựng các công trình, tổ hợp ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, bảo đảm khả năng dự trữ và khai thác cho các nhu cầu phát triển chiến lược trong tương lai. Quy mô diện tích khoảng 130.200 - 131.000 ha; dân số dự kiến khoảng 0,84 - 0,98 triệu người.

- Vùng phía Tây Bắc và phía Nam gồm tiểu vùng phía Tây Bắc Hóc Môn - Củ Chi kết nối với cửa ngõ phía Tây Bắc của đô thị trung tâm và tiểu vùng phía Nam Nhà Bè - Hiệp Phước kết nối với cửa ngõ phía Nam của đô thị trung tâm. Tiểu vùng phía Tây Bắc với động lực phát triển là đô thị sinh thái, dịch vụ logistics, công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch lịch sử - văn hóa. Tiểu vùng phía Nam là vùng đô thị sinh thái - cảng - logistics phía Nam, giữ vai trò kết nối khu vực trung tâm với Cần Giờ, Đồng Nai và hệ thống cảng biển; phát triển đô thị sinh thái nước, công nghệ cao, kinh tế tri thức, logistics, công nghiệp đảm bảo các tiêu chí môi trường đô thị và dịch vụ hỗ trợ cảng. Tổ chức các trung tâm đô thị đa chức năng gắn với các đầu mối giao thông, khu công nghệ, y sinh, giáo dục - đào tạo. Ưu tiên phát triển đô thị tập trung theo giao thông công cộng, tăng cường kết nối đường bộ, đường sắt, đường thủy và các khu vực lân cận. Khai thác hệ thống sông, kênh, rạch và hồ điều hòa làm khung cấu trúc tự nhiên, kết hợp công viên và không gian công cộng. Đối với các khu vực đất trũng, tổ chức đô thị nén nhưng duy trì tỷ lệ không gian mở lớn, bảo đảm chức năng trữ nước, thoát nước và hành lang xanh; duy trì các khu vực nông nghiệp đô thị, sinh thái và nông thôn phù hợp. Quy mô diện tích khoảng 18.100 - 18.500 ha; dân số dự kiến khoảng 2,17 - 2,28 triệu người.

- Vùng sinh thái biển Cần Giờ: Là không gian sinh thái biển đặc thù, cửa ngõ hướng biển và trung tâm kinh tế biển của Thành phố, gắn với rừng ngập mặn, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, kinh tế biển, cảng, logistics, hậu cần nghề cá và nghiên cứu biển. Ưu tiên bảo vệ và phát huy giá trị Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ, hệ sinh thái rừng ngập mặn, sông nước và biển; mọi hoạt động phát triển phải phù hợp với sức chịu tải sinh thái. Tổ chức đô thị theo mô hình đô thị sinh thái, đô thị nước và đô thị hướng biển; kiểm soát dân số, mật độ xây dựng và hạ tầng theo ngưỡng môi trường. Phát triển có chọn lọc các chức năng cảng, logistics, thương mại và du lịch sinh thái; tăng cường kết nối giao thông đường thủy, đường sắt và đường bộ với trung tâm Thành phố và các vùng kinh tế biển. Quy mô diện tích khoảng 71.900 - 72.300 ha; dân số dự kiến khoảng 0,56 - 0,59 triệu người.

- Vùng cảng biển - logistics - công nghiệp - năng lượng: Là vùng động lực kinh tế phía Đông Nam, cửa ngõ giao thương quốc tế và trung tâm liên kết chuỗi sản xuất - logistics - cảng biển của Thành phố với vùng Đông Nam Bộ, và mạng lưới kinh tế quốc tế. Tập trung phát triển cảng nước sâu Cái Mép - Thị Vải, logistics quốc tế, dịch vụ hàng hải, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp tiên tiến, năng lượng và thương mại tự do; từng bước hình thành hệ sinh thái công nghiệp - logistics - dịch vụ - đô thị hiện đại. Tổ chức hành lang cảng biển - công nghiệp, đô thị - dịch vụ và công nghiệp - đô thị - nông nghiệp. Tăng cường kết nối đường bộ, đường sắt, đường thủy với Long Thành. Kiểm soát xung đột giữa cảng, công nghiệp, đô thị và môi trường; bảo vệ hành lang sông Thị Vải, sông Dinh, hồ chứa và các vùng sinh thái, hình thành mạng lưới xanh - mặt nước làm khung kiểm soát phát triển. Quy mô diện tích khoảng 99.400 - 99.800 ha; dân số dự kiến khoảng 1,11 - 1,34 triệu người.

- Vùng du lịch biển Vũng Tàu - Long Hải - Hồ Tràm - Bình Châu: Là vùng

đô thị - du lịch - dịch vụ biển và sinh thái ven biển trọng điểm, giữ vai trò cửa ngõ du lịch hướng biển và trung tâm nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe và kinh tế biển của Thành phố. Tổ chức không gian theo cấu trúc đô thị biển trung tâm - các cực du lịch - hành lang ven biển - hậu phương sinh thái, trong đó Vũng Tàu là trung tâm dịch vụ biển tổng hợp; Long Hải - Phước Hải là không gian đô thị, du lịch và văn hóa - sinh thái; Hồ Tràm - Bình Châu là cực nghỉ dưỡng kết hợp đô thị sinh thái, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe tầm vóc quốc tế. Ưu tiên phát triển không gian công cộng, công viên và tuyến đi bộ ven biển; hạn chế bê tông hóa và phát triển đô thị mật độ cao liên tục dọc bờ biển, bảo đảm các khoảng mở và khả năng tiếp cận biển công cộng. Phát triển đồng bộ hạ tầng xanh - xanh dương, bảo vệ rừng, bờ biển, mặt nước và các hành lang sinh thái; tăng cường kết nối với Cái Mép, Long Thành, Bà Rịa và trung tâm Thành phố. Quy mô diện tích khoảng 45.700 - 46.100 ha; dân số dự kiến khoảng 0,99 - 1,05 triệu người.

- Đặc khu Côn Đảo: Là không gian biển đảo đặc thù, kết hợp đô thị sinh thái - di sản - du lịch - quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch trải nghiệm phát huy văn hóa địa phương, có vai trò là điểm đến du lịch văn hóa, lịch sử có ý nghĩa quốc gia và định hướng vươn tầm quốc tế. Phát triển Côn Đảo theo mô hình đảo xanh, thông minh, có kiểm soát, dựa trên sức chịu tải của hệ sinh thái và năng lực hạ tầng. Ưu tiên bảo tồn Vườn quốc gia Côn Đảo, hệ sinh thái rừng, đất ngập nước và biển, đồng thời bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa. Không gian phát triển được tổ chức theo mô hình phân tán, nhiều trung tâm, gắn các khu vực dân cư và du lịch với hệ sinh thái tự nhiên, tập trung tại Côn Sơn, Cỏ Ống và Bến Đầm. Kiểm soát dân số, xây dựng, giao thông và hoạt động du lịch theo sức chịu tải; phát triển du lịch chất lượng cao, hạ tầng xanh, năng lượng sạch và các giải pháp giảm tác động môi trường, đồng thời bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh biển đảo. Quy mô diện tích khoảng 7.500 - 8.100 ha; dân số dự kiến khoảng 0,065 - 0,07 triệu người.

(Việc dự báo và phân bổ dân số cho các vùng quản trị phát triển, các đơn vị hành chính xã, phường và các phân khu của Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm tính tổng thể, linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Các căn cứ nghiên cứu bao gồm: quy mô dân số hiện trạng và xu hướng biến động dân số của từng khu vực; dư địa phát triển quỹ đất đô thị; khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; tiềm năng phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng - TOD; các chương trình, dự án phát triển nhà ở, nhà ở xã hội; nhu cầu cải tạo, chỉnh trang và tái thiết các khu dân cư hiện hữu.

Để bảo đảm tính linh hoạt, chủ động trong quản lý và đáp ứng các biến động thực tế, Quy hoạch tổng thể xác định biên độ điều chỉnh tăng hoặc giảm tối đa 5% trên tổng quy mô dân số dự báo toàn Thành phố tại từng mốc thời gian quy hoạch. Biên độ này được xem xét áp dụng theo từng giai đoạn trên toàn Thành phố để cập nhật quy mô và phân bổ dân số phù hợp với các diễn biến phát triển, tiến độ triển khai các dự án trọng điểm, các khu vực TOD và sự xuất hiện của các động lực phát triển mới. Việc điều chỉnh phải được xem xét trên cơ sở đánh giá

nhu cầu thực tế, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và sự phù hợp với định hướng phát triển không gian Thành phố).

h) Khu trọng điểm phát triển đô thị:

Khu vực trọng điểm phát triển đô thị là khu vực có quỹ đất lớn, có thể chuyển đổi hoặc tái cấu trúc để phát triển các chức năng chiến lược của Thành phố; có lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên; thuận lợi kết nối giao thông với các khu chức năng khác của Thành phố và giao thông liên vùng. Tổng quy mô dự kiến các khu vực trọng điểm phát triển đô thị khoảng 65.000 ha - 85.000 ha.

Chức năng chủ đạo của khu vực trọng điểm nằm trong bốn trụ cột chiến lược phát triển của Thành phố: (1) động lực đổi mới sáng tạo cốt lõi, gồm dịch vụ số và AI, trung tâm tài chính và kinh doanh khu vực, sản xuất tiên tiến; (2) công nghệ đột phá mới, gồm công nghệ sinh học - dược phẩm, robot, kinh tế tầm thấp, nghiên cứu và sáng tạo, điện toán và trung tâm dữ liệu; (3) hạ tầng chiến lược nền tảng, gồm năng lượng, trung tâm logistics tiên tiến, xây dựng và hạ tầng đô thị; (4) chất lượng sống và dịch vụ, gồm du lịch và giải trí cao cấp, dịch vụ đô thị (bán lẻ hiện đại, giáo dục, y tế).

Cơ cấu sử dụng đất của khu vực trọng điểm gồm một hoặc một số khu chức năng, có thể kết hợp với chức năng đô thị; trường hợp kết hợp phải bảo đảm tỷ trọng đất đơn vị ở, dịch vụ - công cộng, cây xanh sử dụng công cộng, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng chỉ tiêu phát triển của Thành phố, kiểm soát quy mô chức năng đơn vị ở, trong đó ưu tiên bố trí nhà ở xã hội.

i) Định hướng phát triển không gian biển:

Phát triển không gian biển thành động lực tăng trưởng lâu dài của Thành phố, tổ chức chuỗi liên kết Cần Giờ - vịnh Gành Rái - Cái Mép - Thị Vải - Long Sơn - Vũng Tàu - Long Hải - Hồ Tràm - Côn Đảo. Phân bố các chức năng cảng biển, logistics, công nghiệp, năng lượng, đô thị, du lịch, giải trí chất lượng cao và bảo tồn phù hợp với điều kiện tự nhiên, sức chịu tải môi trường; tăng cường kết nối với các cực động lực, hành lang ven biển và mạng lưới giao thông liên vùng.

Phát triển hệ thống cảng Cái Mép - Thị Vải và cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo hướng bổ trợ, liên thông, gắn với khu thương mại tự do, các trung tâm logistics và dịch vụ hàng hải. Tăng cường kết nối đường bộ, đường sắt, đường thủy giữa cảng biển, khu công nghiệp và các đầu mối vận tải; bảo đảm không gian phát triển cảng, luồng hàng hải và an toàn giao thông đường biển.

Củng cố, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở công nghiệp và dịch vụ dầu khí; phát triển LNG, điện gió ngoài khơi, năng lượng tái tạo và các ngành công nghiệp năng lượng mới. Nghiên cứu bố trí các khu vực khai thác năng lượng biển, hạ tầng tiếp nhận, lưu trữ và truyền tải gắn với hệ thống cảng, trung tâm năng lượng; kiểm soát sự chồng lấn với luồng hàng hải, khu vực bảo tồn, ngư trường và không gian quốc phòng, an ninh.

Phát triển đô thị, du lịch, nghỉ dưỡng và dịch vụ biển tại Cần Giờ, Long Hải - Hồ Tràm và Côn Đảo; tổ chức các tuyến du lịch biển đảo, không gian công cộng

ven biển và dịch vụ du lịch gắn với di sản. Xác định các khu vực thực sự có điều kiện và tiềm năng nghiên cứu lấn biển để bổ sung quỹ đất phát triển kinh tế. Vị trí, quy mô và chức năng lấn biển được cụ thể hóa trên cơ sở đánh giá thủy động lực, luồng lạch, địa chất, thủy văn, môi trường, quốc phòng an ninh, tác động đến bờ biển, hệ sinh thái và không gian hiện trạng tiếp giáp.

Bảo vệ rừng ngập mặn Cần Giờ, hệ sinh thái vịnh Gành Rái, cửa sông, bãi triều và các khu vực bảo tồn biển Côn Đảo. Duy trì hành lang sinh thái, không gian thoát nước và khả năng tiếp cận biển của cộng đồng; kiểm soát ô nhiễm, xói lở, ngập và nước biển dâng. Kết hợp phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai và bảo vệ sinh kế người dân.

k) Không gian xanh, mặt nước, hành lang sinh thái, vùng đệm sinh thái:

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị đến năm 2050 khoảng 19.000 - 20.000 ha, chỉ tiêu bình quân khoảng 7,0 - 7,5 m^2/người.

Tổ chức hệ thống không gian xanh, mặt nước và sinh thái thành khung cấu trúc xanh - xanh dương của Thành phố Hồ Chí Minh, liên kết từ khu vực đô thị trung tâm đến vùng ven, nông nghiệp, rừng, sông, biển và đảo; góp phần điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường, phòng chống ngập, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao chất lượng không gian sống.

Phát triển mạng lưới không gian xanh đa tầng, liên tục, kết nối rừng ngập mặn Cần Giờ, rừng tự nhiên Bình Châu - Phước Bửu, các vùng nông nghiệp và không gian sinh thái phía Bắc, cùng hệ thống công viên, quảng trường, vườn hoa, cây xanh đô thị và không gian mở; bảo đảm phân bố hợp lý, tăng khả năng tiếp cận không gian công cộng và hình thành các vùng xanh quy mô lớn cho toàn Thành phố.

Tổ chức hệ thống mặt nước gồm sông Sài Gòn, Đồng Nai, Sông Bé, Thị Vải, hệ thống kênh rạch, hồ chứa, vùng đất ngập nước và không gian ven biển thành các trục cấu trúc cảnh quan, sinh thái và điều hòa nước. Bảo vệ các hồ chứa nước lớn như Dầu Tiếng, Đá Đen, Sông Ray… cho mục tiêu bảo đảm an ninh nguồn nước. Bảo vệ hành lang sông và vùng trũng tự nhiên; phát huy giá trị cảnh quan, giao thông thủy, không gian công cộng ven nước, đồng thời tăng cường khả năng trữ nước, điều tiết dòng chảy, giảm ngập và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Hình thành mạng lưới hành lang sinh thái liên tục, kết nối rừng, núi, sông, hồ, đất nông nghiệp, vùng bảo tồn, rừng ngập mặn và hệ sinh thái biển theo hướng Bắc - Nam và từ nội địa ra biển. Ưu tiên các hành lang dọc sông Sài Gòn, Đồng Nai, Sông Bé, Thị Vải và các hành lang ven biển; kết hợp bảo tồn đa dạng sinh học với phát triển giao thông xanh, công viên, đường đi bộ, xe đạp và du lịch sinh thái phù hợp.

Thiết lập các vùng đệm sinh thái tại khu vực rừng, khu bảo tồn, hồ chứa, hành lang sông, vùng nông nghiệp sinh thái và ven biển nhằm kiểm soát mở rộng đô thị, giảm áp lực lên các hệ sinh thái nhạy cảm và tạo không gian chuyển tiếp

giữa đô thị với vùng bảo tồn. Hạn chế mật độ và tác động xây dựng; ưu tiên không gian xanh, mặt nước, nông nghiệp sinh thái, du lịch sinh thái và các công trình có tác động thấp đến môi trường.

Bảo vệ và phát huy đồng bộ khung sinh thái xanh - xanh dương, gắn với các cực tăng trưởng, trung tâm đô thị và hệ thống liên kết chiến lược; bảo đảm cân bằng giữa phát triển đô thị, kinh tế với bảo tồn tài nguyên, cảnh quan và hệ sinh thái, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và hình thành bản sắc đô thị sinh thái, đa cực, gắn với sông và biển của Thành phố Hồ Chí Minh.

l) Phát triển TOD, không gian ngầm:

Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), lấy mạng lưới đường sắt đô thị và đường sắt quốc gia làm khung cấu trúc không gian và giao thông chủ đạo; chuyển từ mô hình phát triển đô thị lan tỏa, phụ thuộc phương tiện cá nhân sang mô hình đô thị nén, đa cực, đa trung tâm, siêu kết nối, và tăng cường khả năng tiếp cận. Tổ chức phát triển theo nguyên tắc "phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng - giao thông công cộng dẫn dắt phát triển đô thị", hướng tới mô hình đô thị 15 phút và thành phố đa tâm 30 phút.

Tập trung phát triển đô thị nén, hỗn hợp và đa chức năng tại các khu vực quanh nhà ga, đầu mối giao thông và các hành lang đường sắt; ưu tiên tái thiết, chuyển đổi các khu vực sử dụng đất kém hiệu quả, đất công nghiệp cũ và quỹ đất có khả năng phát triển. Kiểm soát mở rộng đô thị, đồng thời bảo đảm cân bằng giữa mật độ xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian công cộng, cây xanh và khả năng đáp ứng của hệ thống giao thông.

Hình thành mạng lưới hành lang TOD cấp vùng, cấp thành phố, gắn với các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt quốc gia, vành đai, sân bay, cảng biển, trung tâm logistics và các trung tâm vệ tinh, từng bước hình thành mạng lưới TOD liên thông giữa lõi đô thị, các cực tăng trưởng và các khu vực phát triển mới.

Phát triển không gian ngầm đồng bộ với TOD, ưu tiên tại các đầu mối giao thông lớn và khu vực đô thị có mật độ cao; kết nối nhà ga với tầng hầm công trình, trung tâm thương mại, bãi đỗ xe, không gian đi bộ và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Khai thác hợp lý không gian dưới mặt đất nhằm giảm áp lực sử dụng đất trên mặt đất, tăng khả năng kết nối và tạo thêm không gian công cộng, dịch vụ đô thị; bảo đảm an toàn công trình, phòng cháy chữa cháy, thoát hiểm, môi trường và khả năng thích ứng với ngập, nước ngầm.

m) Định hướng kiến trúc cảnh quan, thiết kế đô thị:

Phân vùng kiến trúc, cảnh quan:

Xây dựng hình ảnh Thành phố Hồ Chí Minh là Thành phố toàn cầu có bản sắc riêng, một Thành phố xanh, thân thiện, phát triển theo định hướng giao thông công cộng và dựa trên khung cấu trúc cảnh quan thiên nhiên, các giá trị văn hóa, lịch sử, bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tạo lập không gian kiến trúc cảnh quan tổng thể và xác định 08 phân vùng kiến trúc cảnh quan đặc trưng, dựa trên ba yếu tố là di sản đô thị, địa hình và cảnh quan như sau:

- Khu vực nội đô hiện hữu, cân bằng giữa bảo tồn và cải tạo: Khu vực đô thị lịch sử (1);

- Khu vực đô thị chủ yếu tái phát triển: Khu vực dân cư xây dựng tự phát trong quá khứ (2); Khu vực dân cư ven sông, kênh rạch (3);

- Khu vực dự kiến phát triển mới trên khung cảnh quan thiên nhiên và nhân tạo: Khu vực đô thị vùng ngập nước (4); Khu vực đô thị kết hợp nông nghiệp (5); Khu vực đô thị biển (6);

- Khu vực cảnh quan thiên nhiên đặc thù cần bảo tồn: Vùng sinh thái Cần Giờ (7); đặc khu Côn Đảo (8).

Các trục không gian chính:

Kế thừa các quy hoạch đã được phê duyệt, Thành phố Hồ Chí Minh phát triển theo các hướng Đông; Nam - Đông Nam ra biển; Bắc - Tây Bắc và Tây - Tây Nam, với cấu trúc đô thị đa trung tâm liên kết bởi 05 vành đai chủ đạo và 04 hành lang phát triển đặc trưng.

Hoàn thiện 05 vành đai liên kết, gồm Vành đai 2 gắn với chỉnh trang đô thị hiện hữu; Vành đai 3 kiểm soát mở rộng đô thị và tạo vùng chuyển tiếp xanh; Vành đai 4 kết nối các trung tâm công nghiệp, logistics và đô thị mới; Vành đai 4,5 hình thành trên cơ sở CT02, QL56B để dự trữ không gian phát triển; Vành đai 5 hỗ trợ phân luồng giao thông, tăng cường liên kết với Tây Ninh, Đồng Nai và Lâm Đồng.

Tổ chức 04 hành lang phát triển đặc trưng, gồm hành lang sông Sài Gòn, hành lang sinh thái sông Đồng Nai, hành lang sinh thái sông Soài Rạp và hành lang kinh tế ven biển Gò Công Đông - Cần Giờ - Bà Rịa - Vũng Tàu - Đồng Nai. Ưu tiên hình thành hệ thống không gian xanh - xanh dương liên tục, bảo đảm tiếp cận công cộng, phát triển giao thông thủy, du lịch, cảng biển, logistics và kinh tế biển gắn với bảo tồn hệ sinh thái.

Dọc các trục, hành lang, vành đai, ưu tiên giao thông công cộng, TOD, không gian xanh - xanh dương; kiểm soát mật độ, tầng cao và bảo đảm chuyển tiếp hài hòa giữa đô thị, công nghiệp và sinh thái.

Tổ chức không gian cây xanh mặt nước:

Hệ thống không gian xanh và mặt nước Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức thành khung hạ tầng xanh - xanh dương liên hoàn, lấy sông, hồ, biển, núi và hệ sinh thái tự nhiên làm nền tảng. Trọng tâm là bảo tồn rừng ngập mặn Cần Giờ, núi Dinh - Minh Đạm và cảnh quan tự nhiên phía Đông Nam; đồng thời phát triển mạng lưới công viên, hồ điều tiết, hành lang xanh và nêm xanh xuyên đô thị.

Các trục cảnh quan chính gồm: hồ Dầu Tiếng - sông Sài Gòn; sông Đồng Nai; sông Nhà Bè - Soài Rạp - Cần Giờ; sông Thị Vải - vịnh Gành Rái; dải ven biển Cần Giờ - Vũng Tàu - Long Hải - Hồ Tràm - Bình Châu và mạng lưới kênh rạch nội đô. Không gian ven mặt nước được tổ chức thành chuỗi công viên, quảng trường, đường đi bộ, xe đạp và bến thuyền công cộng; hạn chế tư nhân hóa bờ

sông, ưu tiên kè mềm, bảo vệ vùng bán ngập và hành lang thoát nước. Các khu đô thị mới và khu vực tái phát triển phải kết nối, bổ sung hệ thống cây xanh - mặt nước, góp phần chống ngập, cải thiện môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hệ thống trung tâm đô thị đa năng, điểm nhấn và quảng trường:

Hệ thống trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh được phát triển theo mô hình đa trung tâm, đa chức năng, gắn với các trục đô thị, hành lang sông nước và đầu mối giao thông công cộng. Trong phạm vi 400 - 800 m quanh nhà ga, ưu tiên phát triển nén, chức năng hỗn hợp và mạng lưới đi bộ, xe đạp; bố trí các tiện ích thiết yếu trong thời gian tiếp cận 10 - 15 phút, đồng thời chuyển tiếp hài hòa về mật độ và tầng cao với khu vực xung quanh.

Các trung tâm hành chính, văn hóa, tài chính - thương mại, y tế, giáo dục, du lịch và sinh thái được tổ chức phù hợp với đặc trưng từng khu vực.

Công trình điểm nhấn và quảng trường được bố trí tại trung tâm lịch sử, Thủ Thiêm, các trung tâm khu vực, cửa ngõ và đầu mối giao thông; ưu tiên các vị trí cuối trục nhìn, ven sông và gắn với không gian mở. Trọng tâm là chuỗi điểm nhấn dọc sông Sài Gòn từ Thanh Đa - Trường Thọ qua trung tâm lịch sử - Thủ Thiêm đến Mũi Đèn Đỏ, kết nối với các cụm điểm nhấn ven sông Đồng Nai, sông Soài Rạp và dải ven biển, góp phần định hình đường chân trời, tăng khả năng nhận diện nơi chốn và tạo dựng hình ảnh một đô thị toàn cầu hiện đại, giàu bản sắc sông nước.

Khu vực cửa ngõ đô thị:

Hệ thống cửa ngõ Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức đa phương thức, gồm đường bộ, đường sắt, hàng không, đường thủy và hàng hải; vừa bảo đảm kết nối vùng, quốc gia và quốc tế, vừa tạo dựng hình ảnh đặc trưng của Thành phố. Tại các vị trí vượt sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Thị Vải, sông Soài Rạp và kênh Xáng, ưu tiên thiết kế cầu biểu tượng gắn với quảng trường, công viên và công trình nghệ thuật; đồng thời kiểm soát đường chân trời, khai thác cảnh quan mặt nước và không gian mở.

Các cửa ngõ chính gồm: phía Bắc - Đông Bắc theo Quốc lộ 13, Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư và Mỹ Phước - Tân Vạn; phía Tây Bắc theo Quốc lộ 22 và cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, đường đô thị dọc sông Sài Gòn từ Tây Ninh - Củ Chi - Trung tâm Thành phố; phía Tây - Tây Nam theo Quốc lộ 1, Quốc lộ 50 và các tuyến cao tốc liên vùng; phía Đông gắn với sân bay Long Thành và các cầu qua sông Đồng Nai; phía Đông Nam và ven biển theo Quốc lộ 51, cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, tuyến ven biển và cụm cảng Cái Mép - Thị Vải. Cần Giờ - Vũng Tàu, vịnh Gành Rái và Côn Đảo là các cửa ngõ hàng hải, du lịch quốc tế quan trọng.

Các đầu mối Tân Sơn Nhất, Thủ Thiêm, Dĩ An - Sóng Thần, Nhà Rồng - Khánh Hội, Cái Mép - Thị Vải, Vũng Tàu và Côn Đảo được tổ chức thành tổ hợp giao thông - quảng trường - dịch vụ đa chức năng, có kiến trúc đặc trưng và gắn

với cảnh quan, văn hóa bản địa.

Quản lý chiều cao và mật độ xây dựng công trình:

Chiều cao và mật độ xây dựng công trình tại Thành phố Hồ Chí Minh được quản lý theo từng khu vực, phù hợp với vai trò trong cấu trúc đô thị đa trung tâm, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, điều kiện tự nhiên, nguy cơ sụt lún và đặc trưng cảnh quan. Khuyến khích phát triển đô thị nén, hỗn hợp tại các trung tâm đô thị, đầu mối giao thông công cộng và khu vực trong phạm vi tiếp cận đi bộ khoảng 400 - 800 m quanh nhà ga. Tổ chức chuyển tiếp hợp lý về chiều cao và mật độ xây dựng khi tiếp giáp các khu dân cư hiện hữu; kiểm soát xây dựng với cường độ thấp tại các hành lang xanh, vùng sinh thái và khu vực nông thôn. Đối với các khu vực được đánh giá có nguy cơ sụt lún cao, đặc biệt tại phía Tây và phía Nam Thành phố, ưu tiên mật độ xây dựng thấp, khuyến khích nhiều không gian mở, và xem xét quy mô xây dựng trên cơ sở đánh giá điều kiện địa chất, thủy văn và khả năng đáp ứng của hạ tầng.

Về chiều cao công trình: Công trình cao tầng được bố trí có chọn lọc tại Thủ Thiêm, các trung tâm đô thị mới, trung tâm tài chính - thương mại, khu vực TOD và một số cửa ngõ quan trọng. Tại khu vực trung tâm lịch sử, việc bố trí công trình cao tầng phải được cân nhắc chặt chẽ, bảo đảm gìn giữ cấu trúc không gian, cảnh quan và các giá trị di sản.

Về mật độ xây dựng: Mật độ xây dựng được cụ thể hóa trong các quy hoạch cấp dưới, phù hợp với chức năng sử dụng đất, quy mô và chiều cao công trình, đặc điểm từng khu vực và khả năng đáp ứng của hạ tầng; tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Tại các khu vực phát triển cao tầng, cần kết hợp kiểm soát mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất, bảo đảm diện tích cây xanh, không gian mở, đất giao thông và các tiện ích công cộng tương ứng với quy mô dân số và nhu cầu sử dụng.

3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và các khu chức năng:

a) Phương hướng phát triển các ngành kinh tế:

- Dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo (AI):

Định hướng phát triển ngành dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) theo hướng ứng dụng sâu, thương mại hóa cao, phát triển đồng bộ hạ tầng số; từng bước hình thành trung tâm hàng đầu của Việt Nam về phần mềm, dịch vụ AI, chuyển đổi số và hạ tầng số thế hệ mới, góp phần nâng cao năng suất, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số và nâng cao năng lực quản trị đô thị.

+ Phát triển trung tâm phần mềm và sản phẩm số có khả năng cạnh tranh trong khu vực, quốc tế. Tập trung phát triển phần mềm, nền tảng và giải pháp số chuyên sâu theo ngành, theo tình huống sử dụng; ưu tiên các lĩnh vực tài chính - ngân hàng, thương mại điện tử, logistics, y tế, giáo dục, chính phủ số, an ninh mạng và quản lý đô thị. Khuyến khích chuyển dịch từ gia công phần mềm sang phát triển sản phẩm, nền tảng và giải pháp có khả năng nhân rộng, tích hợp dữ liệu và AI; phát triển các nền tảng SaaS/B2B, phần mềm doanh nghiệp và phần

mềm hạ tầng số.

+ Phát triển dịch vụ ứng dụng và môi trường thử nghiệm AI cấp đô thị. Hình thành môi trường thử nghiệm, kiểm chứng và triển khai AI trên các bài toán thực tiễn của Thành phố, ưu tiên giao thông, y tế, giáo dục, hành chính công, logistics, an ninh đô thị, môi trường và quy hoạch. Tập trung vào dịch vụ ứng dụng, tư vấn, tích hợp và triển khai AI theo ngành; phát triển các giải pháp như trợ lý AI, chatbot, copilot, computer vision, document AI và AI agent; đồng thời từng bước phát triển năng lực dữ liệu, tinh chỉnh, đánh giá và vận hành mô hình AI.

+ Dẫn đầu về chuyển đổi số và phát triển thị trường dịch vụ số. Phát triển Thành phố thành trung tâm cung cấp dịch vụ chuyển đổi số cho khu vực công và doanh nghiệp; tập trung vào tư vấn công nghệ, kiến trúc số, hiện đại hóa hệ thống lõi, chuyển đổi lên điện toán đám mây, quản trị dữ liệu, tự động hóa, an toàn thông tin, tích hợp hệ thống và quản trị vận hành. Hình thành hệ sinh thái dịch vụ chuyển đổi số có khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước và từng bước mở rộng ra thị trường khu vực.

+ Phát triển hạ tầng số thế hệ mới làm nền tảng cho AI và kinh tế số. Ưu tiên phát triển mạng 5G/6G, metro fiber, cáp quang biển, trung tâm dữ liệu, hạ tầng tính toán AI và nền tảng trao đổi dữ liệu an toàn; hình thành các cụm trung tâm dữ liệu và điện toán AI quy mô lớn, đáp ứng nhu cầu tính toán, lưu trữ và xử lý dữ liệu. Gắn phát triển hạ tầng số với sử dụng năng lượng xanh, hiệu quả năng lượng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và chủ quyền dữ liệu.

- Trung tâm kinh doanh và tài chính khu vực:

Phát triển Thành phố trở thành trung tâm kinh doanh và tài chính hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á, là đầu mối kết nối dòng vốn, doanh nghiệp, công nghệ và hoạt động kinh doanh quốc tế.

+ Phát triển dịch vụ kinh doanh và giải pháp B2B có giá trị gia tăng cao, tập trung vào pháp lý, kế toán - kiểm toán, tư vấn, đầu tư, nghiên cứu thị trường, logistics, M&A, quản trị và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; đẩy mạnh số hóa, ứng dụng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và công nghệ mới.

+ Phát triển Trung tâm tài chính quốc tế Thành phố (VIFC-HCMC) theo hướng hình thành hệ sinh thái tài chính hiện đại, đa dạng và hội nhập quốc tế, đóng vai trò cầu nối giữa nền kinh tế trong nước với thị trường khu vực và toàn cầu.

Tập trung phát triển các trụ cột của Trung tâm tài chính quốc tế, gồm thị trường vốn quốc tế; tài chính phục vụ thương mại quốc tế; ngân hàng số và Fintech; các sản phẩm tài chính đổi mới; đồng thời phát triển đồng bộ các dịch vụ tài chính, pháp lý, tư vấn và dịch vụ hỗ trợ chuyên ngành.

+ Phát triển các sản phẩm tài chính mới gắn với lợi thế và động lực kinh tế của Thành phố, ưu tiên tài chính thương mại và chuỗi cung ứng, tài chính xanh, tài chính hỗn hợp, tài chính hàng hải, hàng không, giao dịch hàng hóa và các giải pháp huy động vốn cho đổi mới sáng tạo, chuyển dịch năng lượng và phát triển

hạ tầng.

Tăng cường liên kết hệ sinh thái tài chính - kinh doanh - thương mại, thu hút các định chế tài chính, ngân hàng, quỹ đầu tư, doanh nghiệp và tổ chức dịch vụ quốc tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hạ tầng và môi trường kinh doanh, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế tài chính quốc tế của Thành phố.

- Công nghiệp công nghệ cao:

Định hướng phát triển công nghiệp theo chiều sâu, lấy đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số và sản xuất thông minh làm động lực tăng trưởng. Trọng tâm là nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu và hình thành hệ sinh thái công nghiệp công nghệ cao có khả năng cạnh tranh quốc tế, gồm 4 trụ cột ngành:

+ Nhóm ngành công nghiệp công nghệ cao dẫn dắt tăng trưởng:

Từng bước làm chủ công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D), gia tăng tỷ lệ nội địa hóa và thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Đồng thời, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nâng cao vị thế của Thành phố trong các khâu có giá trị gia tăng cao của chuỗi giá trị toàn cầu.

Điện tử - bán dẫn: Đối với ngành điện tử - bán dẫn, định hướng phát triển theo lộ trình nâng cấp dần vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, tập trung vào các khâu có giá trị gia tăng cao như thiết kế vi mạch, kiểm thử, đóng gói, sản xuất linh kiện điện tử công nghệ cao và phát triển hệ sinh thái sản xuất thiết bị tiên tiến. Trong ngắn hạn, Thành phố ưu tiên các phân khúc khả thi như thiết bị công đoạn sau và OSAT (lắp ráp, kiểm định, đóng gói bán dẫn), tận dụng lợi thế về nhân lực kỹ thuật và hệ sinh thái công nghiệp hiện hữu; trong trung và dài hạn, từng bước mở rộng sang thiết kế chip và gia công sản xuất chip, qua đó nâng cao năng lực R&D, làm chủ công nghệ và gia tăng giá trị trong chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu.

Công nghệ sinh học - dược phẩm: Định hướng phát triển thành trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và sản xuất dược phẩm hàng đầu cả nước, tập trung vào các phân khúc có giá trị gia tăng cao như dược phẩm công nghệ cao, vaccine, chế phẩm sinh học, hoạt chất sinh học, dược liệu, thuốc generic và công nghệ sinh học ứng dụng trong y tế, thực phẩm và môi trường. Đồng thời, thúc đẩy hình thành hệ sinh thái R&D, thử nghiệm, thương mại hóa và thu hút các doanh nghiệp dược phẩm, hóa dược toàn cầu đặt trung tâm nghiên cứu tại Thành phố.

Công nghiệp robot: Định hướng phát triển robotics thành ngành công nghệ cao hỗ trợ quá trình tự động hóa và chuyển đổi sản xuất thông minh, tập trung vào robot công nghiệp, robot dịch vụ, robot y tế, hệ thống điều khiển thông minh, cảm biến và các giải pháp tự động hóa cho sản xuất, logistics và đô thị thông minh. Trọng tâm là nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, tích hợp hệ thống và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ trong lĩnh vực tự động hóa.

+ Nhóm ngành công nghiệp nền tảng:

Phát triển cơ khí chế tạo, chế tạo máy, công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao và phương tiện vận tải trở thành nền tảng sản xuất cốt lõi của Thành phố. Trọng tâm là nâng cao năng lực sản xuất và tự chủ công nghiệp, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa; phát triển hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ và tăng cường liên kết chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

+ Nhóm ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh:

Phát huy lợi thế liên kết giữa sản xuất công nghiệp, hóa dầu, cảng biển và logistics để phát triển các ngành hóa chất, vật liệu, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, cao su và nhựa. Định hướng chuyển dịch sang các sản phẩm chuyên dụng, vật liệu kỹ thuật, vật liệu xanh và sản phẩm có giá trị gia tăng cao; đồng thời hiện đại hóa công nghệ, xanh hóa sản xuất và nâng cao năng lực tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

+ Nhóm ngành công nghiệp cần hiện đại hóa, xanh hóa và nâng cấp giá trị:

Tập trung tái cơ cấu các ngành chế biến thực phẩm, dệt may, da giày, vật liệu xây dựng, nội thất gỗ và luyện kim theo hướng tự động hóa, chuyển đổi số, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải. Trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng thông qua chế biến sâu, phát triển thương hiệu, sản phẩm xanh và các phân khúc có giá trị cao hơn trong chuỗi giá trị.

- Công nghệ mới nổi:

Phát triển có chọn lọc các công nghệ mới nổi có tiềm năng tạo động lực tăng trưởng mới, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và mở rộng không gian phát triển cho các ngành kinh tế chiến lược của Thành phố.

+ Kinh tế tầm thấp:

Phát triển kinh tế tầm thấp trở thành động lực tăng trưởng mới dựa trên khai thác không phận tầm thấp và hệ sinh thái công nghệ liên quan. Trọng tâm là thương mại hóa các ứng dụng có nhu cầu cao như logistics, du lịch, vận tải hành khách và quản lý đô thị; tăng cường năng lực an ninh đô thị và biển đảo; đồng thời hình thành hệ sinh thái công nghiệp hoàn chỉnh gồm hạ tầng bay, nền tảng điều phối không phận, dữ liệu, AI và năng lực nghiên cứu, sản xuất, xuất khẩu thiết bị bay không người lái (UAV/Drone) và eVTOL.

+ Công nghệ năng lượng mới:

Tập trung nghiên cứu, thử nghiệm và từng bước làm chủ các công nghệ năng lượng chiến lược phục vụ mục tiêu chuyển đổi xanh và Net Zero, gồm hydrogen, năng lượng hạt nhân thế hệ mới (SMR), năng lượng đại dương và năng lượng sinh học. Định hướng phát triển năng lực nghiên cứu, thử nghiệm, đào tạo nhân lực và ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực công nghiệp, logistics, giao thông, cảng biển, trung tâm dữ liệu và hạ tầng năng lượng.

+ Vật liệu tiên tiến:

Phát triển vật liệu tiên tiến trở thành nền tảng hỗ trợ công nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi xanh và tự chủ công nghệ. Trọng tâm là nghiên cứu, phát triển và

thương mại hóa các nhóm vật liệu hiệu năng cao như composite và sợi carbon, hợp kim tiên tiến, nhựa kỹ thuật và vật liệu chức năng mới; đồng thời nâng cao năng lực R&D, mô phỏng vật liệu, gia công chính xác và sản xuất phục vụ các ngành năng lượng, điện tử, logistics, hàng không và giao thông xanh.

+ Công nghệ điện toán và truyền thông lượng tử:

Xác định công nghệ lượng tử là lĩnh vực chiến lược dài hạn, tập trung phát triển Thành phố trở thành trung tâm ứng dụng, dịch vụ và đào tạo nhân lực lượng tử của khu vực phía Nam thay vì đầu tư chế tạo phần cứng quy mô lớn. Trọng tâm là phát triển dịch vụ điện toán lượng tử trên nền tảng đám mây (QCaaS), thí điểm truyền thông lượng tử và phân phối khóa lượng tử (QKD), đồng thời xây dựng năng lực nghiên cứu, đào tạo, hợp tác quốc tế và ứng dụng trong các lĩnh vực tài chính, logistics, vật liệu, năng lượng và hạ tầng số.

+ Năng lượng nguyên tử:

Phát triển năng lượng nguyên tử trở thành lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật quan trọng; tập trung xây dựng năng lực nghiên cứu, thiết kế, tư vấn kỹ thuật và công nghiệp hỗ trợ phục vụ chương trình điện hạt nhân quốc gia. Nghiên cứu, từng bước làm chủ công nghệ lò phản ứng mô-đun nhỏ (SMR); tăng cường ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong y tế, công nghiệp, nông nghiệp và môi trường.

- Điện toán và trung tâm dữ liệu:

Phát triển hạ tầng điện toán và trung tâm dữ liệu hiện đại, xanh, an toàn, từng bước hình thành nền tảng dữ liệu và năng lực tính toán quy mô lớn phục vụ chuyển đổi số, phát triển AI và kinh tế số của Thành phố.

+ Phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán AI thế hệ mới, hình thành hạ tầng dữ liệu quan trọng của khu vực miền Nam. Phát triển hệ thống trung tâm dữ liệu theo hướng hiện đại, chuyển từ mô hình lưu trữ truyền thống sang cung cấp năng lực điện toán và AI quy mô lớn. Trọng tâm là xây dựng các trung tâm dữ liệu hiệu năng cao với hạ tầng GPU, điện toán đám mây, làm mát tiên tiến, kết nối tốc độ cao và các dịch vụ AI phục vụ tài chính, logistics, thương mại điện tử, y tế số, giáo dục và chính quyền số.

+ Phát triển các cụm trung tâm dữ liệu xanh, bền vững. Hình thành các cụm trung tâm dữ liệu quy mô lớn gắn với nguồn điện sạch, hạ tầng viễn thông và kết nối quốc tế. Trọng tâm là phát triển các trung tâm dữ liệu xanh tại các khu vực có lợi thế về năng lượng và cáp quang biển, bảo đảm hiệu quả sử dụng điện, nước và khả năng tích hợp năng lượng tái tạo, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút các nhà khai thác trung tâm dữ liệu quốc tế.

+ Phát triển hạ tầng điện toán đám mây chủ quyền và mạng lưới điện toán biên theo hướng đồng bộ, an toàn và linh hoạt. Trong đó, các trung tâm dữ liệu tập trung thực hiện lưu trữ, xử lý dữ liệu quan trọng và cung cấp năng lực tính toán phục vụ huấn luyện, vận hành các mô hình AI; hệ thống điện toán biên hỗ trợ xử lý dữ liệu tại chỗ, đáp ứng yêu cầu của các ứng dụng thời gian thực trong giao thông, logistics, y tế và đô thị thông minh. Từng bước xây dựng hạ tầng điện

toán đám mây chủ quyền, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu, khả năng kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu, tạo nền tảng phát triển các dịch vụ dữ liệu và AI.

- Năng lượng:

Phát triển ngành năng lượng theo hướng tích hợp, hiện đại và bền vững, từng bước trở thành trung tâm năng lượng cả nước.

+ Phát triển cụm dầu khí tích hợp. Tiếp tục thăm dò, khai thác dầu khí tại khu vực bể Cửu Long và Nam Côn Sơn; phát triển dịch vụ kỹ thuật, công nghiệp dầu khí, hóa dầu và các sản phẩm giá trị gia tăng. Nâng cấp hạ tầng kho chứa, tái hóa khí, phân phối và tiêu thụ khí/LNG; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thu hồi, lưu trữ carbon và phát triển các dạng nhiên liệu, năng lượng mới.

+ Phát triển sản xuất năng lượng sạch và năng lượng tái tạo. Ưu tiên phát triển điện khí LNG, điện mặt trời và điện gió ngoài khơi, trong đó tập trung khai thác tiềm năng điện gió tại khu vực ngoài khơi Vũng Tàu gắn với phát triển công nghiệp chế tạo thiết bị, kết cấu và dịch vụ kỹ thuật; khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà và các nguồn điện phân tán gắn với khu công nghiệp, khu đô thị và các trung tâm phụ tải lớn. Bên cạnh đó, phát triển điện sinh khối từ các nguồn nguyên liệu phù hợp và các dự án điện rác gắn với các khu xử lý chất thải tập trung.

+ Xây dựng trung tâm công nghệ năng lượng mới. Hình thành năng lực nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng và thương mại hóa các công nghệ hydrogen, hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS), lưới điện vi mô và các công nghệ nâng cao hiệu quả khai thác, chế biến và sử dụng năng lượng; ưu tiên bố trí tại các khu vực có nền tảng công nghiệp, hạ tầng năng lượng và điều kiện kết nối thuận lợi.

+ Phát triển mô hình thành phố bền vững. Triển khai điện mặt trời mái nhà, hệ thống lưu trữ năng lượng, lưới điện thông minh, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, chuyển đổi chất thải thành năng lượng và tận dụng nhiệt thải, phụ phẩm công nghiệp; ưu tiên áp dụng tại các khu công nghiệp, khu đô thị mới và khu vực có mật độ tiêu thụ năng lượng lớn, từng bước hình thành các khu vực phát thải thấp và hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0.

- Du lịch và giải trí cao cấp:

Phát triển du lịch và giải trí chất lượng cao trên cơ sở khai thác các giá trị văn hóa, sinh thái, biển đảo, kinh tế đêm và lợi thế đô thị, từng bước nâng cao vị thế của Thành phố trên bản đồ du lịch khu vực. Phát triển Thành phố trở thành trung tâm du lịch hàng đầu cả nước, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế; là đầu mối đón, phân phối khách và kết nối các hành trình du lịch vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; phát triển du lịch xanh, thông minh, bền vững, chất lượng cao và giàu bản sắc, gắn với công nghiệp văn hóa, thương mại, y tế, thể thao, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

+ Phát triển du lịch văn hóa gắn với bản sắc đô thị. Kết nối các giá trị di sản Sài Gòn - Chợ Lớn, làng nghề Bình Dương và văn hóa biển phía Nam, hình thành các tuyến, sản phẩm du lịch văn hóa - di sản đặc trưng. Đồng thời, đa dạng hóa

trải nghiệm tại các di tích, bảo tàng và không gian văn hóa, gắn với ẩm thực, thủ công, nghệ thuật và kinh tế đêm; đẩy mạnh số hóa, ứng dụng AI, AR/VR nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng trải nghiệm. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, cảnh quan và di sản, gắn di tích, kiến trúc, làng nghề, lễ hội, phố đi bộ và không gian công cộng với phát triển sản phẩm du lịch; khuyến khích cộng đồng tham gia và hưởng lợi từ hoạt động du lịch.

+ Định hướng phát triển các khu vực Cần Giờ, Long Hải - Phước Hải và Hồ Tràm - Bình Châu trở thành những trung tâm du lịch trọng điểm của Thành phố Hồ Chí Minh, có tiềm năng hình thành các Khu du lịch quốc gia trong tương lai, trên cơ sở khai thác lợi thế tài nguyên du lịch biển, sinh thái và cảnh quan tự nhiên đặc trưng, gắn với bảo tồn tài nguyên và phát triển du lịch bền vững.

+ Phát triển Thành phố trở thành trung tâm MICE hàng đầu khu vực. Phát triển MICE thành sản phẩm du lịch chủ lực, gắn với chức năng tài chính, thương mại, công nghệ và sản xuất của Thành phố; thu hút các hội nghị, triển lãm và diễn đàn quốc tế, kết hợp tham quan doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và trung tâm đổi mới sáng tạo. Nâng cấp hệ thống trung tâm hội nghị - triển lãm, khách sạn và không gian sự kiện theo mô hình tích hợp, đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện quy mô lớn.

+ Kích hoạt hệ sinh thái du lịch và kinh tế đêm. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch đô thị, đường sông, kinh tế đêm, ẩm thực, mua sắm, chăm sóc sức khỏe, thể thao và giải trí. Trong đó, không gian ven sông Sài Gòn được định hướng trở thành biểu tượng và điểm nhấn du lịch mới của Thành phố, kết nối các điểm đến và hoạt động ven sông; đồng thời hình thành các cụm kinh tế đêm 24/7 và mạng lưới trải nghiệm đa dạng trên toàn đô thị. Tăng cường liên kết các sản phẩm đô thị - văn hóa - sông nước - sinh thái - biển đảo, bổ sung du lịch cộng đồng và đường thủy, nhằm kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao giá trị chi tiêu.

+ Phát triển du lịch thông minh và nâng cao chất lượng dịch vụ. Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số du lịch, quản lý sức chứa và dòng khách, thanh toán số và các nền tảng trải nghiệm số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, quản trị điểm đến, xúc tiến quảng bá và thương hiệu du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Định hướng phát triển nông, lâm, thủy sản theo mô hình kinh tế nông nghiệp đô thị sinh thái, công nghệ cao, tuần hoàn và đa giá trị; chuyển mạnh từ sản xuất sơ cấp sang phát huy vai trò trung tâm về giống, công nghệ, chế biến, logistics, hậu cần nghề cá và liên kết chuỗi giá trị của vùng.

+ Trồng trọt: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế từng vùng, nhu cầu thị trường và yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ quỹ đất chuyên trồng lúa và các vùng sản xuất nông sản chủ lực theo quy định. Hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, phát triển nông nghiệp hàng hóa, an toàn thực phẩm, hữu cơ và ứng dụng công nghệ cao.

+ Chăn nuôi: Cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng giống, năng suất và giá trị sản phẩm; gắn sản xuất với xây dựng thương hiệu và phát triển chuỗi giá trị. Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn sinh học; từng bước di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trong nội thành, nội thị và khu dân cư. Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung an toàn dịch bệnh và mạng lưới sơ chế, chế biến, kho lạnh, logistics thực phẩm tại các cửa ngõ Thành phố.

+ Lâm nghiệp: Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có, quản lý, bảo vệ quỹ đất lâm nghiệp khoảng 71.000 ha, duy trì tỷ lệ bao phủ rừng khoảng 9,5% - 11% diện tích tự nhiên Thành phố; định hướng duy trì ổn định và nâng cao chất lượng không gian rừng trong dài hạn. Bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, trọng tâm là rừng ngập mặn Cần Giờ, rừng tại Côn Đảo và Bình Châu - Phước Bửu.

Phát triển du lịch sinh thái gắn với giá trị rừng; nghiên cứu, từng bước phát triển thị trường tín chỉ carbon rừng, ưu tiên đối với rừng ngập mặn và rừng phòng hộ. Ứng dụng công nghệ sinh học, nghiên cứu và chọn tạo giống, công nghệ lâm sinh, chuyển đổi số, viễn thám và giám sát tài nguyên rừng để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Hình thành hệ sinh thái nghiên cứu - đào tạo - sản xuất - chế biến - thị trường, liên kết với trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các ngành chế biến gỗ, vật liệu sinh học; phát triển mô hình lâm nghiệp sinh thái, đa chức năng và kinh tế tuần hoàn, kết hợp sản xuất gỗ lớn, cây bản địa, kinh tế dưới tán rừng và dịch vụ hệ sinh thái phù hợp với chức năng từng loại rừng.

+ Thủy sản: Phát triển thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững; đẩy mạnh nuôi trồng ứng dụng công nghệ cao, từng bước phát triển nuôi biển, gắn với chế biến sâu, thị trường và chuỗi giá trị. Tập trung đầu tư các trung tâm nghề cá, thủy sản trọng điểm tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Giờ nhằm hoàn thiện chuỗi khai thác, bảo quản, chế biến, logistics và tiêu thụ. Tiếp tục cơ cấu lại hoạt động khai thác theo hướng giảm khai thác ven bờ, tăng khai thác xa bờ và tăng cường thực hiện các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

+ Nông nghiệp đô thị: Ưu tiên phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái, số và các mô hình liên kết chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích. Tại khu vực đô thị, khai thác hiệu quả không gian để phát triển các mô hình vườn trên mái, vườn cộng đồng, nhà màng, nhà lưới, thủy canh, khí canh và mô hình kết hợp nuôi trồng thủy sản và trồng cây tuần hoàn, góp phần cung cấp thực phẩm tại chỗ, gia tăng không gian xanh và giảm hiệu ứng đảo nhiệt. Tại khu vực ven đô, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa theo hướng công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái và tuần hoàn, gắn với chế biến, thương mại, logistics và du lịch nông nghiệp.

- Thương mại - dịch vụ:

Phát triển ngành thương mại theo hướng hiện đại, số hóa, xanh hóa và hội

nhập quốc tế, trở thành trung tâm thương mại, tiêu dùng và giao thương hàng đầu khu vực Đông Nam Á, đồng thời phát huy vai trò đầu mối kết nối sản xuất, logistics và dịch vụ của vùng.

+ Phát triển thị trường nội địa theo hướng hiện đại hóa hệ thống phân phối, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và thương mại hiện đại; phát triển bán lẻ đa kênh, thương mại điện tử và logistics đô thị; đồng thời hướng tới trở thành trung tâm phân phối hàng hóa lớn nhất phía Nam, đầu mối kết nối sản xuất, tiêu dùng và lưu thông hàng hóa của vùng Đông Nam Bộ.

+ Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng gia tăng tỷ trọng các sản phẩm công nghệ cao, chế biến chế tạo, hàng hóa xanh và giá trị gia tăng cao; tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để mở rộng thị trường tại châu Á, châu Âu và châu Mỹ; đồng thời hình thành các doanh nghiệp xuất khẩu có năng lực cạnh tranh toàn cầu và nâng cao tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp.

+ Phát triển đồng bộ, hiện đại mạng lưới hạ tầng thương mại, logistics, thương mại điện tử và hội chợ - triển lãm. Tổ chức theo các cực động lực với chức năng chuyên biệt, bổ trợ lẫn nhau: lõi trung tâm về thương mại quốc tế và bán lẻ cao cấp; phía Đông về thương mại số; phía Bắc về thương mại công nghiệp và phân phối; phía Nam về xuất nhập khẩu, logistics và thương mại tự do; khu vực biển về thương mại du lịch, MICE và kinh tế đêm, qua đó củng cố vai trò trung tâm thương mại và giao thương quốc tế của Thành phố.

- Kinh tế biển:

Phát triển kinh tế biển theo hướng tổng hợp, hiện đại, xanh và bền vững, gắn với tổ chức lại không gian ven biển, phát huy lợi thế cảng biển, năng lượng, du lịch, thủy sản và các ngành kinh tế biển mới.

+ Kinh tế hàng hải:

Phát triển Trung tâm hàng hải quốc tế Thành phố theo hướng xanh, thông minh, nâng cao vai trò trong khu vực Đông Nam Á; tập trung phát triển cảng biển và logistics hiện đại, hệ sinh thái dịch vụ hàng hải giá trị cao, Khu thương mại tự do Cái Mép Hạ và kết nối hậu phương cảng đa phương thức. Không gian biển - cửa sông - vịnh Gành Rái - Cần Giờ - Vũng Tàu - Cái Mép - Thị Vải được định hướng là không gian động lực chiến lược hướng biển, kết nối hệ thống cảng biển, logistics, đô thị - dịch vụ biển, du lịch, năng lượng và bảo tồn sinh thái; phát huy vai trò cửa ngõ quốc tế của Thành phố và liên kết với vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và các hành lang kinh tế quốc tế. Định hướng Long Sơn phát triển theo mô hình đô thị công nghiệp - cảng biển - công nghệ cao, dịch vụ và du lịch chất lượng cao, gắn với trục phát triển Cần Giờ - Vũng Tàu - Bà Rịa - Phú Mỹ.

+ Du lịch biển đảo và đô thị ven biển:

Phát triển không gian Cần Giờ - Vũng Tàu - Côn Đảo thành trung tâm du lịch biển đảo, nghỉ dưỡng chất lượng cao, với các sản phẩm sinh thái, MICE, y tế, thể thao, giải trí và kinh tế đêm. Hình thành chuỗi đô thị ven biển với chức năng

phù hợp tại Cần Giờ, Vũng Tàu, Hồ Tràm, Bình Châu và Côn Đảo; gắn phát triển du lịch với bảo tồn hệ sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển đô thị ven biển bền vững.

+ Năng lượng:

Phát triển Thành phố trở thành trung tâm năng lượng tích hợp của cả nước, theo nội dung mục "Năng lượng" nêu trên. Trọng tâm không gian là cụm dầu khí Long Sơn và trung tâm khí - LNG tích hợp Phú Mỹ - Thị Vải.

+ Khai thác và nuôi trồng thủy sản:

Phát triển Cần Giờ và Bà Rịa - Vũng Tàu thành các trung tâm thủy sản giá trị cao, tập trung nuôi trồng ứng dụng công nghệ cao, khai thác xa bờ bền vững và chế biến sâu; phát triển chuỗi lạnh, logistics thủy sản, truy xuất nguồn gốc và kết nối với thị trường xuất khẩu giá trị cao.

+ Phát triển các ngành kinh tế biển mới:

Phát triển công nghiệp ven biển theo hướng xanh, sinh thái và công nghệ cao; thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ kỹ thuật năng lượng biển, dữ liệu và công nghệ số biển, công nghệ môi trường biển và kinh tế tuần hoàn ven biển, góp phần mở rộng không gian tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế biển Thành phố.

- Kinh tế tuần hoàn:

Phát triển kinh tế tuần hoàn theo hướng xanh, hiệu quả tài nguyên và phát thải thấp, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc công nghiệp và phát triển các khu công nghiệp sinh thái.

+ Phát triển kinh tế tuần hoàn gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển từ mô hình tuyến tính sang tuần hoàn; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng, nước và nguyên liệu đầu vào; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và thu hồi tài nguyên. Phát triển tuần hoàn trong công nghiệp, logistics, cảng biển, đô thị, nông nghiệp, du lịch và tiêu dùng; đồng thời hoàn thiện hệ sinh thái hỗ trợ gồm dữ liệu, tài chính xanh, ESG, thị trường carbon và công nghệ môi trường.

+ Tái cấu trúc ngành công nghiệp theo hướng công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, sử dụng hiệu quả tài nguyên và phát thải thấp. Phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp sạch, năng lượng tái tạo, vật liệu mới và công nghiệp môi trường; thúc đẩy sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng hiệu quả, phát triển logistics xanh, cảng xanh và chuỗi cung ứng xanh; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và tham gia chuỗi giá trị xanh.

+ Từng bước chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu sang mô hình khu công nghiệp sinh thái, thông minh và phát thải thấp; phát triển các khu công nghiệp mới theo tiêu chuẩn xanh, tích hợp với đô thị, dịch vụ và logistics. Thúc đẩy cộng sinh công nghiệp, tái sử dụng nước, tái chế chất thải, sử dụng năng lượng tái tạo, nâng cấp hạ tầng môi trường và hạ tầng số; đồng thời hình thành mạng lưới khu công nghiệp sinh thái gắn với logistics xanh, kinh tế tuần hoàn và chuỗi

cung ứng xanh.

- Kinh tế số:

Phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng, dựa trên hạ tầng số hiện đại, dịch vụ số và AI, đồng thời từng bước nâng cao năng lực làm chủ các công nghệ lõi và công nghệ thế hệ mới.

+ Phát triển Thành phố trở thành trung tâm hạ tầng số chiến lược của vùng phía Nam, tập trung vào trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, điện toán biên, mạng 5G/6G, hạ tầng kết nối tốc độ cao và nền tảng dữ liệu dùng chung, bảo đảm năng lực lưu trữ, xử lý dữ liệu quy mô lớn, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu và đáp ứng yêu cầu phát triển các ứng dụng số, AI, đô thị thông minh, tài chính số, logistics và sản xuất công nghệ cao.

+ Phát triển Thành phố trở thành trung tâm chuyển đổi số, dịch vụ số và AI cả nước, đẩy mạnh nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng AI trong quản trị công, giao thông, y tế, giáo dục, tài chính, logistics và môi trường. Ưu tiên phát triển phần mềm ứng dụng chuyên ngành, nền tảng số cho doanh nghiệp, an ninh mạng, dịch vụ dữ liệu, AI ứng dụng và các giải pháp số có khả năng mở rộng ra thị trường trong nước và khu vực.

+ Từng bước phát triển năng lực làm chủ công nghệ lõi như AI, dữ liệu lớn, an ninh mạng, IoT, bán dẫn ứng dụng và tự động hóa thông minh; đồng thời nghiên cứu, mở rộng sang các công nghệ dài hạn như điện toán lượng tử, truyền thông lượng tử, vật liệu số, robot thông minh và công nghệ sinh học số. Gắn hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ với nhu cầu ứng dụng thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh công nghệ và tạo nền tảng phát triển các ngành kinh tế mới.

- Kinh tế chia sẻ:

Phát triển kinh tế chia sẻ theo hướng hiện đại, an toàn và hiệu quả, khai thác tối ưu nguồn lực xã hội và nền tảng số, tập trung vào ba trụ cột sau:

+ Phát triển kinh tế chia sẻ trong dịch vụ đô thị. Khuyến khích phát triển các mô hình gọi xe, giao nhận, lưu trú ngắn hạn, không gian làm việc linh hoạt và các dịch vụ thương mại dùng chung; tăng cường kết nối với giao thông công cộng, du lịch, kinh tế đêm, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh trong hoạt động vận tải công nghệ.

+ Phát triển các nền tảng chia sẻ nguồn lực số và dịch vụ số. Thúc đẩy phát triển thị trường lao động linh hoạt, các nền tảng kết nối chuyên gia, đào tạo trực tuyến và các dịch vụ tài chính số phù hợp với quy định; đồng thời nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền lợi và an sinh xã hội cho người lao động tham gia các nền tảng số.

+ Phát triển các mô hình chia sẻ năng lực sản xuất, hạ tầng và tài nguyên. Khuyến khích chia sẻ nhà xưởng, máy móc, kho bãi, năng lượng, hạ tầng phục vụ phương tiện điện và tài nguyên có khả năng tái sử dụng; thúc đẩy cộng sinh công

nghiệp, nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng, giảm chi phí vận hành và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.

- Kinh tế bạc:

Phát triển kinh tế bạc theo hướng phát huy vai trò, kinh nghiệm và năng lực của người cao tuổi, đồng thời mở rộng các cơ hội việc làm, sinh kế và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp.

+ Mở rộng sự tham gia của người cao tuổi vào thị trường lao động. Khuyến khích các hình thức việc làm linh hoạt như bán thời gian, theo dự án, làm việc từ xa và việc làm thông qua nền tảng số; ưu tiên các lĩnh vực phù hợp như dịch vụ, thương mại, du lịch, logistics, dịch vụ cộng đồng và hỗ trợ hành chính. Tăng cường đào tạo, cập nhật kỹ năng, kỹ năng số và phát triển các nền tảng, dịch vụ kết nối việc làm phù hợp với người cao tuổi.

+ Hỗ trợ người cao tuổi phát triển hoạt động tự doanh và sinh kế. Phát huy vai trò của người cao tuổi trong kinh tế hộ gia đình, kinh doanh nhỏ và khởi nghiệp sau nghỉ hưu; hỗ trợ phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, thủ công truyền thống, giáo dục cộng đồng, chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ phục vụ người cao tuổi. Tăng cường hỗ trợ về kỹ năng quản trị, chuyển đổi số, tiếp cận vốn và kết nối thị trường, góp phần nâng cao khả năng tự chủ kinh tế và tạo sinh kế bền vững.

+ Phát huy nguồn tri thức, kinh nghiệm và kỹ năng của người cao tuổi. Khuyến khích chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, cán bộ quản lý và lao động lành nghề sau nghỉ hưu tham gia tư vấn, đào tạo, truyền nghề, hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Từng bước hình thành mạng lưới chuyên gia cao tuổi, các chương trình cố vấn liên thế hệ và cơ chế huy động người cao tuổi tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần thúc đẩy học tập suốt đời và chia sẻ tri thức liên thế hệ.

b) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác:

- Văn hóa:

Phát triển văn hóa theo hướng hiện đại, giàu bản sắc và sáng tạo; gắn bảo tồn, phát huy di sản với nâng cao đời sống văn hóa cơ sở và phát triển công nghiệp văn hóa, qua đó tăng cường sức mạnh mềm và đóng góp của văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội.

+ Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, đặc biệt là các giá trị hệ thống di tích lịch sử, di sản văn hóa và các danh hiệu được UNESCO công nhận; bồi đắp bản sắc văn hóa trên cơ sở giao thoa giữa văn hóa đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn, văn hóa công nghiệp - làng nghề, văn hóa sông nước - biển đảo và truyền thống cách mạng. Gắn bảo tồn di sản với giáo dục, du lịch, đời sống đô thị và các hoạt động kinh tế sáng tạo.

+ Phát triển đời sống văn hóa cơ sở qua việc hình thành mạng lưới không gian văn hóa cơ sở đa tầng, thuận tiện tiếp cận và gắn với hạ tầng sáng tạo số. Phát triển các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng quy mô nhỏ tại khu dân cư; các

trung tâm văn hóa cộng đồng đa chức năng theo cụm dân cư; đồng thời phát triển hạ tầng sáng tạo số, bảo tàng số, thư viện số và các hình thức cung cấp, tiếp cận sản phẩm văn hóa trên môi trường số.

+ Phát triển công nghiệp văn hóa trở thành một động lực tăng trưởng mới; ưu tiên các lĩnh vực điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, thiết kế và sáng tạo, thời trang, phần mềm và trò chơi giải trí, quảng cáo, du lịch văn hóa, thủ công mỹ nghệ, phát thanh và truyền hình, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, kiến trúc và xuất bản. Gắn phát triển công nghiệp văn hóa với kinh tế đêm, chuyển đổi số, bảo hộ sở hữu trí tuệ, thương mại hóa sản phẩm sáng tạo và hợp tác quốc tế. Phát huy danh hiệu Thành phố sáng tạo của UNESCO trong lĩnh vực điện ảnh, gắn với đầu tư hạ tầng, không gian và hệ sinh thái sản xuất, phổ biến và quảng bá điện ảnh.

- Giáo dục và đào tạo:

Phát triển giáo dục và đào tạo Thành phố theo hướng hiện đại, mở, linh hoạt, số hóa, bao trùm và hội nhập quốc tế, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và học tập suốt đời, hướng tới nâng cao vị thế của Thành phố trong khu vực châu Á.

+ Phát triển giáo dục toàn diện, hiện đại và bao trùm. Phát triển đồng bộ giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt; tổ chức mạng lưới trường học phù hợp với phân bố dân cư và đô thị đa trung tâm. Đẩy mạnh STEM, ngoại ngữ, kỹ năng số, trường học thông minh, giáo dục hòa nhập và học tập suốt đời.

+ Phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với thị trường lao động. Tái cấu trúc mạng lưới giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiện đại, đa trung tâm và gắn với doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và các cực tăng trưởng. Ưu tiên đào tạo cho AI, bán dẫn, công nghệ số, tự động hóa, logistics, tài chính, y tế, kinh tế xanh và kinh tế biển; mở rộng đào tạo lại và nâng cao kỹ năng.

+ Phát triển giáo dục đại học, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Tổ chức mạng lưới đại học theo hướng phân tầng, chuyên môn hóa và đa trung tâm; phát triển đại học nghiên cứu, cơ sở trọng điểm, đô thị đại học và các cụm đào tạo - nghiên cứu - đổi mới sáng tạo. Ưu tiên sau đại học, STEM, các ngành công nghệ chiến lược và tăng cường liên kết đại học - viện nghiên cứu - doanh nghiệp. Hình thành hệ sinh thái giáo dục - nghiên cứu - đổi mới sáng tạo gắn kết với các ngành kinh tế động lực; tăng cường trao đổi tri thức.

+ Xây dựng Thành phố trở thành trung tâm giáo dục và phát triển nguồn nhân lực tầm khu vực. Đẩy mạnh quốc tế hóa, phát triển chương trình bằng tiếng Anh, liên kết và kiểm định quốc tế; thu hút sinh viên, giảng viên và nhà khoa học quốc tế. Đồng thời phát triển hạ tầng giáo dục số, đại học thông minh, đại học xanh, hướng tới trung tâm đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo hàng đầu Việt Nam và khu vực.

- Y tế và chăm sóc sức khỏe:

Phát triển hệ thống y tế Thành phố theo hướng hiện đại, công bằng, đa tầng,

chuyên sâu và lấy người dân làm trung tâm; đồng thời đẩy mạnh y tế cơ sở, y tế dự phòng, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, chủ động thích ứng với già hóa dân số và các thách thức y tế mới.

+ Phát triển y tế toàn dân chủ động, hiện đại và thích ứng với già hóa dân số. Chuyển mạnh từ điều trị sang phòng bệnh, phát hiện sớm, quản lý sức khỏe liên tục và chăm sóc theo vòng đời. Củng cố y tế công cộng, y tế dự phòng, y tế cơ sở và y học gia đình; nâng cao năng lực chăm sóc ban đầu, quản lý bệnh mạn tính và sức khỏe cá nhân. Đồng thời, tăng cường giám sát, kiểm soát dịch bệnh, phát triển cấp cứu trước bệnh viện và mở rộng chăm sóc người cao tuổi, phục hồi chức năng, chăm sóc tại nhà và cộng đồng.

+ Phát triển mạng lưới y tế đa tầng, đa cực, đa trung tâm. Tổ chức mạng lưới khám chữa bệnh liên thông từ y tế cơ sở đến y tế chuyên sâu, bảo đảm người dân được chăm sóc đúng nhu cầu tại đúng tầng dịch vụ. Phát triển 05 cụm y tế chuyên sâu gồm Trung tâm, Tân Kiên, Thủ Đức, Bình Dương và Vũng Tàu; đồng thời hoàn thiện bệnh viện cửa ngõ tại 07 khu vực chiến lược, tăng khả năng tiếp cận tại chỗ và giảm tải tuyến cuối.

+ Phát triển y tế chuyên sâu, chuyển đổi số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị bệnh lý phức tạp và kỹ thuật cao trong các lĩnh vực như ung bướu, tim mạch, đột quỵ, sản - nhi, lão khoa, tâm thần và phục hồi chức năng. Gắn khám chữa bệnh với đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật và phát triển nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ sinh thái dữ liệu y tế, ứng dụng AI, phát triển công nghệ y sinh, dược phẩm, thiết bị y tế và Khu công nghiệp chuyên ngành Y - Dược.

+ Xây dựng Thành phố trở thành Trung tâm chăm sóc sức khỏe của khu vực ASEAN. Phát triển Thành phố thành trung tâm y tế chuyên sâu, đào tạo, nghiên cứu và cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe có năng lực cạnh tranh trong khu vực. Phát triển du lịch y tế gắn với hệ thống bệnh viện chuyên sâu và các không gian nghỉ dưỡng, phục hồi chức năng tại Vũng Tàu, Hồ Tràm, Cần Giờ và Côn Đảo; tăng cường liên kết y tế với Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực phía Nam.

- Thể dục, thể thao:

Phát triển thể dục, thể thao Thành phố theo hướng toàn diện, hiện đại, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, lấy người dân làm trung tâm, đồng thời nâng cao thành tích thi đấu, phát triển kinh tế thể thao và xây dựng hệ thống thiết chế thể thao đồng bộ, hiện đại.

+ Phát triển thể thao quần chúng sâu rộng và bao trùm. Mở rộng phong trào rèn luyện thể dục, thể thao thường xuyên tại cơ sở, nâng cao tỷ lệ người tập luyện và gia đình thể thao; tăng cường năng lực tổ chức hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Chú trọng thể thao học đường, phổ cập bơi an toàn, kỹ năng sinh tồn và phát triển các hình thức tập luyện phù hợp cho người cao tuổi, người khuyết tật.

+ Phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp. Tập trung đầu tư các môn thế mạnh, môn Olympic và các môn có khả năng cạnh tranh quốc tế; chuyển từ mở rộng quy mô sang nâng cao chất lượng đào tạo, ứng dụng chuẩn huấn luyện quốc tế và y sinh học thể thao. Đồng thời phát triển các câu lạc bộ chuyên nghiệp, nâng cao năng lực tự chủ và khả năng cạnh tranh tại các giải quốc gia, khu vực và quốc tế.

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học, công nghệ. Phát triển đồng bộ đội ngũ vận động viên, huấn luyện viên, chuyên gia, cán bộ quản lý, nhân lực y sinh học và trọng tài chất lượng cao; có cơ chế đãi ngộ, thu hút chuyên gia và hỗ trợ vận động viên sau sự nghiệp thi đấu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn và AI trong tuyển chọn, huấn luyện, quản lý thành tích và tổ chức thi đấu.

+ Phát triển kinh tế thể thao, hạ tầng và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công tư và thu hút đầu tư vào dịch vụ, câu lạc bộ và các bộ môn có tính thương mại cao; từng bước nâng tỷ trọng kinh tế thể thao trong GRDP. Đồng thời, phát triển các công trình thể thao trọng điểm tại Rạch Chiếc, Bàu Bàng, Phú Thọ… gắn với không gian đô thị, tăng cường đăng cai các sự kiện quốc gia và quốc tế, hướng tới khẳng định Thành phố là một trong những trung tâm thể thao hàng đầu Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

- An sinh xã hội và bảo trợ xã hội:

Phát triển hệ thống an sinh xã hội Thành phố theo hướng toàn diện, bao trùm, đa tầng và lấy con người làm trung tâm, bảo đảm tiếp cận công bằng. Đồng thời, hiện đại hóa mạng lưới dịch vụ, đẩy mạnh chuyển đổi số, xã hội hóa và hợp tác công tư, hướng tới trở thành đô thị với hệ thống an sinh tiên tiến của khu vực châu Á vào năm 2045.

+ Giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chuyển từ hỗ trợ giảm nghèo sang nâng cao năng lực tự bảo đảm an sinh, phát triển sinh kế, tạo việc làm và nâng cao kỹ năng; tập trung hỗ trợ nhóm dễ bị tổn thương, hạn chế tái nghèo và thu hẹp chênh lệch mức sống, tiếp cận dịch vụ giữa các khu vực.

+ Mở rộng Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp. Phát triển hệ thống bảo hiểm theo hướng bao trùm, bền vững và hiện đại; mở rộng diện bao phủ, nhất là đối với lao động phi chính thức, người cao tuổi, hộ nghèo, cận nghèo và các nhóm yếu thế; gắn Bảo hiểm thất nghiệp với đào tạo lại, chuyển đổi nghề và kết nối việc làm.

+ Phát triển trợ giúp xã hội chủ động và chuyên nghiệp. Mở rộng trợ giúp xã hội theo hướng toàn dân, toàn diện và theo vòng đời; chuyển từ hỗ trợ thụ động sang phòng ngừa, phát hiện sớm và quản trị rủi ro. Phát triển các dịch vụ chăm sóc, phục hồi chức năng, công tác xã hội và hỗ trợ tại gia đình, cộng đồng.

+ Nâng cao chăm lo người có công. Bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời và công bằng các chính sách đối với người có công và thân nhân; nâng cao mức sống, chất lượng chăm sóc cả vật chất và tinh thần, đồng thời hiện đại hóa quản lý hồ

sơ và giải quyết chế độ.

+ Thúc đẩy bình đẳng giới và bảo vệ phụ nữ, trẻ em. Lồng ghép bình đẳng giới trong các chính sách phát triển, mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm và an sinh; tăng cường quyền năng kinh tế và sự tham gia của phụ nữ. Đồng thời nâng cao phòng ngừa, phát hiện và hỗ trợ các trường hợp bạo lực, xâm hại và nhóm phụ nữ, trẻ em dễ bị tổn thương.

+ Phát triển toàn diện đồng bào dân tộc thiểu số và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm, nhà ở và dịch vụ xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và sự tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng pháp luật và tham gia tích cực vào giáo dục, y tế, từ thiện và an sinh xã hội.

+ Phát triển an sinh xã hội cho người cao tuổi. Mở rộng bao phủ BHXH, BHYT, trợ giúp xã hội và phát triển chuỗi dịch vụ liên tục từ chăm sóc, phục hồi chức năng đến chăm sóc dài hạn tại gia đình, cộng đồng và cơ sở chuyên nghiệp. Chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu là bảo trợ sang bảo đảm an sinh, phát huy năng lực người cao tuổi và phát triển kinh tế bạc.

- Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đồng bộ, gắn với nghiên cứu, thương mại hóa công nghệ, phát triển doanh nghiệp và các ngành, lĩnh vực ưu tiên của Thành phố.

+ Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng bộ, lấy doanh nghiệp khởi nghiệp làm trung tâm; tăng cường liên kết với doanh nghiệp lớn, trường đại học, viện nghiên cứu, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, quỹ đầu tư và các tổ chức hỗ trợ. Phát huy vai trò hạt nhân của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, các trung tâm nghiên cứu xuất sắc và khu công nghệ cao. Xây dựng Thành phố trở thành đầu mối công nghệ cao và đổi mới sáng tạo của vùng; hoàn thiện hệ sinh thái Khu công nghệ cao với các trung tâm R&D, đào tạo, ươm tạo; tăng cường liên kết Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp và quốc tế, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở; thúc đẩy chuyển giao và lan tỏa công nghệ.

+ Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên như bán dẫn, AI và công nghệ số thế hệ mới, robot và tự động hóa, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, kinh tế tầm thấp, năng lượng và vật liệu tiên tiến. Tăng cường liên kết nghiên cứu - ứng dụng, nâng cao năng suất và khả năng tham gia chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Bổ sung các công nghệ chiến lược gồm sản xuất thông minh, UAV, hàng không - vũ trụ, công nghệ đường sắt và công nghệ biển.

+ Hoàn thiện thể chế, hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ theo toàn bộ vòng đời doanh nghiệp, từ hình thành ý tưởng, ươm tạo, tăng tốc, thử nghiệm công nghệ đến thương mại hóa và mở rộng thị trường; ưu tiên các dự án có năng lực công nghệ, tài sản trí tuệ và tiềm năng tham gia chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu.

+ Mở rộng nguồn lực tài chính, nhân lực, mạng lưới nhà đầu tư, quỹ đầu tư, chuyên gia và cố vấn. Thúc đẩy các cơ chế đặt hàng, đồng đầu tư, thử nghiệm có kiểm soát và kết nối số, tạo điều kiện hình thành và phát triển các mô hình kinh doanh mới. Phát triển nguồn nhân lực và năng lực công nghệ nội sinh; thu hút có chọn lọc các dự án công nghệ cao gắn với R&D, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và liên kết với doanh nghiệp trong nước; khuyến khích dùng chung hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, dữ liệu và nền tảng công nghệ.

- Nhà ở:

Phát triển nhà ở theo hướng đa dạng, phù hợp khả năng chi trả và gắn với việc làm, giao thông công cộng và hạ tầng xã hội, đáp ứng nhu cầu của các nhóm dân cư và quá trình phát triển đô thị.

+ Ưu tiên phát triển nhà ở phù hợp khả năng chi trả. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và nhà ở cho các nhóm thu nhập phù hợp; phấn đấu thực hiện mục tiêu phát triển 200.000 căn nhà ở xã hội đến năm 2030. Gắn phát triển nhà ở với chỉnh trang, tái thiết đô thị, khu công nghiệp, khu tái định cư và các khu vực có nhu cầu nhà ở lớn.

+ Đa dạng hóa các loại hình nhà ở. Phát triển đồng bộ nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở cho thuê dài hạn, nhà ở sinh viên, nhà ở chuyên gia, nhà ở hỗn hợp quanh các đầu mối giao thông công cộng và nhà ở thích ứng với người cao tuổi; đáp ứng nhu cầu đa dạng của người lao động, cư dân nhập cư, chuyên gia, sinh viên và các nhóm dân cư theo từng giai đoạn của vòng đời.

+ Phát triển nhà ở gắn với việc làm, giao thông công cộng và hạ tầng xã hội. Bố trí nhà ở gắn với các khu vực tập trung việc làm, khu công nghiệp, trung tâm dịch vụ và các đầu mối TOD; bảo đảm khả năng tiếp cận thuận lợi đến trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa, không gian công cộng, dịch vụ thiết yếu và giao thông công cộng, từng bước hình thành các khu dân cư đồng bộ, thuận tiện và có chất lượng sống cao.

- Nguồn nhân lực và thu hút nhân tài:

Phát triển nguồn nhân lực và nhân tài trở thành nguồn lực chiến lược của Thành phố; bảo đảm cơ hội học tập, nâng cao kỹ năng, phát triển nghề nghiệp và phát huy năng lực của người lao động trong suốt quá trình làm việc, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực và động lực tăng trưởng mới.

+ Phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, gắn với chuyển đổi số; xây dựng, liên thông cơ sở dữ liệu nhân lực, hệ thống dự báo nhu cầu kỹ năng và nền tảng kết nối cung - cầu lao động. Đẩy mạnh đào tạo lại, nâng cao kỹ năng và học tập suốt đời; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong đào tạo. Từng bước chuẩn hóa kỹ năng, công nhận năng lực nghề nghiệp phù hợp với các chuẩn khu vực, qua đó mở rộng cơ hội việc làm cho lao động Thành phố.

+ Hoàn thiện cơ chế phát hiện, thu hút, sử dụng, trọng dụng và đánh giá nhân tài trên cơ sở năng lực và hiệu quả đóng góp; ưu tiên nhân lực chất lượng cao trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế. Tăng cường kết

nối với trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các dự án trọng điểm; cải thiện môi trường làm việc, nghiên cứu và chính sách đãi ngộ để thu hút, phát huy hiệu quả nguồn nhân tài.

4. Định hướng phát triển và tổ chức không gian các khu chức năng:

a) Khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp phân tán:

Tổng quy mô dự kiến khoảng 51.000 - 55.000 ha.

Tổ chức lại chuỗi công nghiệp - sản xuất - logistics theo các hành lang chiến lược gắn với Vành đai 4, Vành đai 4,5, các tuyến cao tốc và đường thủy nội địa; hình thành các cụm công nghiệp - logistics quy mô lớn tại khu vực Tân Uyên, Phú Giáo, Bàu Bàng, Phú Mỹ - Cái Mép, Châu Đức và các khu vực có lợi thế về đầu mối hạ tầng. Phát triển các khu sản xuất mới theo hướng tập trung, hiện đại, ít phát thải; đồng thời tái cấu trúc các khu công nghiệp hiện hữu tại khu vực có mức độ đô thị hóa cao. Phát triển hệ thống logistics đa phương thức, kết nối đồng bộ đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không và cảng biển; tăng cường liên kết trực tiếp giữa các cực sản xuất, khu công nghiệp với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hệ thống cảng Cái Mép - Thị Vải và cảng Cần Giờ, hình thành hành lang công nghiệp - logistics liên vùng và chuỗi cung ứng thống nhất trên toàn Thành phố, gắn với mạng lưới giao thương quốc tế.

Từng bước di dời hoặc chuyển đổi, tái cấu trúc các khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp phân tán không còn phù hợp theo hướng ưu tiên duy trì chức năng kinh tế, tạo việc làm (dịch vụ, đào tạo nghề nghiệp, sản xuất công nghệ cao hoặc sản xuất sạch, công nghệ tiên tiến…) hoặc các chức năng công cộng.

Phát triển các khu, cụm công nghiệp gắn với đô thị và dịch vụ, hình thành hệ thống đô thị hỗ trợ, nhà ở và dịch vụ cho người lao động; tổ chức các trung tâm đô thị, thương mại - dịch vụ tại các vị trí thuận lợi, đồng thời tăng cường kết nối giữa khu ở, nhà ga và các khu vực việc làm.

Phát triển công nghiệp theo hướng sinh thái, tuần hoàn, thông minh và xanh; tăng cường xử lý chất thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ nguồn nước sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và các hệ sinh thái liên quan; tích hợp hành lang xanh, công viên, hồ điều hòa và không gian tự nhiên như một phần của hạ tầng sinh thái và thích ứng biến đổi khí hậu.

Tăng cường chuyên môn hóa và liên kết chuỗi giá trị, ưu tiên các ngành cơ khí chế tạo, điện tử - bán dẫn, tự động hóa, thiết bị y tế, chế biến thực phẩm, vật liệu mới và công nghiệp xanh; hạn chế các ngành có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Tăng cường liên kết giữa cụm công nghiệp với khu công nghiệp, doanh nghiệp đầu chuỗi, cơ sở nghiên cứu - đào tạo và trung tâm logistics.

Nâng cấp hạ tầng và mô hình quản lý khu, cụm công nghiệp, từng bước phát triển khu, cụm chuyên ngành, sinh thái và thông minh; đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, môi trường và logistics; khuyến khích nhà xưởng xây sẵn, nhà

xưởng nhiều tầng và tiện ích sản xuất dùng chung nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

b) Khu công nghệ cao:

Tổng quy mô dự kiến khoảng 6.000 - 10.000 ha.

Nguyên tắc định hướng phát triển: hình thành mạng lưới khu công nghệ cao đa chức năng, liên kết R&D - đào tạo - ươm tạo - sản xuất - thương mại hóa; gắn với hướng phát triển phía Đông và phía Tây Bắc; cực đổi mới sáng tạo phía Đông (Thủ Đức, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên kết nối Long Thành) và cực công nghiệp, công nghệ cao, logistics phía Bắc; hành lang chiến lược Bắc - Nam và Đông - Tây; hệ sinh thái đổi mới sáng tạo liên kết Nhà nước - doanh nghiệp - viện, trường.

Gắn khu công nghệ cao với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, logistics và hệ thống đào tạo - nghiên cứu, hình thành chuỗi liên kết từ nghiên cứu, đào tạo, sản xuất thử nghiệm đến sản xuất và thương mại hóa; nâng cao năng lực doanh nghiệp trong nước và khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Phát triển mạng lưới khu công nghệ cao của Thành phố theo hướng phân công chức năng, liên kết vùng và hình thành chuỗi R&D - đổi mới sáng tạo - sản xuất tiên tiến - thương mại hóa, cụ thể:

- Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh hiện hữu: Phát triển thành hạt nhân công nghệ cao và đổi mới sáng tạo của Thành phố và vùng Đông Nam Bộ, tập trung R&D, ứng dụng và sản xuất công nghệ cao; nâng cao hàm lượng R&D, chuyển giao công nghệ và phát triển doanh nghiệp công nghệ trong nước.

- Khu Công viên Khoa học và Công nghệ Thủ Đức: Phát triển thành lõi R&D, đổi mới sáng tạo, thử nghiệm và thương mại hóa công nghệ cấp quốc gia và khu vực; liên kết chặt chẽ với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, viện - trường và doanh nghiệp, ưu tiên các công nghệ chiến lược như bán dẫn, AI, công nghệ số, lượng tử, sinh học - y sinh, công nghệ xanh và sản xuất tiên tiến.

- Khu công nghệ cao phía Tây Bắc (Củ Chi): Hình thành cực công nghệ cao và công nghiệp tương lai, tập trung R&D ứng dụng, sản xuất tiên tiến, robot - tự động hóa, vật liệu mới, công nghệ sinh học và nông nghiệp công nghệ cao; tăng cường liên kết với mạng lưới sản xuất của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

- Khu công nghệ cao khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu: Phát triển công nghệ cao gắn với kinh tế biển, cảng biển, logistics, năng lượng sạch và công nghiệp hiện đại; ưu tiên điện - điện tử, robot, IoT, AI, phương tiện vận tải, dược phẩm và công nghệ sinh học.

- Khu công nghệ cao khu vực Bình Dương: Phát triển thành trung tâm sản xuất công nghệ cao, sản xuất thông minh và công nghiệp 4.0, gắn với mở rộng quy mô các kết quả R&D; ưu tiên máy móc - thiết bị, điện tử - viễn thông, vi mạch - bán dẫn, vật liệu mới, kỹ thuật hóa học và dược phẩm.

Tổ chức liên kết toàn mạng lưới: Hình thành sự phân công tương hỗ giữa các

khu, trong đó R&D và đổi mới sáng tạo là nền tảng; sản xuất công nghệ cao và sản xuất thông minh là động lực; cảng biển, logistics, năng lượng và kinh tế biển là không gian ứng dụng và mở rộng chuỗi giá trị. Tăng cường kết nối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, logistics, viện - trường và doanh nghiệp trong vùng.

Nâng cao chất lượng phát triển: Việc chuyển đổi, mở rộng và thu hút dự án công nghệ cao phải gắn với các tiêu chí về R&D, giá trị gia tăng, tự động hóa, lao động kỹ thuật cao, chuyển giao công nghệ, sử dụng năng lượng sạch, giảm phát thải và tuần hoàn tài nguyên, bảo đảm phát triển thực chất và hiệu quả sử dụng đất.

c) Khu du lịch:

Không gian phát triển du lịch bao gồm biển, đảo, núi, rừng, sông, hồ và các tổ hợp thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng chất lượng cao.

Nguyên tắc định hướng phát triển: Tổ chức không gian du lịch theo mô hình đa cực, hình thành các cực, cụm và hành lang du lịch chuyên đề, phát huy tính bổ trợ giữa du lịch đô thị, văn hóa - lịch sử, sinh thái sông nước và nghỉ dưỡng biển đảo. Gắn kết cực lõi trung tâm quốc tế với các trung tâm vệ tinh Côn Đảo, Long Hải - Hồ Tràm; phát triển các hướng du lịch ven biển phía Đông Nam, sông nước phía Bắc - Tây Bắc và các hành lang du lịch ven sông Sài Gòn, sông Đồng Nai. Tăng cường kết nối các điểm đến bằng đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy, đường biển, hàng không và hạ tầng số.

Tổ chức các không gian du lịch chủ đạo:

Đô thị trung tâm: Phát triển du lịch đô thị, văn hóa - lịch sử, di sản, ẩm thực, mua sắm, kinh tế đêm, MICE và sự kiện; phát huy giá trị khu trung tâm lịch sử, Chợ Lớn, Gia Định và cảnh quan hai bờ sông Sài Gòn.

Phía Bắc và Tây Bắc: Phát triển du lịch văn hóa - lịch sử, về nguồn, sinh thái nông nghiệp, nghỉ dưỡng cuối tuần, vui chơi giải trí, thể thao và du lịch cộng đồng; liên kết Củ Chi, khu vực Bình Dương, hồ Dầu Tiếng với các điểm đến sinh thái, lịch sử và hành lang du lịch ven sông.

Phía Đông: Phát triển du lịch sáng tạo, giáo dục, khoa học - công nghệ, thể thao, sự kiện, vui chơi giải trí và đường sông, gắn với đô thị sáng tạo Thủ Đức, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và hành lang sông Đồng Nai.

Hành lang du lịch ven sông Sài Gòn - sông Đồng Nai: Hình thành chuỗi không gian du lịch, dịch vụ và cảnh quan kết hợp đô thị ven sông, kết nối khu vực Bắc - Tây Bắc, đô thị trung tâm và phía Đông Thành phố với các điểm đến trong vùng. Phát triển du lịch đường thủy gắn với hệ thống bến khách, công viên ven sông, đường dạo, không gian văn hóa, làng nghề, sinh thái nông nghiệp, nghỉ dưỡng và thể thao; bố trí các tổ hợp dịch vụ tại những vị trí có điều kiện phù hợp. Bảo đảm khả năng tiếp cận công cộng với mặt nước, bảo vệ cảnh quan, hệ sinh thái, hành lang bảo vệ nguồn nước và yêu cầu thoát lũ.

Phía Nam và Cần Giờ: Phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn, nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, cộng đồng, đường thủy và biển; kết nối các hành lang du lịch sông Sài Gòn - sông Đồng Nai với không gian du lịch ven biển, phù hợp với sức chịu tải và yêu cầu bảo vệ hệ sinh thái.

Ven biển phía Nam, Đông Nam và đặc khu Côn Đảo: Phát triển chuỗi du lịch biển đảo kết hợp cảnh quan núi Dinh, rừng Bình Châu và các giá trị văn hóa - lịch sử; hình thành các khu nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, thể thao biển, du lịch tàu biển và sinh thái chất lượng cao. Phát huy vai trò của Long Hải - Hồ Tràm và Côn Đảo; tăng cường liên kết với Cần Giờ, đô thị trung tâm và các hành lang du lịch đường sông.

Ưu tiên đầu tư, nâng cấp các khu, điểm du lịch trọng điểm; hình thành các tuyến du lịch và điểm dừng chân trên hành lang ven sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và hành lang ven biển. Phát triển công viên chuyên đề, trung tâm vui chơi giải trí, thể thao, sân gôn và tổ hợp MICE tại các khu vực có lợi thế về giao thông, cảnh quan và khả năng kết nối, phù hợp với định hướng sử dụng đất và yêu cầu bảo vệ môi trường. Định hướng phát triển các khu vực Cần Giờ, Long Hải - Phước Hải và Hồ Tràm - Bình Châu trở thành những trung tâm du lịch trọng điểm của Thành phố Hồ Chí Minh, có tiềm năng hình thành các Khu du lịch quốc gia trong tương lai, trên cơ sở khai thác lợi thế tài nguyên du lịch biển, sinh thái và cảnh quan tự nhiên đặc trưng, gắn với bảo tồn tài nguyên và phát triển du lịch bền vững.

Đầu tư đồng bộ hạ tầng phục vụ du lịch, gồm giao thông kết nối, bến tàu khách, bãi đỗ xe, cơ sở lưu trú, hội nghị - triển lãm, thương mại, vui chơi giải trí, y tế và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu. Chú trọng hệ thống bến du lịch, không gian công cộng và dịch vụ ven sông Sài Gòn, sông Đồng Nai; kết nối thuận tiện giữa giao thông đường thủy với đường bộ, đường sắt đô thị và các cửa ngõ quốc tế, nâng cao chất lượng phục vụ và trải nghiệm của du khách.

d) Khu nghiên cứu, đào tạo (mô hình tích hợp khu đô thị giáo dục đại học và nghiên cứu)

Tổng quy mô dự kiến khoảng 5.000 - 8.000 ha.

Nguyên tắc định hướng phát triển: tổ chức mạng lưới nghiên cứu - đào tạo đa cực, đa trung tâm, chuyển sang cụm đại học tích hợp đô thị gắn với giao thông công cộng; gắn với hướng phát triển phía Đông và phía Tây; cực đổi mới sáng tạo phía Đông và cực đô thị - giáo dục - y tế phía Tây; hành lang Đông - Tây và các tuyến đường sắt đô thị; hệ sinh thái giáo dục - nghiên cứu - đổi mới sáng tạo - doanh nghiệp. Duy trì các cơ sở đào tạo phù hợp trong các khu trung tâm đô thị.

Chuyển đổi từ mô hình khuôn viên đại học biệt lập sang cụm đại học tích hợp đô thị, ưu tiên bố trí các cơ sở đào tạo, nghiên cứu gắn với giao thông công cộng, đường sắt đô thị và không gian công cộng.

Tổ chức các cụm nghiên cứu - đào tạo theo hướng đi bộ, kết nối đa phương thức và sử dụng chung hạ tầng, tiện ích, tăng cường tương tác giữa sinh viên, nhà nghiên cứu, doanh nghiệp và cộng đồng.

đ) Cụm y tế chuyên sâu:

Tổng quy mô dự kiến khoảng 300 - 600 ha.

Nguyên tắc định hướng phát triển: tổ chức hệ thống y tế đa tầng, đa cực, đa trung tâm, gắn với trường đại học, bệnh viện, viện nghiên cứu; gắn với hướng phát triển phía Tây Nam (Tân Kiên - Bình Chánh), phía Đông (Thủ Đức), phía Bắc (Bình Dương) và phía Đông Nam (Bà Rịa - Vũng Tàu); cực đô thị - giáo dục - y tế phía Tây và cực đổi mới sáng tạo phía Đông; hành lang kết nối y tế - du lịch; hệ sinh thái y tế - nghiên cứu - đào tạo - công nghiệp y, dược.

Tổ chức hệ thống y tế theo mô hình đa tầng, đa cực, đa trung tâm, hình thành mạng lưới các cụm y tế chuyên sâu gắn với trường đại học, bệnh viện, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; tăng cường liên kết, chuyển giao kỹ thuật giữa các cụm và với các địa phương trong vùng.

- Cụm y tế chuyên sâu khu vực Trung tâm Thành phố: Là hạt nhân y tế tuyến cuối của Thành phố và vùng phía Nam; tập trung bệnh viện chuyên sâu, kỹ thuật cao, cấp cứu, chẩn đoán và tầm soát bệnh; ưu tiên nâng cấp cơ sở hiện hữu, tăng cường đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật.

- Cụm y tế chuyên sâu Tân Kiên - Bình Chánh: Hình thành cực y tế chuyên sâu phía Tây Nam, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Thành phố và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; phát triển bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, đào tạo và chuyển giao kỹ thuật, đồng thời hình thành các cơ sở y tế tuyến cuối mới.

- Cụm y tế chuyên sâu Thủ Đức: Phát triển cực y tế - đào tạo - nghiên cứu phía Đông, gắn với hệ thống đại học và khoa học - công nghệ; phát triển bệnh viện thực hành, đa khoa và chuyên khoa, góp phần giảm tải khu vực trung tâm và chuyển giao kỹ thuật cho vùng Đông Nam Bộ.

- Cụm y tế chuyên sâu khu vực Bình Dương: Phát triển y tế kỹ thuật cao gắn với đô thị - công nghiệp; ưu tiên y học lao động và môi trường, cấp cứu công nghiệp, chấn thương, bệnh nghề nghiệp, chống độc; kết nối đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo về y sinh, AI, thiết bị y tế, dược phẩm và phục hồi chức năng.

- Cụm y tế chuyên sâu khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu: Hình thành mạng lưới hạt nhân - vệ tinh phù hợp đặc thù từng khu vực; tại Bà Rịa tập trung y tế chuyên sâu cấp vùng; Vũng Tàu phát triển y tế biển, cấp cứu, chấn thương và y tế du lịch; Phú Mỹ ưu tiên cấp cứu công nghiệp - cảng biển; Long Hải - Hồ Tràm - Xuyên Mộc phát triển phục hồi chức năng, lão khoa và du lịch chăm sóc sức khỏe.

Tổ chức các cụm y tế theo mô hình phức hợp y tế - nghiên cứu - đào tạo, ưu tiên kết nối giao thông công cộng, đường sắt đô thị, không gian đi bộ, không gian xanh và các dịch vụ hỗ trợ; từng bước chuyển từ mô hình bệnh viện đơn lập sang hệ sinh thái y tế tích hợp.

Phát triển đồng bộ y tế dự phòng, cấp cứu ngoài bệnh viện, kiểm soát bệnh tật và mạng lưới trạm y tế; dành quỹ đất phù hợp cho viện - trường, nghiên cứu và đào tạo nhân lực y tế; khuyến khích đầu tư tư nhân, hợp tác công tư, phát triển

công nghiệp dược, công nghệ y tế và du lịch chăm sóc sức khỏe.

e) Khu trung tâm thể dục, thể thao:

Tổng quy mô dự kiến khoảng 500 - 1.500 ha.

Nguyên tắc định hướng phát triển: kế thừa các khu thể dục, thể thao đã xác định, tiếp tục hình thành các khu phức hợp thể thao, dịch vụ, đô thị gắn với nhà ga và không gian đi bộ; gắn với hướng phát triển theo mạng lưới đường sắt đô thị và giao thông chính.

Phát triển các khu thể dục, thể thao quy mô lớn tầm vóc quốc gia và quốc tế tại Rạch Chiếc, Bàu Bàng (phường Chánh Phú Hòa, Bến Cát…), Phú Thọ… gắn với khả năng tiếp nhận dòng người, giao thông công cộng, không gian mở và các chức năng hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu hoạt động ở quy mô đô thị và vùng. Phát huy vai trò Rạch Chiếc, Bàu Bàng… là các trung tâm đô thị thể thao, văn hóa, sáng tạo và giải trí phức hợp tầm cỡ quốc tế.

Chuyển từ mô hình công trình thể thao đơn chức năng sang khu phức hợp thể thao tích hợp đa năng, trong đó các công trình chính gắn với nhà ga và không gian đi bộ, kết hợp thương mại, giải trí, lưu trú, dịch vụ, nhà hàng và không gian xanh.

Khuyến khích khai thác đa chức năng, tổ chức các hoạt động thường xuyên ngoài thời gian diễn ra sự kiện, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tạo động lực phát triển đô thị.

g) Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thủy sản tập trung:

Tổng quy mô dự kiến khoảng 4.000 - 6.000 ha.

Nguyên tắc định hướng phát triển: tổ chức không gian nông nghiệp theo các vùng chủ đạo, kiểm soát chuyển đổi đất nông nghiệp, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao; gắn với hướng phát triển phía Tây Bắc, phía Bắc và phía Đông Nam; cực đô thị sinh thái, công nghệ sinh học Hóc Môn - Củ Chi; hành lang xanh - xanh dương sông Sài Gòn - Đồng Nai; hệ sinh thái nông nghiệp đô thị - công nghệ cao - chế biến - logistics.

Hình thành mạng lưới các khu, vị trí quy hoạch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 và sau năm 2030, phân bố tại các khu vực Nhuận Đức, Củ Chi, Cần Giờ, Bình Giã, Phước Hòa, Xuân Sơn, Phú Giáo, An Long, Long Hòa… và các khu vực liên quan; tổ chức theo hướng liên kết vùng sản xuất, nghiên cứu, đào tạo, chế biến và thị trường.

Tổ chức không gian nông nghiệp theo các vùng chủ đạo: Tây Bắc nông nghiệp đô thị - công nghệ cao; phía Bắc nông nghiệp hàng hóa - sinh thái - công nghệ cao; Đông Nam chuyên canh - công nghệ cao - sinh thái; các khu vực đô thị hóa mạnh phát triển nông nghiệp đô thị, cảnh quan và sản phẩm giá trị cao.

Kiểm soát chuyển đổi đất nông nghiệp theo hướng bảo vệ các vùng sản xuất có giá trị, liên tục và có tiềm năng ứng dụng công nghệ cao, đồng thời rà soát chuyển đổi các khu vực kém hiệu quả, không còn phù hợp với định hướng phát

triển; bảo đảm tuân thủ quy định về đất đai, lâm nghiệp và bảo tồn.

Ưu tiên phát triển hạ tầng thủy lợi, cấp thoát nước, kiểm soát ngập, ngăn mặn, giao thông nông nghiệp và logistics, gắn với hạ tầng sơ chế, chế biến, kho lạnh, kiểm định, truy xuất nguồn gốc và dữ liệu nông nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, giống, canh tác thông minh, tự động hóa, số hóa và giám sát môi trường; phát triển sản phẩm chủ lực phù hợp lợi thế từng vùng, nâng cao giá trị gia tăng và chất lượng sản phẩm.

Tăng cường liên kết khu/vùng nông nghiệp công nghệ cao với cơ sở nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp, công nghiệp chế biến, logistics, thương mại điện tử, thị trường đô thị, du lịch nông nghiệp và xuất khẩu, hình thành chuỗi giá trị nông nghiệp hiện đại.

Đối với các khu/vùng quy mô lớn, tổ chức đồng bộ lao động, chuyên gia, nhà ở và dịch vụ hỗ trợ gắn với đô thị, khu dân cư, giao thông và hạ tầng xã hội; nhu cầu đất ở và dịch vụ được xác định trên cơ sở chức năng, quy mô và dự báo lao động cụ thể.

h) Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Nguyên tắc định hướng phát triển: phát triển lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Dầu Tiếng, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo…; gắn với hướng phát triển phía Bắc - Đông Bắc; trung tâm vệ tinh Bắc Tân Uyên; hành lang xanh - xanh dương hồ Dầu Tiếng - sông Sài Gòn - Đồng Nai; hệ sinh thái rừng sản xuất, rừng phòng hộ, đa dạng sinh học và nguồn nước.

Phát triển các khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với hệ thống rừng sản xuất, rừng phòng hộ và không gian sinh thái của Thành phố; ưu tiên các khu vực có điều kiện phù hợp về quỹ đất, tài nguyên rừng, hạ tầng và khả năng kết nối nghiên cứu - sản xuất.

Kiểm soát chặt chẽ chuyển đổi đất rừng, bảo đảm các hoạt động phát triển khu lâm nghiệp công nghệ cao không làm ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ, bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn nước và cân bằng sinh thái.

i) Trung tâm tài chính quốc tế:

Tổng quy mô dự kiến khoảng 898 ha *(theo Nghị định 323/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam)*.

Nguyên tắc định hướng phát triển: tổ chức theo mô hình lõi tài chính - kinh doanh hai bờ sông Sài Gòn, không phát triển biệt lập; gắn với hướng phát triển khu vực trung tâm và Thủ Thiêm; cực lõi trung tâm quốc tế; hành lang sông Sài Gòn và hệ thống đường sắt đô thị; hệ sinh thái tài chính - kinh doanh - đô thị hỗn hợp - không gian công cộng ven sông.

Phát triển không gian đô thị hỗn hợp, tích hợp văn phòng tài chính, thương mại - dịch vụ, nhà ở, không gian công cộng và các chức năng hỗ trợ, tạo môi trường hoạt động liên tục và đa chức năng.

Tổ chức mạng lưới không gian công cộng, quảng trường, không gian ven sông và tuyến đi bộ liên tục, kết nối các công trình tài chính với nhà ga và các khu chức năng chính.

Tăng cường kết nối hai bờ sông thông qua cầu, hầm, cầu đi bộ và hệ thống đường sắt đô thị; ưu tiên giao thông công cộng và khả năng tiếp cận bằng đi bộ.

k) Khu công nghệ số:

Tổng quy mô dự kiến khoảng 500 - 1.500 ha.

Nguyên tắc định hướng phát triển: phát triển mạng lưới khu công nghệ số đa cực, đa trung tâm, tích hợp R&D - đào tạo - đổi mới sáng tạo - sản xuất - dịch vụ - nhà ở gắn với TOD; gắn với hướng phát triển phía Bắc - Đông Bắc, Tây - Tây Bắc, phía Nam và Đông Nam; cực đổi mới sáng tạo phía Đông (Thủ Đức), cực Long Sơn; hành lang Vành đai 3, Vành đai 4, quốc lộ, cao tốc kết nối sân bay, cảng biển; hệ sinh thái hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, doanh nghiệp công nghệ.

Phát triển mạng lưới các khu công nghệ số đa cực, đa trung tâm, gồm các khu quy hoạch mới, khu chuyển đổi chuyên biệt và các cực công nghệ gắn với lợi thế hạ tầng; hình thành khoảng các khu, cực công nghệ số phân bố trên toàn Thành phố.

Cực công nghệ số phía Đông (Thủ Đức): Tập trung phát triển AI, bán dẫn, thiết kế sản phẩm số, lấy các khu công nghệ cao và công viên phần mềm làm hạt nhân.

Cực Long Sơn - Long Điền: Phát triển hạ tầng số quy mô lớn, trung tâm dữ liệu, năng lực tính toán GPU phục vụ AI và kết nối cáp quang biển.

Các khu vực Hóc Môn, Củ Chi - phía Bắc Thành phố: Đẩy mạnh ứng dụng AI, robotics và công nghệ số trong sản xuất công nghiệp.

Phát triển các khu công nghệ số theo mô hình tích hợp R&D - đào tạo - đổi mới sáng tạo - sản xuất - dịch vụ - nhà ở, gắn với giao thông công cộng và TOD; dành quỹ đất phù hợp cho không gian xanh, tiện ích và môi trường làm việc chất lượng cao.

Ưu tiên hoàn thiện hạ tầng số và hạ tầng kỹ thuật, kết nối các khu công nghệ số với Vành đai 3, Vành đai 4, các quốc lộ, cao tốc, sân bay và cảng biển, tạo mạng lưới các cực công nghệ số liên kết chặt chẽ trong Thành phố và vùng.

l) Khu kinh tế đặc biệt:

Nguyên tắc định hướng phát triển: nghiên cứu hình thành trong dài hạn, theo mô hình đa chức năng, phát triển theo lộ trình và phân khu chức năng; gắn với hướng phát triển phía Đông Nam, ven biển; cực cảng biển - thương mại tự do - năng lượng phía Nam; hành lang Cái Mép - Thị Vải - vịnh Gành Rái, kết nối sân bay Long Thành; hệ sinh thái cảng biển - logistics - công nghiệp công nghệ cao - tài chính - đô thị dịch vụ.

Trong dài hạn, nghiên cứu hình thành khu kinh tế đặc biệt ven biển tại khu

vực Vũng Tàu, tích hợp các khu đặc thù, với cơ chế quản lý và chính sách vượt trội toàn khu, nhằm tạo động lực tăng trưởng mới cho Thành phố.

Ưu tiên các ngành giá trị gia tăng cao, công nghệ cao và kinh tế xanh, gồm logistics và dịch vụ hàng hải quốc tế, sản xuất tiên tiến, công nghiệp xanh, kinh tế số, tài chính - thương mại quốc tế, trung tâm dữ liệu, R&D, đổi mới sáng tạo và năng lượng sạch; hạn chế ngành thâm dụng đất, lao động, năng lượng và có giá trị gia tăng thấp.

Phát triển trung tâm logistics và thương mại quốc tế gắn với cụm cảng Cái Mép - Thị Vải, hệ thống cảng biển Thành phố, sân bay quốc tế Long Thành và mạng lưới giao thông liên vùng; phát triển logistics thông minh, logistics lạnh, phân phối và thương mại xuyên biên giới.

Xây dựng môi trường thể chế và quản trị đặc thù, thúc đẩy cải cách thủ tục, số hóa quản lý và nghiên cứu áp dụng các cơ chế linh hoạt về đầu tư, thương mại, tài chính, đất đai, thuế, hải quan, khoa học - công nghệ và dữ liệu theo quy định pháp luật.

Tăng cường liên kết với Trung tâm tài chính quốc tế, hệ sinh thái khoa học - công nghệ, các khu công nghệ cao, các khu công nghiệp và cụm cảng, hình thành hệ sinh thái kinh tế thống nhất giữa tài chính, công nghệ, sản xuất, logistics và dịch vụ.

Phát triển đồng bộ đô thị và dịch vụ chất lượng cao, gồm nhà ở chuyên gia, giáo dục, y tế, thương mại, văn hóa và không gian sáng tạo; tổ chức phát triển gắn với TOD và giao thông công cộng.

Phát triển theo hướng xanh, tuần hoàn và carbon thấp, áp dụng tiêu chuẩn cao về năng lượng, công trình xanh, nước, chất thải và logistics xanh; bảo vệ hệ sinh thái biển, ven biển, sông, vùng ngập nước và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu.

Phát triển theo lộ trình và các phân khu chức năng; ưu tiên các động lực tạo giá trị và khả năng kết nối nhanh như cảng - logistics - thương mại - công nghiệp công nghệ cao, sau đó mở rộng các chức năng tài chính, R&D, đô thị và dịch vụ hỗ trợ; bảo đảm hiệu quả sử dụng đất và khả năng lan tỏa đến toàn Thành phố.

m) Khu vực logistics:

Tổng quy mô dự kiến khoảng 4.000 - 6.000 ha, vị trí và ranh giới cụ thể sẽ được xác định trong các đồ án quy hoạch phân khu.

Nguyên tắc định hướng phát triển: phát triển logistics đa phương thức, xanh, thông minh, liên kết vùng; gắn với hướng phát triển Bắc - Nam và Đông - Tây; cực cảng biển - thương mại tự do - năng lượng phía Nam và cực công nghiệp - logistics phía Bắc; hành lang công nghiệp - sản xuất - logistics đa phương thức (Vành đai 4, Vành đai 4,5, cao tốc, đường sắt hàng hóa, đường thủy); hệ sinh thái chuỗi cung ứng - cảng biển - sân bay - cảng cạn - khu công nghiệp.

Hoàn thiện hạ tầng logistics đa phương thức, phát huy vai trò bổ trợ của

đường bộ, đường thủy, đường sắt và hàng không; tăng cường kết nối giữa khu sản xuất, khu công nghiệp, cảng biển, cảng cạn, trung tâm logistics, sân bay và thị trường tiêu thụ. Trong đó, đường bộ đảm nhiệm phân phối và kết nối chặng ngắn; đường thủy vận chuyển hàng hóa khối lượng lớn, chi phí thấp; đường sắt là phương thức chiến lược đối với vận chuyển container khối lượng lớn; hàng không phục vụ hàng hóa có giá trị cao, yêu cầu thời gian giao nhận nhanh.

Hình thành các đầu mối logistics chuyên ngành và phân phối vùng, gắn với các cửa ngõ cảng biển, sân bay và khu vực sản xuất; phát triển các trung tâm kho vận, kho ngoại quan, trung tâm phân phối, kho lạnh và cơ sở hoàn thiện đơn hàng, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa vùng sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất nhập khẩu.

Hình thành mạng lưới logistics chiến lược gồm Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp và mạng lưới trung tâm logistics; tổ chức gắn với các cửa ngõ quốc tế, đầu mối giao thông đa phương thức, khu sản xuất - công nghiệp trọng điểm và các hành lang logistics liên vùng, tạo thành hệ sinh thái logistics tích hợp phục vụ sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu và phân phối.

Tăng cường liên kết vùng và quốc tế, kết nối hệ thống logistics Thành phố với các trung tâm sản xuất, cảng biển, sân bay, cửa khẩu và thị trường trong vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và các hành lang thương mại quốc tế; nâng cao vai trò của Thành phố trong mạng lưới logistics khu vực và toàn cầu.

5. Định hướng phát triển không gian ngầm, không gian tầm thấp và không gian tầm cao:

a) Định hướng phát triển không gian ngầm:

Ưu tiên phát triển không gian ngầm tại khu vực trung tâm và các khu đô thị hiện hữu, khu đô thị tập trung gắn kết với hệ thống giao thông công cộng ngầm, bãi đỗ xe, hầm đi bộ để hình thành mạng lưới không gian ngầm liên thông; đồng thời bố trí tuy nen, hào kỹ thuật trên các trục giao thông chính và đối ngoại. Các yêu cầu cụ thể về an toàn, hệ số sử dụng đất và quy mô xây dựng được xác định ở quy hoạch cấp dưới và quy hoạch chuyên ngành.

Nghiên cứu khai thác không gian ngầm phục vụ điều tiết và lưu giữ nước tại các khu vực trung tâm có nguy cơ ngập cao, thiếu quỹ đất cho không gian xanh và hồ điều hòa, góp phần tăng khả năng chống ngập đô thị.

Kiểm soát chặt chẽ xây dựng ngầm tại các khu vực sinh thái tự nhiên, đất nông nghiệp, ven sông/kênh/rạch, hành lang thoát nước, khu di tích - văn hóa - tôn giáo và các khu vực có nguy cơ ngập lụt, sụt lún, xâm nhập mặn; việc triển khai phải dựa trên đánh giá điều kiện địa chất, thủy văn và tác động môi trường.

Đối với khu vực quốc phòng, an ninh, việc tổ chức không gian xây dựng ngầm thực hiện theo các quy định chuyên ngành và yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phân tầng không gian ngầm:

Tầng nông: Bố trí không gian, chức năng phù hợp với sử dụng đất trên mặt

đất, ưu tiên các khu vực có giá trị cao; đồng thời là không gian kết nối giữa các chức năng hạ tầng kỹ thuật trên mặt đất và tầng sâu.

Tầng sâu: Tổ chức các công trình, hạ tầng phục vụ phát triển đô thị; các tuyến chức năng được xác lập và quản lý thống nhất, bảo đảm hành lang và quyền sử dụng cần thiết để thuận lợi cho đầu tư, xây dựng và khai thác.

Tầng rất sâu: Ưu tiên các công trình hạ tầng kỹ thuật có yêu cầu cách ly cao hoặc không phù hợp bố trí ở các tầng nông, như đường điện cao thế, tuyến thoát nước và các công trình kỹ thuật quy mô lớn; nghiên cứu xác lập hành lang và quyền sử dụng phù hợp để giảm chi phí phát triển.

Các thông số về độ sâu, phạm vi và chức năng từng tầng được xác định, chuẩn hóa trong Quy hoạch chung không gian ngầm đô thị và các quy hoạch phân khu trên cơ sở điều kiện địa chất, thủy văn từng khu vực.

- Định hướng các trung tâm phát triển không gian ngầm chính:

Ưu tiên nghiên cứu các khu vực trọng điểm, gồm: Trung tâm Thành phố hiện hữu; Trung tâm Thủ Thiêm; Trung tâm Chợ Lớn - Phú Thọ; Trung tâm Hòa Hưng - Cộng Hòa; Trung tâm khu vực Thành phố mới Bình Dương; Trung tâm khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ưu tiên phát triển không gian ngầm gắn với các ga giao thông công cộng ngầm: nghiên cứu quy hoạch chi tiết trong bán kính khoảng 400 m quanh ga, bảo đảm kết nối thuận tiện giữa ga với các khu chức năng, đồng thời khai thác hiệu quả dòng hành khách cho phát triển thương mại, dịch vụ. Đối với các ga có khoảng cách dưới 400 m, nghiên cứu kết nối chi tiết trong phạm vi khoảng 200 m quanh khu vực ga, nhằm tăng cường khả năng liên thông, thuận tiện tiếp cận và khai thác hiệu quả không gian ngầm.

- Không gian ngầm đặc thù:

Tổ chức các không gian ngầm có chức năng đặc thù theo yêu cầu quản lý và phát triển đô thị, có thể kết hợp chức năng thương mại, dịch vụ tại các vị trí có khả năng kết nối trực tiếp với hệ thống giao thông công cộng và lưu lượng người đi bộ cao.

Ưu tiên các chức năng: giao thông ngầm; bến, bãi và đỗ xe; hạ tầng vận hành đô thị; hạ tầng kỹ thuật; cơ sở y tế khẩn cấp; không gian trú ẩn, ứng phó thiên tai; kho lưu trữ và các chức năng đô thị đặc thù khác.

Khuyến khích tích hợp đa chức năng, kết hợp giao thông, hạ tầng kỹ thuật và điều tiết nước trong các công trình ngầm quy mô lớn, phù hợp với điều kiện đô thị và yêu cầu phòng, chống ngập, thiên tai.

Nghiên cứu các trục giao thông ngầm chiến lược, trong đó ưu tiên hai trục Bắc - Nam kết nối khu vực trung tâm với các cửa ngõ Thành phố; nghiên cứu tuyến giao thông ngầm dọc sông Sài Gòn.

(Việc xác định vị trí, quy mô, hướng tuyến và chức năng cụ thể của các công trình ngầm đặc thù được nghiên cứu, xác định trong các quy hoạch chuyên ngành

và quy hoạch cấp dưới trên cơ sở nhu cầu giao thông, điều kiện địa chất - thủy văn, khả năng kết nối hạ tầng và hiệu quả đầu tư).

b) Định hướng phát triển không gian tầm thấp, không gian tầm cao:

- Không gian tầm thấp:

Là phần không gian trên bề mặt đất, mặt nước đến độ cao dưới 3.000 m, phục vụ hoạt động bay của phương tiện bay không người lái (UAV, drone…) cho logistics, vận chuyển, quản lý đô thị, khoa học, công nghệ (phân lớp, hành lang hoạt động trong giới hạn 1.000 m, nghiên cứu mở rộng đến dưới 3.000 m). Định hướng phân vùng khu vực hoạt động, hành lang bay; bố trí hạ tầng sân bãi (bãi cất, hạ cánh, trạm sạc và năng lượng, trung tâm điều hành bay, hậu cần) và hạ tầng số (mạng thông tin trên cao, hệ thống quản lý giám sát bay) tích hợp vào quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp, trung tâm logistics; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn bay, môi trường và an ninh dữ liệu. Quy hoạch không gian tầm thấp là quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, lập sau khi Quy hoạch tổng thể được phê duyệt.

- Không gian tầm cao:

Là tầng không gian phía trên không gian tầm thấp, từ độ cao trên 3.000 m. Định hướng quản lý, khai thác theo quy định về hàng không dân dụng, quốc phòng, an ninh. Quy hoạch không gian tầm cao lập sau khi Quy hoạch tổng thể được phê duyệt; nội dung yêu cầu do Ủy ban nhân dân Thành phố tham vấn các bộ liên quan xác định.

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Quy hoạch, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, liên thông toàn vùng theo hướng hạ tầng xanh kết hợp hạ tầng thông minh, có khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu, ngập lụt, sụt lún đất và nước biển dâng. Ưu tiên các công trình đầu mối có tính chiến lược, liên vùng (cao tốc, vành đai, đường sắt, cảng biển, cảng hàng không, nguồn điện, nguồn nước, khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang); tổ chức hạ tầng phù hợp với cấu trúc đô thị đa cực, đa trung tâm của Thành phố sau sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

- Giao thông:

Phát triển hệ thống giao thông đa phương thức, kết nối đồng bộ đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không với các đầu mối logistics; lấy giao thông công cộng sức chở lớn làm xương sống, phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD).

+ Hệ thống đường bộ:

Phát triển mạng lưới đường bộ đồng bộ với cấu trúc đô thị đa cực, đa trung tâm; kết hợp các tuyến cao tốc, vành đai, trục hướng tâm, trục liên khu vực và mạng lưới đường đô thị, bảo đảm kết nối giữa các khu vực của Thành phố và với các địa phương trong vùng. Ưu tiên hoàn thiện các đoạn tuyến còn thiếu, các nút

giao và công trình kết nối; phân luồng hợp lý giao thông quá cảnh, vận tải hàng hóa và giao thông đô thị.

Đường cao tốc: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng và hoàn thiện các tuyến, đoạn tuyến trên địa bàn và kết nối trực tiếp với Thành phố theo quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ và các quyết định điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm: cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01), cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02), Biên Hòa - Vũng Tàu (CT.28), Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (CT.29), Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư (CT.30), Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (CT.31), Thành phố Hồ Chí Minh - Vĩnh Long - Cần Thơ - Cà Mau (CT.33), Vành đai 3 (CT.40) và Vành đai 4 (CT.41). Nghiên cứu tuyến cao tốc mới trên cơ sở nâng cấp Quốc lộ 51C, hình thành thêm một hướng trục Bắc - Nam (từ nút giao cao tốc Bến Lức - Long Thành và Biên Hòa - Vũng Tàu, kết nối Quốc lộ 1 và cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết).

Quốc lộ, đường vành đai: Cải tạo, nâng cấp các đoạn tuyến Quốc lộ 1, Quốc lộ 13, Quốc lộ 13B, Quốc lộ 22, Quốc lộ 50, Quốc lộ 51, Quốc lộ 55, Quốc lộ 56, Quốc lộ 56B, đường Hồ Chí Minh và đường bộ ven biển. Nghiên cứu các tuyến vành đai trung gian 2,5; 3,5; 4,5 và Vành đai 5 kết nối các địa phương trong vùng và liên vùng với duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

Đường dẫn, đường trục kết nối: Phát triển các tuyến đường dẫn, đường trục tăng cường kết nối với hệ thống đường quốc gia: đường dẫn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (kéo dài đến Vành đai 2), đường liên cảng Cát Lái - Phú Hữu…; bố trí đường song hành hai bên các trục cao tốc, vành đai đô thị, bảo đảm kết nối hai chiều, khai thác hiệu quả quỹ đất và hỗ trợ phát triển đô thị hai bên tuyến.

(Các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ được xác định tên, chức năng đường đô thị theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Hệ thống cầu, hầm vượt sông: Xây dựng mới, bổ sung các cầu kết nối qua sông Đồng Nai, đặc biệt tại khu vực Dĩ An - Biên Hòa; bổ sung hệ thống cầu qua sông Sài Gòn, tăng cường kết nối hai bờ tại khu vực Thuận An, Thủ Dầu Một, Bến Cát; cầu/hầm kết nối đảo Gò Gia; cầu/hầm vượt biển Cần Giờ - Vũng Tàu. Ưu tiên giải pháp hầm vượt sông tại khu vực đô thị trung tâm để tiết kiệm quỹ đất và bảo vệ cảnh quan.

Xây dựng các nút giao thông khác mức tại các giao lộ dự báo có mật độ lưu thông cao, phân luồng phức tạp; điều chỉnh các nút giao thông hiện hữu theo hướng tạo thuận lợi cho người sử dụng, nâng cao hiệu quả của nút.

+ Hệ thống đường sắt quốc gia:

Đường sắt quốc gia: Phát triển các tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh, Bàu Bàng - Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí

Minh - Tây Ninh, Biên Hòa - Vũng Tàu; đường sắt chuyên dụng kết nối cảng Hiệp Phước, cụm cảng Cái Mép - Thị Vải và cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ; các nhánh kết nối khu công nghiệp, trung tâm logistics, cảng hàng không, cảng biển. Ga hành khách chính: ga Sài Gòn (Hòa Hưng), An Bình, Tân Kiên, Thủ Thiêm; ga hàng hóa chính: An Bình, Trảng Bom, Tân Kiên. Tăng cường kết nối đường sắt quốc gia với đường sắt đô thị và các phương thức vận tải khác.

+ Hệ thống hàng không:

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất: cấp 4E, công suất thiết kế khoảng 50 triệu hành khách/năm (đến năm 2030); phấn đấu đến năm 2050 là một trong hai trung tâm vận tải hàng không đầu mối trung chuyển quốc tế lớn nhất cả nước.

Cảng hàng không Côn Đảo: đạt cấp 4E. Đến năm 2050, nâng công suất thiết kế lên 5 triệu hành khách/năm; bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc và yêu cầu quốc phòng, an ninh.

Cảng hàng không trong khu vực có liên quan: Cảng hàng không quốc tế Long Thành, giai đoạn 1 công suất khoảng 25 triệu hành khách/năm, 1,2 triệu tấn hàng hóa/năm; đến năm 2035 năng lực khai thác khoảng 100 triệu hành khách/năm, 5 triệu tấn hàng hóa/năm.

Sân bay chuyên dụng: sân bay Đất Đỏ (cấp 4C, lưỡng dụng); sân bay Gò Găng (trực thăng, UAV, phục vụ kinh tế tầm thấp và một số hoạt động kinh tế - xã hội khác); sân bay chuyên dụng khu vực Dầu Tiếng. Bố trí các sân đỗ trực thăng, điểm cất/hạ cánh phương tiện bay không người lái tại các khu vực, công trình phù hợp.

(Ranh giới, quy mô và công suất các cảng hàng không, sân bay chuyên dụng sẽ được nghiên cứu, xác định cụ thể trên cơ sở nhu cầu sử dụng, quỹ đất, vùng trời, kết nối và yêu cầu quốc phòng, an ninh, phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc).

+ Hệ thống hàng hải, đường thủy nội địa:

Luồng hàng hải: Tổng chiều dài khoảng 322 km, gồm luồng Sài Gòn - Vũng Tàu (khoảng 65,4 km, tàu 30.000 - 45.000 tấn), luồng Soài Rạp (khoảng 66,6 km, tàu 50.000 - 70.000 tấn), luồng Vũng Tàu - Thị Vải và các luồng sông Dừa, Đồng Tranh - Gò Gia, sông Dinh, Côn Đảo.

Cảng biển: Cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nhóm cảng biển số 4, quy hoạch tiềm năng thành cảng biển loại đặc biệt, gồm các khu bến chính: Cái Mép (cảng cửa ngõ, trung chuyển quốc tế, tàu container 80.000 - 250.000 DWT), Thị Vải, cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (tàu đến 250.000 tấn/24.000 TEU), Long Sơn, Hiệp Phước, Nhà Bè, Long Bình, Sao Mai - Bến Đình, sông Dinh, Côn Đảo… và các bến cảng khách quốc tế; khu bến Cát Lái - Phú Hữu khai thác với quy mô hiện hữu, không mở rộng; khu bến trên sông Sài Gòn thực hiện di dời, chuyển đổi công năng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phát triển không gian đô thị.

Đường thủy nội địa: Phát triển các hành lang vận tải thủy Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau; Thành phố Hồ Chí Minh - An Giang - Kiên Lương; Tây Ninh - Thành phố Hồ Chí Minh - Cái Mép, Thị Vải - Cần Giờ; kết nối Campuchia qua sông Tiền, sông Hậu. Quy hoạch hệ thống cảng sông, bến thủy nội địa theo hướng hình thành các đầu mối tập kết, trung chuyển hàng hóa đến cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải; tích hợp giao thông hành khách đô thị và du lịch đường sông.

Vận tải hành khách đường thủy: Ngoài các tuyến hiện có, phát triển các tuyến Bạch Đằng - Phú Mỹ Hưng; Bạch Đằng - Mũi Đèn Đỏ - Swan Bay; Bạch Đằng - Thủ Dầu Một; Bạch Đằng - Rạch Chiếc; sông Vàm Thuật - rạch Bến Cát - kênh Tham Lương, gắn với hệ thống bến khách, bến du lịch dọc sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và kênh rạch.

(Cụ thể về vị trí, chức năng, công suất, nhu cầu sử dụng đất (diện tích đất, diện tích mặt nước), kết nối hạ tầng kỹ thuật,... của từng cảng, bến thủy nội địa sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong các giai đoạn tiếp theo (quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng,... được cấp có thẩm quyền phê duyệt) phù hợp với định hướng quy hoạch sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan, tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực).

+ Hệ thống giao thông đô thị:

Hoàn thiện mạng lưới giao thông đô thị theo nguyên lý liên thông, phân tải và kết nối đa cực; tăng cường các trục xuyên tâm, vành đai, vòng cung và trục liên khu vực. Tổ chức các trục chính đô thị tốc độ cao kết nối các khu vực trung tâm, các cực động lực và khu đô thị mới, đồng thời giảm áp lực cho khu vực trung tâm hiện hữu. Bổ sung, hoàn thiện mạng lưới đường chính tại các khu vực phát triển tập trung, bảo đảm mật độ và tính liên kết của mạng lưới.

Trục giao thông đô thị: Quy hoạch các trục chính đô thị lưu thông tốc độ cao (trên cao kết hợp đi ngầm), quy mô tối thiểu 4 làn xe, gồm: trục Bắc - Nam 1 (Quốc lộ 13 - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Thị Minh Khai - Thủ Thiêm - Cần Giờ, kết nối cầu vượt biển Cần Giờ - Vũng Tàu); trục Bắc - Nam 2 (từ cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài qua khu vực trung tâm ra Quốc lộ 1); trục Đông - Tây (Phạm Văn Đồng - Tân Sơn Nhất - Lạc Long Quân - Quốc lộ 1). Bổ sung các trục liên khu vực: Tây Ninh - Củ Chi - Bến Cát - Thành phố mới - Tân Uyên - Đồng Nai; đường trục đô thị mới Tây Ninh – Củ Chi – trung tâm Thành phố; vành đai liên vùng Bắc Bình Dương; trục vòng cung Củ Chi - Bến Cát - Tân Uyên; trục xuyên tâm chéo Củ Chi - Thủ Dầu Một - Tân Uyên; trục logistics Gò Gia - Cái Mép - Vành đai 4; trục Vành đai 3 - Phú Mỹ - Hồ Tràm (trên cơ sở ĐT.991); trục Đông Bà Rịa - Tam Long - Quốc lộ 56; trục ven biển trên cơ sở ĐT.994D kết hợp cầu vượt biển. Bổ sung các trục chính kết nối Thủ Đức với Dĩ An, Thuận An; bảo đảm mật độ đường chính tại các khu vực phát triển tập trung (Tân Uyên, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo).

Nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường ven sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và dọc các luồng đường thủy nội địa, gắn với phát triển cảnh quan, du lịch và đô

thị ven sông. Từng bước hình thành các vùng phát thải thấp tại các khu vực có mật độ giao thông cao, chất lượng không khí cần kiểm soát và có điều kiện phù hợp về tổ chức không gian.

(Cụ thể vị trí, hướng tuyến, quy mô thành phần cấu tạo mặt cắt ngang sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong các giai đoạn tiếp theo (quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng,... được cấp có thẩm quyền phê duyệt), có xem xét khả năng kế thừa trên nguyên tắc phù hợp với định hướng quy hoạch, tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực).

+ Hệ thống giao thông công cộng:

Phát triển hệ thống đường sắt đô thị theo hướng hình thành mạng lưới giao thông công cộng khối lượng lớn có tính liên kết vùng, lấy đường sắt đô thị làm cấu trúc xương sống của hệ thống vận tải hành khách, đồng thời trở thành công cụ định hướng tổ chức không gian đô thị, thúc đẩy phát triển theo mô hình đô thị gắn với giao thông công cộng (TOD).

Đến năm 2050: Hoàn thành mạng lưới gồm 18 tuyến MRT với tổng chiều dài khoảng 960 km và mạng lưới LRT/Tramway dài khoảng 450 km.

Trong đó, mạng lưới đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức theo cấu trúc đa cấp, kết hợp các tuyến xuyên tâm, vành đai và liên vùng, bảo đảm kết nối đồng bộ giữa khu vực trung tâm, các cực động lực, các trung tâm đô thị và các đầu mối cảng biển, sân bay; đồng thời tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng. Hệ thống đường sắt đô thị được tích hợp với mạng lưới xe buýt trung chuyển, các bến xe, trung tâm logistics, và các đầu mối giao thông vùng, tạo thành hệ thống giao thông công cộng đa tầng.

Định hướng phát triển hệ thống xe buýt theo hướng thống nhất, liên thông, đa dạng loại hình (Ưu tiên phát triển xe buýt nhanh (BRT), xe buýt điện và các phương tiện sử dụng năng lượng sạch) và tăng cường kết nối vùng, hình thành mạng lưới vận tải hành khách công cộng có độ bao phủ rộng, kết nối hiệu quả các khu vực đô thị hiện hữu, các đô thị mới, trung tâm công nghiệp, logistics, cảng biển, sân bay và các đầu mối giao thông liên vùng.

Số lượng, chiều dài, nguyên tắc xác định đoạn đi ngầm/nổi của các tuyến đường sắt đô thị sẽ tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung trên cơ sở nhu cầu phát triển của đô thị, các điều kiện về kinh tế - xã hội, hiệu quả khai thác đất đai. Vị trí, hướng tuyến đường sắt đô thị và nhà ga trên tuyến sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch chuyên ngành giao thông, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thực hiện theo dự án riêng được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Lộ trình phát triển mạng lưới đường sắt đô thị sẽ được xây dựng cụ thể trên cơ sở đánh giá, xây dựng nguồn lực, xác định các phương thức triển khai đối với từng tuyến.

+ Hệ thống công trình giao thông:

Chuyển đổi các bến xe Miền Đông mới, Miền Tây mới, Xuyên Á, An Sương, Củ Chi… thành các đầu mối giao thông đa phương thức kết hợp phát triển TOD;

xây dựng bến xe Bình Dương mới gắn với TOD; bố trí các bến xe khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu tại các cửa ngõ trên Quốc lộ 51, 55, 56. Xây dựng hệ thống bến xe khách liên tỉnh mới kết hợp mạng lưới đường sắt đô thị, bến xe buýt, bãi đỗ xe trung chuyển tạo thành các trung tâm trung chuyển hành khách đa phương thức.

Phát triển hệ thống bãi đỗ xe tập trung, nhiều tầng, ngầm và thông minh; dành đủ quỹ đất cho bãi đỗ, trạm sạc, trạm bảo dưỡng sửa chữa xe buýt; xây dựng các bến xe tải gắn với trung tâm logistics, khu, cụm công nghiệp lớn.

Trung tâm logistics, cảng cạn: Phát triển các trung tâm logistics An Bình, Tân Kiên; các cảng cạn An Sơn, Bình Hòa - Tân Cảng Sóng Thần, TBS Tân Vạn, cụm An Tây - Rạch Bắp, cụm Phú Mỹ - Cái Mép, cụm Mỹ Xuân - Phước Hòa, và một số khu vực tiềm năng…, gắn với cảng biển, đường sắt, đường thủy nội địa và các khu công nghiệp; hình thành các hành lang logistics đa phương thức, tách hợp lý dòng vận tải hàng hóa với giao thông đô thị.

+ Giao thông ngầm, giao thông xanh và giao thông thông minh:

Nghiên cứu các trục giao thông ngầm tại khu vực trung tâm, tuyến dọc sông Sài Gòn, khu vực ga Bến Thành - đường Hàm Nghi, bến Bạch Đằng - đường Tôn Đức Thắng, khu vực kết nối Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; kết nối nhà ga đường sắt đô thị với không gian thương mại ngầm.

Từng bước hình thành các vùng phát thải thấp tại khu vực có mật độ giao thông cao; phát triển hệ thống giao thông thông minh, dịch vụ di chuyển tích hợp; ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, khai thác hệ thống giao thông; xây dựng cơ sở dữ liệu giao thông phục vụ dự báo, lập kế hoạch phát triển hạ tầng giao thông.

- Cao độ nền xây dựng và thoát nước mặt:

Cao độ nền xây dựng được xác định theo từng vùng, lưu vực (15 lưu vực thoát nước mưa), trên cơ sở mực nước ngập tính toán được xác định theo loại đô thị và phân khu chức năng đô thị ứng với tần suất chống lũ trên sông, rạch chịu ảnh hưởng đồng thời của mưa, triều, lũ, nước biển dâng và biến đổi khí hậu có tính đến sụt lún đất, đảm bảo an toàn thoát lũ và không làm gia tăng ngập tại khu vực lân cận.

- Khu vực đồi, gò và trung du (thượng lưu, trung lưu các sông Sài Gòn, Thị Tính, Đồng Nai, sông Ray): san nền cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình, san nền giật cấp theo địa hình, cân bằng đào đắp tại chỗ, hạn chế phá vỡ địa hình tự nhiên.

- Khu vực đô thị hiện hữu và khu vực trũng thấp ven sông, ven biển, khu vực hạ lưu, thấp trũng ven biển xác định cao hơn theo mực nước tính toán của từng khu vực. Các tuyến đường trục chính trong khu đô thị hiện hữu thấp hơn cao độ mực nước ngập trên sông được cải tạo nâng dần cao độ, bảo đảm hài hòa với cảnh quan xung quanh và hướng thoát nước mặt; khu vực có cao độ nền hiện trạng cao hơn cao độ chống ngập thiết kế chỉ san gạt cục bộ, hạn chế tối đa việc nâng cao độ nền.

Xây dựng thêm và mở rộng các hồ điều hòa trữ nước kết hợp cây xanh tạo thành các khu du lịch sinh thái, cải tạo khí hậu toàn Thành phố.

(Cao độ nền xây dựng cụ thể của từng khu vực sẽ được xác định trong quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, phù hợp với cao độ khống chế chung, hệ thống hành lang chống ngập và kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng được cấp có thẩm quyền ban hành).

- Thoát nước mặt, chống ngập và thủy lợi:

Giải pháp chống ngập được lựa chọn theo từng lưu vực, kết hợp công trình, phi công trình và giải pháp dựa vào thiên nhiên, quản trị rủi ro phù hợp điều kiện địa hình, thủy văn, sụt lún và mức độ tập trung dân cư, tài sản. Định hướng phân nhóm khu vực theo mức độ an toàn, yêu cầu bảo vệ, khả năng thích ứng và chức năng sinh thái; số lượng nhóm, ranh giới, tiêu chí và chế độ kiểm soát phát triển được xác định, cập nhật trong quy hoạch, phương án, đề án chuyên ngành trên cơ sở quan trắc và bản đồ rủi ro.

Chuyển đổi từ tư duy "chống ngập" sang "thích ứng với nước", quy hoạch các vùng trữ lũ tự nhiên; tổ chức thoát nước mặt theo lưu vực, điều kiện địa hình tự nhiên; duy trì hành lang tiêu thoát lũ và không gian chứa nước; kết hợp hồ điều tiết, cống kiểm soát triều và trạm bơm, quy hoạch dải cây xanh và không gian trữ nước dọc các sông lớn (sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Nhà Bè), kênh, rạch và trong phạm vi đô thị, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, quản trị rủi ro theo điều kiện địa hình, thủy văn từng lưu vực.

Khu vực trung tâm (Thành phố Hồ Chí Minh trước sắp xếp) chia thành 7 tiểu vùng kiểm soát ngập (Bắc, Tây, Nam I, Nam II, Nhiêu Lộc - Thị Nghè, Tân Hóa - Lò Gốm, Tàu Hũ - Bến Nghé); hoàn thiện hệ thống cống kiểm soát triều (Bến Nghé, Tân Thuận, Phú Xuân, Mương Chuối, Cây Khô, Phú Định…), đê bao Hóc Môn - Bắc Bình Chánh, đê bao rạch Tra, sông Thị Tính. Khu vực Cần Giờ quy hoạch thích ứng linh hoạt với ngập, giảm thiểu thiệt hại và duy trì cấu trúc sinh thái đặc thù của vùng rừng ngập mặn, củng cố đê hiện hữu tại khu dân cư trọng điểm, sử dụng các vùng trũng tự nhiên làm nơi chứa nước tạm thời. Bảo tồn, cải tạo các hồ điều tiết ở Bình Hưng Hòa, Tân Tạo, Tam Phú, Bàu Trũng, cấm san lấp; xây dựng thêm các hồ điều tiết kết hợp công viên cây xanh, không gian công cộng, khu du lịch sinh thái.

Giai đoạn 2026 - 2030: giải quyết triệt để các điểm ngập đô thị, phấn đấu giảm 50% thiệt hại do ngập lụt; số hóa dữ liệu, vận hành hệ thống thoát nước (SCADA) tại các khu vực phát triển đô thị.

Giai đoạn 2031 - 2050: phấn đấu 100% khu phát triển mới và 60% đô thị hiện hữu sau chỉnh trang tự giữ, thấm và tuần hoàn tối thiểu 40% lượng nước mưa tại chỗ (mô hình đô thị bọt biển); các dự án khu đô thị mới, khu công nghiệp dành tối thiểu 5 - 10% diện tích cho hồ điều tiết, không gian xanh thấm nước; giữ lại, khôi phục tối thiểu 30% diện tích các vùng trũng tự nhiên (Nam Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ) làm nhiệm vụ cắt lũ.

- Thủy lợi:

Phát triển hệ thống thủy lợi đồng bộ theo lưu vực sông và hệ thống công trình, bảo đảm an ninh nguồn nước, chủ động cấp nước, tưới, tiêu và quản lý rủi ro thiên tai; tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và sụt lún; bảo vệ hệ sinh thái sông - cửa sông - ven biển và nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành trên nền tảng dữ liệu số. Khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng đã đầu tư, tăng khả năng tích trữ, điều hòa và phân phối nước; bảo đảm an toàn công trình và chủ động giảm rủi ro cho vùng hạ du.

Hình thành hệ thống thủy lợi có khả năng bảo đảm an ninh nguồn nước trong điều kiện phát triển đô thị quy mô lớn; chủ động quản lý lũ, ngập, triều, hạn, mặn, sụt lún và nước biển dâng; duy trì an toàn cho dân cư, hạ tầng trọng yếu và các hoạt động kinh tế; đồng thời bảo tồn các chức năng điều hòa tự nhiên của sông, hồ, vùng ngập nước, cửa sông và ven biển.

Bảo vệ nguồn nước, hành lang sông, vùng trữ và chậm lũ, không gian cửa sông - ven biển và quỹ đất cho các công trình đầu mối, tuyến kết nối chiến lược. Quy mô và công nghệ công trình được lựa chọn theo điều kiện thực tế của từng thời kỳ, bảo đảm hệ thống có thể mở rộng, chuyển đổi hoặc bổ sung nguồn mà không làm mất các phương án phát triển cần thiết trong tương lai.

Tổ chức hệ thống thủy lợi đa mục tiêu phục vụ cấp nước, tưới, tiêu, kiểm soát hạn - mặn, lũ, ngập và triều theo lưu vực sông, tiểu lưu vực, hệ thống nguồn nước và quan hệ thủy lực thượng lưu - hạ lưu; bảo đảm liên kết, phối hợp vận hành giữa hệ thống Dầu Tiếng - Phước Hòa - sông Sài Gòn, sông Bé - sông Đồng Nai, vùng hạ lưu Đồng Nai - Sài Gòn, các lưu vực ven biển và hải đảo. Ranh giới phân vùng, nhiệm vụ và chế độ vận hành cụ thể được xác định trong Phương án phát triển hạ tầng thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm trên cơ sở cân bằng nước, mô hình thủy lực và yêu cầu phát triển của từng thời kỳ; không phân chia cứng theo địa giới hành chính.

Nghiên cứu, bảo lưu không gian và hành lang phù hợp để phát triển các công trình tạo nguồn, trữ nước và liên kết nguồn, trong đó xem xét hồ Cây Chanh, Sông Ray 2, Đầm Trầu, Bình Châu; hướng liên kết La Ngà - Sông Ray; tuyến lấy, dẫn nước thô từ hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An và các nguồn có độ an toàn cao. Việc quyết định đầu tư, vị trí, quy mô, công suất và phân kỳ thực hiện chỉ được xác định sau khi hoàn thành cân bằng nước đến năm 2050, khảo sát, mô hình thủy lực, đánh giá tác động môi trường - xã hội và các thủ tục theo quy định.

Ưu tiên sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa và khai thác hiệu quả công trình hiện có; phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; tăng cường quan trắc, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa và vùng hạ du; rà soát khả năng bố trí dung tích tham gia cắt, giảm lũ phù hợp nhiệm vụ từng hồ. Danh mục công trình phục vụ cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước và chống ngập được rà soát, cập nhật trong Phương án phát triển hạ tầng thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm và các quy hoạch, dự án liên quan, làm cơ sở xác định thứ tự ưu tiên đầu tư.

- Cấp nước:

Tổ chức hệ thống cấp nước theo 03 vùng: vùng trung tâm (khu vực Thành phố Hồ Chí Minh trước sắp xếp), vùng phía Bắc (khu vực Bình Dương trước sắp xếp) và vùng phía Đông Nam (khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu trước sắp xếp), bảo đảm liên kết, chia sẻ nguồn nước giữa các vùng.

Nguồn cấp nước: Nguồn nước mặt là nguồn chủ đạo (sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Bé…, các hồ Dầu Tiếng, Trị An, Đá Bàn, Đá Đen, Sông Ray, Đá Bàng, An Hải, Quang Trung I, Quang Trung II…, kênh Phước Hòa - Dầu Tiếng, kênh Đông). Di dời dần các điểm thu nước thô Hòa Phú, Hóa An lên thượng lưu sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, kết hợp xây dựng các hồ, cụm hồ trữ nước thô; dài hạn cấp nước thô trực tiếp từ hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An cho vùng trung tâm. Nước ngầm duy trì trong ngắn hạn, giảm dần quy mô khai thác, hướng tới chấm dứt khai thác tại một số khu vực và chuyển thành nguồn dự phòng chiến lược. Đẩy mạnh sử dụng nước tiết kiệm, tuần hoàn và tái sử dụng nước thải sau xử lý. Riêng đối với đặc khu Côn Đảo và các khu vực ven biển, nghiên cứu phương án xử lý nước biển để bổ sung nguồn nước.

Công trình đầu mối, mạng lưới: duy trì và nâng công suất các nhà máy nước hiện hữu, đồng thời đầu tư phát triển mới các nhà máy nước theo hướng công nghệ tiên tiến. Phát triển công trình thu, bơm và tuyến ống truyền tải đồng bộ với nhà máy; bổ sung tuyến ống truyền tải liên vùng (nước thô, nước sạch), bể chứa nước sạch, trạm bơm tăng áp; các nhà máy, trạm cấp nước ngầm ngừng hoạt động được nghiên cứu cải tạo thành trạm bơm tăng áp. Duy trì các tuyến ống cấp nước hiện trạng còn khả năng sử dụng, thay thế các tuyến ống đã xuống cấp; xây mới các tuyến ống cấp nước cho các khu vực chưa được cung cấp nước và cần bổ sung lưu lượng; ứng dụng giải pháp cấp nước thông minh, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch.

(Công suất, quy mô diện tích của các nhà máy nước xây dựng mới, vị trí công trình thu, bơm; chiều dài, đường kính, vị trí, chủng loại, hướng tuyến của các tuyến ống nước thô, tuyến ống truyền tải, tuyến ống các cấp sẽ được xác định cụ thể trong quy hoạch chuyên ngành, các quy hoạch cấp dưới và dự án đầu tư).

- Phương hướng phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy:

Phát triển đồng bộ hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trên toàn Thành phố, gắn với tổ chức không gian đô thị, nông thôn và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023.

Mạng lưới trụ sở, doanh trại và công trình. Rà soát, nâng cấp các trụ sở, doanh trại và công trình hiện có. Bố trí quỹ đất phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phù hợp với phân bố dân cư, nguy cơ cháy, nổ và yêu cầu về thời gian tiếp cận. Ưu tiên khu vực đô thị mật độ cao, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu vực cảng biển và đặc khu Côn Đảo.

Hệ thống cung cấp nước. Bố trí trụ nước chữa cháy đồng bộ với mạng lưới cấp nước, bảo đảm lưu lượng và áp lực theo quy chuẩn kỹ thuật. Bổ sung bể chứa, điểm lấy nước và vị trí tiếp cận nguồn nước mặt phù hợp với điều kiện từng khu vực. Ưu tiên bổ sung nguồn nước chữa cháy tại khu dân cư hiện hữu và các khu vực mạng lưới cấp nước chưa đáp ứng yêu cầu.

Hệ thống giao thông. Tổ chức mạng lưới giao thông bảo đảm phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tiếp cận các khu vực, công trình theo quy chuẩn kỹ thuật. Từng bước cải tạo các tuyến đường, hẻm tại khu dân cư hiện hữu có điều kiện tiếp cận hạn chế. Bố trí đường tiếp cận và vị trí triển khai phương tiện đồng bộ với quy hoạch các khu đô thị, khu chức năng phát triển mới.

Hệ thống thông tin liên lạc. Hiện đại hóa hệ thống tiếp nhận, xử lý tin báo cháy, thông tin chỉ huy, điều hành và điều động lực lượng, phương tiện. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu số về nguồn nước chữa cháy, tuyến tiếp cận và công trình trọng điểm, phục vụ công tác chỉ huy và phối hợp ứng phó trên toàn Thành phố.

- Thoát nước thải:

Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt toàn Thành phố đến năm 2030 đạt 70% và đến năm 2050 đạt 80%. Nước thải y tế, công nghiệp thu gom và xử lý đạt 100%.

Từng bước chuyển đổi sang hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn tại các khu vực đang có hệ thống thoát nước chung; trong giai đoạn chuyển tiếp, cải tạo hệ thống, bổ sung cống bao và công trình tách nước thải để đưa về xử lý tập trung. Các khu vực xây dựng mới, khu vực có điều kiện cải tạo xây dựng hệ thống thoát nước riêng ngay từ giai đoạn đầu. Nước thải công nghiệp, y tế, làng nghề được thu gom, xử lý riêng, bảo đảm yêu cầu môi trường trước khi xả vào hệ thống thoát nước của Thành phố.

Tổ chức quy hoạch thoát nước thải theo các phân vùng lớn bao gồm các lưu vực xử lý tập trung và các lưu vực xử lý nước thải phân tán.

Đối với các lưu vực xử lý tập trung, quy hoạch các nhà máy xử lý nước thải quy mô vừa và lớn, công suất các nhà máy xử lý nước thải tiếp tục được xác định cụ thể ở bước lập dự án.

Đối với các lưu vực xử lý phân tán, bố trí các trạm xử lý nước thải quy mô nhỏ. Vị trí, công suất cụ thể các trạm xử lý tiếp tục được xác định tại các bước quy hoạch tiếp theo.

Các nhà máy, trạm xử lý nước thải xây mới phải áp dụng công nghệ hiện đại, bảo đảm hiệu suất xử lý và chất lượng nước sau xử lý đáp ứng quy chuẩn môi trường hiện hành; bảo đảm mỹ quan, tiết kiệm đất, năng lượng và xử lý bùn khép kín. Khuyến khích tái sử dụng nước sau xử lý để tưới cây, rửa đường, dự phòng chữa cháy và các mục đích phù hợp khác. Diện tích xây dựng được xác định cụ thể khi lập dự án, phù hợp với công suất và công nghệ xử lý; khoảng cách an toàn về môi trường các nhà máy/trạm xử lý nước thải phải tuân thủ quy định hiện hành.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn:

Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: 100% chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý bảo đảm môi trường; trên 90% được tái chế, xử lý bằng công nghệ mới, thu hồi năng lượng; không quá 10% (chất vô cơ không thể tái chế, tái sử dụng) được chôn lấp hợp vệ sinh. Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, ưu tiên tái sử dụng, tái chế, giảm khối lượng chôn lấp; khuyến khích phân loại riêng chất thải thực phẩm để sản xuất phân hữu cơ; hoàn thiện mạng lưới thu gom, vận chuyển, trạm trung chuyển sử dụng công nghệ khép kín, quản lý, giám sát bằng công nghệ số; nghiên cứu vận chuyển chất thải bằng đường thủy.

Hình thành 07 khu xử lý chất thải rắn tập trung: (1) Khu Công nghệ Môi trường Xanh (khu xử lý chất thải cấp quốc gia) tại xã Tân Long, tỉnh Tây Ninh; (2) Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc (xã Thái Mỹ và xã Tân An Hội); (3) Khu liên hợp xử lý chất thải rắn và Nghĩa trang Đa Phước (xã Hưng Long); (4) Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Bình Dương (phường Chánh Phú Hòa); (5) Khu xử lý chất thải Tân Long (xã An Long); (6) Khu xử lý chất thải Bình Mỹ (phường Bình Cơ); (7) Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên (xã Châu Pha, có bố trí nhà máy đốt rác phát điện).

Bố trí các cơ sở xử lý quy mô cục bộ cho các khu vực không thuận lợi để đưa chất thải về các khu xử lý tập trung: khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt xã An Thới Đông, xã đảo Thạnh An; nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Vũng Tàu (xã Long Sơn), Đất Đỏ và đặc khu Côn Đảo.

Đối với chất thải rắn công nghiệp: thực hiện phân loại tại nguồn và lựa chọn công nghệ xử lý, ưu tiên tái chế, thu hồi tài nguyên, đồng xử lý, đốt thu hồi năng lượng; hình thành mạng lưới xử lý chất thải rắn đa trung tâm, kế thừa và nâng cấp các khu xử lý hiện có; từng bước giảm các cơ sở phân tán không còn phù hợp. Chất thải rắn nguy hại, chất thải y tế được phân luồng, thu gom, vận chuyển riêng và xử lý an toàn theo quy định. Chất thải rắn xây dựng, bùn thải được xử lý tập trung kết hợp các trạm trung chuyển, thúc đẩy tái chế làm vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng theo định hướng kinh tế tuần hoàn.

(Vị trí, quy mô diện tích, công suất, lựa chọn công nghệ xử lý của các khu xử lý, trạm trung chuyển chất thải rắn sẽ được xác định cụ thể trong quy hoạch chuyên ngành, các quy hoạch cấp dưới và dự án đầu tư; khoảng cách an toàn môi trường tuân thủ quy định hiện hành).

- Quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ:

+ Nghĩa trang:

Tổ chức hệ thống nghĩa trang theo phân cấp phục vụ và đặc điểm phân bố dân cư, liên kết vùng; quy mô nghĩa trang tập trung bảo đảm chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1.000 dân; sử dụng tiết kiệm đất, bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan và khoảng cách an toàn theo quy định. Kế thừa, khai thác các nghĩa trang hiện hữu phù hợp; nghĩa trang cấp Thành phố phục vụ hung táng; nghĩa trang cấp xã chỉ

phục vụ cải táng, chôn cất tro cốt và nhà lưu giữ tro cốt. Hạn chế chôn cất tại khu vực đô thị hóa cao; từng bước đóng cửa, di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, phân tán trong khu vực đô thị theo lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quỹ đất sau di dời ưu tiên sử dụng cho cây xanh, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật.

Nghĩa trang cấp vùng: phối hợp sử dụng An Viên Vĩnh Hằng (Đồng Nai), Hoa viên Nghĩa trang Bình Dương (phường Chánh Phú Hòa), Sơn Trang Tiên Cảnh (Tây Ninh).

Khu vực phía Tây, Tây Bắc: tiếp tục sử dụng Nghĩa trang Chính sách Thành phố, nghiên cứu bố trí thêm Nghĩa trang nhân dân và nghĩa trang Đông Thạnh.

Khu vực phía Nam: tiếp tục sử dụng các nghĩa trang Đa Phước, Nhơn Đức, Bình Khánh.

Khu vực phía Bắc: Xây dựng mới công viên nghĩa trang Bình Mỹ và công viên nghĩa trang Tân Long.

Khu vực phía Nam và Đông Nam: Duy trì hệ thống nghĩa trang tập trung gồm nghĩa trang Tóc Tiên, nghĩa trang Long Hương, nghĩa trang Kim Tơ, nghĩa trang Xuyên Mộc, nghĩa trang Phước Hội và nghĩa trang Quảng Thành. Đặc khu Côn Đảo: cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang Bãi Đất Dốc.

+ Cơ sở hỏa táng:

Khuyến khích hỏa táng, từng bước nâng cao tỷ lệ hỏa táng và lưu giữ tro cốt để tiết kiệm quỹ đất, bảo vệ môi trường; ưu tiên đầu tư cơ sở hỏa táng công nghệ hiện đại, ít phát thải tại các nghĩa trang tập trung phù hợp.

+ Nhà tang lễ:

Đầu tư xây dựng bổ sung nhà tang lễ theo định hướng phát triển đô thị và phân bố dân cư nhà tang lễ được bố trí độc lập hoặc kết hợp với nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ.

(Vị trí, quy mô diện tích cụ thể các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ sẽ được xác định cụ thể trong quy hoạch chuyên ngành, các quy hoạch cấp dưới).

- Cấp điện, năng lượng và chiếu sáng:

+ Cấp điện:

Phát triển hệ thống năng lượng đồng bộ, an toàn, tin cậy và có khả năng dự phòng, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, công nghiệp, logistics, cảng biển và các trung tâm dịch vụ; đẩy mạnh chuyển dịch sang năng lượng xanh, phát thải thấp, phát triển năng lượng tái tạo, LNG, hydrogen và hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS); phát triển lưới điện thông minh, hạ tầng năng lượng số; tăng cường an ninh và khả năng chống chịu của hệ thống năng lượng trước biến đổi khí hậu và các rủi ro thiên tai.

Tổ chức hệ thống điện theo 10 vùng phụ tải, phân bố theo các khu vực chức năng chính (đô thị trung tâm; đô thị đổi mới sáng tạo; các vùng công nghiệp; vùng du lịch biển), bảo đảm cân đối phụ tải, nâng cao độ tin cậy và khả năng mở rộng hệ thống điện.

Nguồn điện: Bổ sung các nguồn LNG Hiệp Phước, LNG Long Sơn 1; Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch 4 và các nguồn trong vùng. Phát triển điện gió gần bờ, ngoài khơi khu vực Vũng Tàu, Cần Giờ, Côn Đảo…; điện mặt trời, điện từ chất thải rắn, điện sinh khối… Khuyến khích phát triển nguồn phát điện tại chỗ, ưu tiên năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nhằm giảm nhu cầu truyền tải điện từ bên ngoài.

Lưới điện truyền tải: Cải tạo nâng công suất, xây dựng mới lưới điện truyền tải (các trạm biến áp 500 kV, 220 kV, 110 kV và các tuyến đường dây đấu nối) đảm bảo nhu cầu cấp điện cho Thành phố.

Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải điện hiện có; từng bước ngầm hóa các đường dây 220 kV, 110 kV hiện có trong phạm vi đô thị xây dựng tập trung; lưới điện trung thế, hạ thế xây dựng mới và cải tạo trong khu vực đô thị phải đi ngầm (trong tuy nen, hào kỹ thuật); trạm điện trong khu vực đô thị sử dụng trạm kín (GIS) hoặc trạm ngầm để tiết kiệm quỹ đất, bảo đảm cảnh quan. Bố trí nguồn và lưới điện phù hợp phụ tải đường sắt đô thị, trung tâm dữ liệu, cảng, khu công nghiệp và hạ tầng sạc xe điện.

+ Cấp xăng dầu, khí đốt:

Phát triển đồng bộ hệ thống cung ứng xăng dầu, khí đốt theo hướng hiện đại, an toàn, ổn định, liên tục và có dự phòng. Cải tạo, nâng cấp, mở rộng kết hợp xây dựng mới hệ thống kho, trạm đầu mối, đường ống vận chuyển và mạng lưới phân phối xăng dầu, khí đốt phù hợp với nhu cầu sử dụng của Thành phố. Phát triển hệ thống cấp khí cho các khu công nghiệp, khu đô thị và các cơ sở tiêu thụ lớn; bảo đảm hành lang bảo vệ an toàn các tuyến đường ống truyền dẫn, tuân thủ quy định về an toàn công trình, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường.

+ Chiếu sáng đô thị:

Phát triển hệ thống chiếu sáng đô thị gắn liền với phát triển đô thị, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông, an ninh trật tự và mỹ quan; sử dụng nguồn sáng hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, điều khiển chiếu sáng thông minh, tập trung; chiếu sáng nghệ thuật cho các công trình điểm nhấn, cầu qua sông Sài Gòn, quảng trường và không gian công cộng.

Phát triển mạng lưới trạm sạc, trạm đổi pin xe điện tại các bến xe, bãi đỗ xe, đầu mối giao thông, trung tâm thương mại, khu dân cư và các khu vực có nhu cầu, phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông xanh và khả năng đáp ứng của hệ thống điện.

(Vị trí, quy mô, công suất các nguồn điện, trạm biến áp, lưới điện, kho xăng dầu, khí đốt sẽ được xác định, cập nhật theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia có liên quan và các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Bưu chính, viễn thông, hạ tầng số:

Tỷ lệ phủ sóng băng rộng di động đạt khoảng 100% dân số. Phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ, hiện đại, rộng khắp, an toàn và bền vững, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Hiện đại hóa mạng viễn thông, phổ cập 5G và các thế hệ tiếp theo, phát triển hạ tầng cáp quang, Internet vạn vật (IoT), trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và các nền tảng số. Đẩy mạnh dùng chung, chia sẻ hạ tầng và tích hợp hạ tầng viễn thông với giao thông, năng lượng và các hạ tầng kỹ thuật khác; ngầm hóa mạng cáp viễn thông trong khu vực đô thị.

Phát triển mạng bưu chính gắn với thương mại điện tử, logistics và kinh tế số; quy hoạch Trung tâm Bưu chính vùng 11 đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh (quy mô khoảng 19 ha); bảo đảm mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1). Xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia 3 (khoảng 40 ha) tại Khu công nghiệp dầu khí Long Sơn; thu hút đầu tư các trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn tối thiểu Tier 3.

Xây dựng nền dữ liệu không gian thống nhất phục vụ quản lý quy hoạch và phát triển đô thị thông minh; kế thừa cơ sở dữ liệu và WebGIS tra cứu thông tin quy hoạch, tích hợp dữ liệu sử dụng đất, công trình, mạng lưới và hành lang hạ tầng, bảo đảm phân quyền, an toàn và khả năng chia sẻ dữ liệu.

7. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

Quản lý thống nhất môi trường, tài nguyên và rủi ro thiên tai trên toàn địa bàn Thành phố sau sắp xếp, bao gồm đất liền, ven biển, biển và hải đảo; bảo đảm liên kết theo lưu vực sông, hệ sinh thái và hệ thống hạ tầng. Kế thừa có chọn lọc các nội dung quy hoạch trước sắp xếp còn phù hợp; gắn quy mô, vị trí và tiến độ phát triển với khả năng cung cấp tài nguyên, sức chịu tải môi trường, năng lực hạ tầng và yêu cầu bảo tồn.

a) Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

- Phân vùng môi trường và kiểm soát hoạt động phát triển:

Xác định và quản lý ba vùng môi trường gồm vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Xác định ranh giới trên cơ sở tiêu chí pháp luật hiện hành, chức năng nguồn nước, mức độ nhạy cảm của hệ sinh thái, hiện trạng dân cư và sức chịu tải môi trường.

Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm nội thành, nội thị các đô thị loại II và loại III theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị. Tập trung bảo vệ nguồn nước cấp sinh hoạt, các khu bảo tồn thiên nhiên (Vườn quốc gia Côn Đảo, Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu và Khu bảo tồn thiên nhiên Cần Giờ), vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển thế giới rừng ngập mặn Cần Giờ, khu vực bảo vệ di tích và các đối tượng khác thuộc vùng này theo

quy định. Kiểm soát chặt việc bố trí hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nguồn thải.

Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên (Vườn quốc gia Côn Đảo, Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu và Khu bảo tồn thiên nhiên Cần Giờ) và vùng đệm Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; điểm dân cư nông thôn tập trung; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Vùng khác: Là khu vực còn lại trên địa bàn Thành phố không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

- Kiểm soát ô nhiễm, phục hồi môi trường và quản lý chất thải:

Quản lý nguồn thải theo lưu vực, khu vực đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng biển và vùng du lịch; ưu tiên kiểm soát ô nhiễm hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn, sông Thị Tính, sông Thị Vải và kênh rạch nội đô. Lựa chọn quy mô phát triển gắn với khả năng cấp nước, thu gom, xử lý nước thải và tiếp nhận nước thải của nguồn nước. Phân kỳ đưa các khu phát triển mới vào sử dụng phù hợp tiến độ hoàn thành hạ tầng môi trường.

Phát triển hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo lưu vực và khu vực phục vụ; tăng tái sử dụng nước phù hợp yêu cầu chất lượng và mục đích sử dụng. Tổ chức phân loại, thu gom, tái chế, xử lý chất thải rắn; quản lý riêng chất thải nguy hại, chất thải y tế, bùn thải và chất thải xây dựng. Bố trí cơ sở xử lý theo mạng lưới hạ tầng được phê duyệt, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường, kiểm soát nước rỉ rác, khí thải, mùi và phương án dự phòng; giảm dần chôn lấp trực tiếp.

Kiểm soát khí thải công nghiệp, giao thông, bụi xây dựng và tiếng ồn; xây dựng lộ trình áp dụng vùng phát thải thấp phù hợp kiểm kê nguồn thải, mạng lưới giao thông công cộng và điều kiện thực hiện. Khu vực công nghiệp tập trung thuộc Bình Dương và Phú Mỹ - Cái Mép - Thị Vải kiểm tra đồng thời khí thải, nước thải, chất thải nguy hại và phương án ứng phó sự cố; các cơ sở thuộc diện quan trắc tự động, liên tục phải thực hiện và truyền dữ liệu theo quy định. Ưu tiên phục hồi đất, nguồn nước và khu vực ô nhiễm tồn lưu; xử lý, chuyển đổi hoặc di dời cơ sở không phù hợp chức năng môi trường theo quy định.

- Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học:

Bảo vệ và nâng cao hiệu quả quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo, Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu và Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ theo phạm vi, phân khu chức năng.

Bảo vệ, phục hồi rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi đẻ, nơi cư trú của loài nguy cấp, quý, hiếm; duy trì kết nối sinh thái giữa rừng, đất ngập nước, sông, cửa sông, ven biển và hải đảo. Rà soát, xác định khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, cảnh quan sinh thái, cảnh quan thiên nhiên quan trọng và hành lang đa dạng sinh học.

Phát triển mạng lưới cứu hộ, bảo tồn loài và nguồn gen phù hợp quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý loài ngoại lai xâm hại. Kiểm soát hoạt động du lịch, nuôi trồng thủy sản và phát triển hạ tầng tại khu vực nhạy cảm theo sức chịu tải; ưu tiên tránh chia cắt sinh cảnh, hạn chế tác động tích lũy và phục hồi hệ sinh thái bị suy thoái.

- Quan trắc, cảnh báo và cơ sở dữ liệu:

Tổ chức mạng lưới quan trắc môi trường, xác định danh mục vị trí quan trắc, thông số, tần suất và đơn vị quản lý theo chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; ưu tiên khu vực lấy nước sinh hoạt, lưu vực sông Đồng Nai - Sài Gòn và Thị Vải, khu công nghiệp, cụm cảng Cái Mép - Thị Vải, khu vực không khí chịu áp lực cao, biển ven bờ và hệ sinh thái nhạy cảm Cần Giờ và Côn Đảo. Công khai kết quả theo quy định và tích hợp dữ liệu quan trắc với bản đồ phân vùng môi trường để phục vụ thanh tra, giám sát.

b) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:

- Phân bổ, khai thác và sử dụng nguồn nước:

Quản lý tài nguyên nước theo lưu vực, chức năng nguồn nước và khả năng đáp ứng trong điều kiện bình thường, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn và sự cố ô nhiễm. Ưu tiên bảo đảm nước sinh hoạt; duy trì dòng chảy tối thiểu, bảo vệ hệ sinh thái và phân bổ cho các nhu cầu khác theo khả năng nguồn nước, hiệu quả sử dụng và phương án điều hòa, phân phối được cấp có thẩm quyền quyết định.

Khai thác hợp lý nguồn nước mặt từ hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn, sông Bé và các hồ chứa; phối hợp liên tỉnh trong bảo vệ nguồn nước, vận hành hồ Dầu Tiếng, Trị An, Phước Hòa và các công trình liên quan. Bảo vệ các hồ cấp nước tại khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu trước sắp xếp và nguồn nước ngọt tại Côn Đảo. Phát triển liên thông nguồn cấp, công trình trữ nước và phương án dự phòng phù hợp từng khu vực; thúc đẩy tiết kiệm, tuần hoàn và tái sử dụng nước.

Giảm khai thác nước dưới đất tại nơi đã có nguồn cấp thay thế; kiểm soát khai thác ở khu vực có nguy cơ suy giảm mực nước, sụt lún, nhiễm mặn hoặc ô nhiễm. Điều tra, đánh giá khả năng sử dụng một phần nguồn nước dưới đất làm nguồn cấp dự phòng; bảo vệ tầng chứa nước và quản lý giếng khai thác theo quy định, không làm gia tăng rủi ro suy thoái nguồn nước.

- Bảo vệ nguồn nước và phòng, chống tác hại do nước gây ra:

Xác định, quản lý chức năng nguồn nước; hành lang bảo vệ nguồn nước; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; hồ, ao, đầm và các thủy vực không được san lấp theo danh mục được xác lập đúng thẩm quyền. Kiểm soát tải lượng xả thải phù hợp khả năng tiếp nhận; phục hồi nguồn nước suy thoái. Đánh giá chất lượng nước theo quy chuẩn hiện hành và mục tiêu sử dụng; sử dụng chỉ số WQI để theo dõi, truyền thông chất lượng môi trường nước.

Bảo vệ lòng dẫn, bãi sông, không gian trữ nước và hành lang thoát lũ; kiểm

soát san lấp, lấn chiếm và xây dựng gây cản trở dòng chảy. Phối hợp quản lý khai thác nước, cát, sỏi, công trình ven sông và vận hành hồ chứa để hạn chế sạt lở, ngập, thiếu nước, xâm nhập mặn; tổ chức quan trắc, cảnh báo và phương án cấp nước khẩn cấp khi xảy ra sự cố.

c) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ các tài nguyên khác:

- Địa chất và khoáng sản:

Quản lý thống nhất tài nguyên địa chất, khoáng sản; khai thác tiết kiệm, hiệu quả, gắn với nhu cầu sử dụng, điều kiện địa chất, an toàn, bảo vệ môi trường và khả năng phục hồi sau khai thác. Tổ chức đầy đủ sáu nhóm nội dung: (1) khoanh định khu vực điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản đã xác định trong quy hoạch có liên quan; (2) khoanh định khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II đã xác định trong quy hoạch khoáng sản; (3) phương án điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản nhóm III do Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện; (4) khoanh định khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm III; (5) khoanh định khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; (6) khoanh định khu vực khai thác tận thu khoáng sản, khai thác khoáng sản nhóm IV (nếu có).

Kế thừa danh mục phù hợp từ quy hoạch trước sắp xếp, đối chiếu quy hoạch khoáng sản, quyết định, giấy phép và hồ sơ chuyên ngành; thống nhất loại khoáng sản, phân nhóm, địa danh, diện tích, tọa độ, tài nguyên, trữ lượng và điều kiện khai thác.

- Tài nguyên đất và rừng:

Sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả theo phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai của Quy hoạch và quy định pháp luật; ưu tiên bảo vệ đất rừng, vùng sinh thái nhạy cảm, đất bảo vệ nguồn nước và không gian phòng, chống thiên tai. Kiểm soát chuyển mục đích sử dụng đất, khai thác tầng đất mặt, ô nhiễm và thoái hóa đất; phục hồi đất sau khai thác khoáng sản và chuyển đổi cơ sở sản xuất.

Bảo vệ diện tích, chất lượng rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phát triển rừng sản xuất bền vững, phục hồi rừng ngập mặn và nâng cao chức năng phòng hộ đầu nguồn, ven sông, ven biển. Đối với Cần Giờ, Côn Đảo, Bình Châu - Phước Bửu và rừng phòng hộ khác, phải đối chiếu ranh giới rừng, loại rừng, diện tích đất lâm nghiệp với hồ sơ hiện trạng và quyết định có thẩm quyền; chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng phải tuân thủ theo quy định pháp luật. Hoạt động du lịch sinh thái, dịch vụ môi trường rừng và phát triển sinh kế phải phù hợp chức năng rừng và điều kiện pháp luật; không làm suy giảm mục tiêu bảo tồn, phòng hộ.

- Tài nguyên biển, ven biển và hải đảo:

Quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; bố trí hoạt động cảng biển, hàng hải, dầu khí, năng lượng, du lịch, thủy sản và phát triển ven biển phù hợp quy hoạch không gian biển, quy hoạch ngành và yêu cầu quốc phòng, an ninh. Bảo vệ hành lang bờ biển, rừng ngập mặn, cửa sông, bãi triều và

các hệ sinh thái quan trọng; kiểm soát ô nhiễm, rác thải nhựa, sự cố tràn dầu và xung đột sử dụng không gian. Đối với khu vực cửa sông Soài Rạp, Gành Rái, Cái Mép - Thị Vải và vùng biển Côn Đảo, dự án cảng biển, nạo vét, lấn biển và công trình ven bờ phải đánh giá tác động tích lũy đến thủy động lực, bồi lắng, xói lở, nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái theo quy định trước khi quyết định triển khai.

d) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Phân vùng rủi ro và kiểm soát phát triển:

Phân vùng rủi ro theo loại hình thiên tai, lưu vực và điều kiện địa hình; xác định khu vực ưu tiên phòng, chống ngập, lũ, sạt lở, xói lở bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, bão và các rủi ro liên quan. Đánh giá tổ hợp mưa lớn, lũ thượng nguồn, triều, nước biển dâng và sụt lún trên cùng hệ quy chiếu, hệ cao độ và kịch bản khí hậu; kiểm tra tác động liên vùng, thượng lưu - hạ lưu và giữa các khu vực phát triển.

Sử dụng kết quả đánh giá rủi ro làm căn cứ lựa chọn vị trí, quy mô, cao độ nền và phân kỳ phát triển đô thị, công nghiệp, hạ tầng thiết yếu; kiểm soát phát triển tại vùng nguy hiểm, bảo vệ đường thoát lũ, vùng trũng và không gian trữ nước. Không áp dụng một cao độ nền chung cho toàn Thành phố; thông số cụ thể phải được xác định theo lưu vực, điều kiện địa phương và tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

- Hạ tầng phòng, chống thiên tai và thích ứng:

Phát triển hệ thống bảo vệ, thích ứng và giảm thiểu thiệt hại; kết hợp đê, kè, cống kiểm soát triều, trạm bơm, công trình thủy lợi với hồ điều tiết, kênh rạch, bề mặt thấm và không gian xanh. Bảo đảm vận hành đồng bộ giữa công trình kiểm soát triều, tiêu thoát nước và điều tiết hồ chứa; kiểm tra tác động chuyển ngập, cản trở dòng chảy, bồi lắng và suy giảm trao đổi nước khi lựa chọn giải pháp.

Ưu tiên rà soát điểm ngập tại đô thị trung tâm, Thủ Đức, Nhà Bè, Cần Giờ, các vùng trũng thuộc địa bàn Bình Dương trước sắp xếp và dải ven biển Vũng Tàu - Long Hải, bảo vệ dân cư ven sông tại khu vực trung tâm và phía Bắc; phòng, chống xói lở, bão, nước dâng. Đối với Côn Đảo, chú trọng an toàn dân cư, xác định công trình, lưu vực tiêu thoát, chủ thể quản lý và tiến độ đầu tư trong kế hoạch triển khai. Bảo vệ, phục hồi rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển và rừng ngập mặn; ưu tiên giải pháp dựa vào thiên nhiên tại nơi phù hợp.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm, cứu hộ, cứu nạn và thực hiện phương châm bốn tại chỗ; tổ chức sơ tán, bố trí ổn định dân cư tại khu vực rủi ro cao theo phương án được phê duyệt. Bảo đảm an toàn hồ, đập, đê điều và công trình thiết yếu; xây dựng phương án vận hành, duy tu và ứng phó tình huống vượt thiết kế.

- Giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng dài hạn:

Lồng ghép thích ứng khí hậu và giảm phát thải vào sử dụng đất, giao thông, năng lượng, xây dựng, sản xuất và xử lý chất thải. Phát triển kinh tế tuần hoàn, sử

dụng năng lượng tiết kiệm, giao thông công cộng, phương tiện sạch và công trình hiệu quả năng lượng; bảo vệ, tăng cường khả năng hấp thụ các-bon của hệ sinh thái.

Xây dựng lộ trình giảm phát thải phù hợp cam kết quốc gia và mục tiêu của Thành phố được cấp có thẩm quyền thông qua; thực hiện kiểm kê, đo đạc, báo cáo và thẩm tra kết quả. Cập nhật định kỳ kịch bản khí hậu, mức độ phơi nhiễm và khả năng chống chịu để điều chỉnh giải pháp trong thời kỳ quy hoạch và tầm nhìn dài hạn; đẩy nhanh lộ trình chuyển dịch năng lượng sạch, xanh hóa nền kinh tế và hạ tầng logistics nội vùng nhằm hiện thực hóa mục tiêu giảm phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) vào năm 2045, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

VI. DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Các dự án ưu tiên được lựa chọn trên cơ sở tính cấp thiết, khả thi, hiệu quả, phù hợp với quy hoạch các cấp và khả năng tạo lập hệ thống hạ tầng đồng bộ, kết nối Thành phố với vùng và cả nước. Trọng tâm gồm: (1) các dự án đang triển khai cần tháo gỡ khó khăn để hoàn thành; (2) các công trình hạ tầng cấp quốc gia, cấp vùng trên địa bàn; (3) hạ tầng khung và các dự án tạo động lực phát triển, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu; (4) các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư, phát triển quỹ đất và nhà ở xã hội; (5) các dự án sản xuất, kinh doanh, nhà ở và công trình công cộng có hiệu quả cao, khả năng thu hồi vốn nhanh.

VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Giải pháp về huy động vốn đầu tư: Đa dạng hóa và huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư, phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, đồng thời tăng cường huy động nguồn vốn tư nhân, FDI, vốn quốc tế và đầu tư theo phương thức PPP. Ưu tiên nguồn lực cho các công trình, dự án hạ tầng chiến lược, nhất là giao thông, đường sắt đô thị, cảng biển - logistics, hạ tầng số, khoa học, công nghệ và thích ứng biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh khai thác nguồn lực từ đất đai, tài sản công và không gian phát triển đô thị, gắn khai thác giá trị gia tăng của đất với đầu tư hạ tầng và phát triển TOD. Đa dạng hóa các công cụ huy động vốn thông qua trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu xanh, các quỹ đầu tư phát triển và các công cụ của Trung tâm tài chính quốc tế Thành phố. Đồng thời, tăng cường khai thác nguồn thu từ các công trình hạ tầng, quỹ đất phụ cận và quyền khai thác tài sản công; nghiên cứu cơ chế thu hồi phần giá trị gia tăng của đất do đầu tư công tạo ra để tái đầu tư cho hạ tầng.

Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực thống nhất cho Thành phố sau sáp nhập, gắn với mô hình không gian đa trung tâm, các cực tăng trưởng và nhu cầu phát triển của từng khu vực. Tăng cường dự báo nhu cầu nhân lực, xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin thị trường lao động thống nhất, phục vụ đào tạo, phân bổ và kết nối cung - cầu lao động. Ưu tiên phát triển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành chiến lược như công nghệ số, AI, bán dẫn, công nghiệp công nghệ cao, tài

chính quốc tế, logistics, kinh tế biển, năng lượng, y tế, giáo dục và các ngành dịch vụ giá trị gia tăng cao. Tăng cường liên kết Nhà nước - doanh nghiệp - viện, trường trong đào tạo, nghiên cứu, thực hành và tuyển dụng; đẩy mạnh xã hội hóa và huy động nguồn lực doanh nghiệp cho phát triển cơ sở đào tạo. Đồng thời, hoàn thiện chính sách thu hút, giữ chân và sử dụng hiệu quả chuyên gia, nhà khoa học và lao động chất lượng cao; cải thiện nhà ở, giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội để hỗ trợ dịch chuyển và phân bổ lao động hợp lý giữa các khu vực. Mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp nhận và chuyển giao tri thức, công nghệ, tiêu chuẩn kỹ năng nghề và phát huy nguồn lực trí thức Việt Nam ở nước ngoài, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực Thành phố.

Giải pháp phát triển nguồn lực đất đai: Rà soát, tích hợp và tái cơ cấu quỹ đất trên toàn Thành phố sau sáp nhập, gắn với mô hình đô thị đa cực, các cực động lực và các hành lang phát triển mới; chuyển từ khai thác đất theo chiều rộng sang quản trị và sử dụng đất theo giá trị, hiệu quả và yêu cầu phát triển bền vững. Tập trung tái thiết, chỉnh trang và sử dụng hiệu quả quỹ đất khu vực trung tâm; khai thác quỹ đất gắn với các tuyến đường sắt đô thị, đầu mối giao thông, cảng biển, sân bay và logistics theo định hướng TOD, tạo nguồn lực tái đầu tư hạ tầng. Chủ động tạo lập quỹ đất sạch tại các khu vực phát triển mới, khai thác hiệu quả giá trị gia tăng của đất thông qua đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất và các cơ chế thu hồi giá trị đất do đầu tư hạ tầng tạo ra. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất công, đất công nghiệp và các khu đất sử dụng chưa hiệu quả; ưu tiên chuyển đổi theo hướng công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, logistics, dịch vụ, hạ tầng xã hội và không gian công cộng, đồng thời hạn chế tình trạng đất bỏ hoang, lãng phí. Hiện đại hóa quản lý đất đai trên nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất, liên thông với dữ liệu quy hoạch, dân cư, hạ tầng và tài chính đất đai, tăng cường công khai, minh bạch và hạn chế thất thoát nguồn lực. Qua đó, phát huy đất đai trở thành nguồn lực quan trọng để tạo vốn đầu tư hạ tầng, tái cấu trúc không gian đô thị, phát triển các cực tăng trưởng và nâng cao chất lượng sống của người dân.

Giải pháp về môi trường: Xác định bảo vệ môi trường, phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải carbon và thích ứng với biến đổi khí hậu là một trong những trụ cột của phát triển Thành phố sau sáp nhập. Tổ chức và bảo vệ đồng bộ khung hạ tầng sinh thái toàn Thành phố, bảo tồn rừng ngập mặn, rừng tự nhiên, hệ thống sông, kênh rạch, vùng cửa sông, đất ngập nước, biển và đảo; đồng thời hình thành các hành lang và vùng đệm sinh thái liên kết từ đầu nguồn đến ven biển. Phát triển mạng lưới hạ tầng xanh - xanh dương gồm công viên, rừng đô thị, hành lang xanh, không gian ven sông, hồ điều hòa và vùng trữ nước, kết hợp các giải pháp đô thị bọt biển và dựa vào thiên nhiên để cải thiện vi khí hậu, giảm ngập và tăng khả năng chống chịu. Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước, lưu vực sông và vùng ven biển; kiểm soát chặt nguồn thải từ đô thị, công nghiệp, cảng biển và dịch vụ, đồng thời đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; đẩy mạnh phân loại chất thải tại nguồn, tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng và phát triển các khu xử lý theo mô hình kinh tế tuần hoàn, giảm dần chôn lấp. Chủ

động thích ứng với triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn, sụt lún và nước biển dâng thông qua kết hợp giải pháp công trình với giải pháp dựa vào thiên nhiên. Thúc đẩy chuyển đổi năng lượng, giao thông xanh, công trình tiết kiệm năng lượng và sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0". Đồng thời, xây dựng hệ thống quan trắc môi trường và cơ sở dữ liệu số tích hợp, tăng cường cảnh báo sớm, công khai thông tin và sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường, qua đó nâng cao chất lượng sống và khả năng chống chịu của Thành phố.

Giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Việt Nam và khu vực; xây dựng hệ sinh thái liên kết giữa nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp và thương mại hóa công nghệ. Tập trung phát triển các lĩnh vực công nghệ chiến lược như AI, bán dẫn, công nghệ số, công nghệ sinh học, vật liệu mới, năng lượng, logistics thông minh, tài chính số và kinh tế biển; đồng thời nâng cao tiềm lực nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trung tâm thử nghiệm, R&D và các khu, tổ hợp đổi mới sáng tạo. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm của đổi mới sáng tạo, thúc đẩy đầu tư R&D, chuyển giao và làm chủ công nghệ, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tăng cường kết nối viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và nhà đầu tư, đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Ưu tiên phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu và nền tảng AI dùng chung, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu an toàn trên toàn Thành phố. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, quản trị đô thị và các lĩnh vực giao thông, logistics, năng lượng, y tế, giáo dục, môi trường; phát triển chính quyền số, đô thị thông minh và quản trị dựa trên dữ liệu. Tăng cường an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và phổ cập kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ. Đồng thời, mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút các tập đoàn công nghệ, trung tâm R&D, nguồn vốn và tri thức toàn cầu; đa dạng hóa nguồn lực đầu tư thông qua PPP, xã hội hóa, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo và các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, sản phẩm và mô hình kinh doanh mới.

Giải pháp về cơ chế, chính sách đặc thù: Tiếp tục hoàn thiện và đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt và năng lực điều phối của Thành phố sau sáp nhập, đồng thời phát huy vai trò hạt nhân của Thành phố trong liên kết vùng Đông Nam Bộ. Nghiên cứu tăng cường cơ chế điều phối vùng, huy động và phân bổ nguồn lực cho các chương trình, dự án liên vùng về hạ tầng, môi trường, tài nguyên và phát triển kinh tế. Hoàn thiện thể chế quản trị theo hướng phân cấp, phân quyền mạnh, rõ trách nhiệm, cải cách thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, liên thông và rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư. Đổi mới cơ chế quản lý, khai thác đất đai và hạ tầng, tăng cường khai thác giá trị gia tăng từ đất để tái đầu tư, đồng thời tích hợp hạ tầng xã hội và tiện ích công cộng trong các khu vực TOD. Tăng cường huy động nguồn lực cho giáo dục, y tế, nhà ở, văn hóa, thể thao và các thiết chế cộng đồng thông qua xã hội hóa và PPP. Đối với các khu kinh tế đặc thù, nghiên cứu áp dụng cơ chế chính sách linh

hoạt theo chức năng, bao gồm thương mại tự do, logistics, công nghệ cao, công nghiệp tiên tiến, năng lượng, văn hóa - du lịch và tài chính quốc tế. Qua đó hình thành môi trường thể chế cạnh tranh, minh bạch, tạo điều kiện huy động nguồn lực, thu hút đầu tư và thúc đẩy các cực tăng trưởng mới của Thành phố.

Điều 2. Ban hành các hồ sơ nêu tại Phụ lục I - Danh mục hồ sơ quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm được phê duyệt kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm được phê duyệt là căn cứ để lập, thẩm định, phê duyệt các loại quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao; là căn cứ để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các cơ chế, chính sách đặc thù trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung của Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm được phê duyệt tại Quyết định này điều chỉnh, thay thế các nội dung cùng cấp tại các quy hoạch tỉnh Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh đã được phê duyệt, Điều chỉnh Quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060 (được duyệt tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ), quy hoạch chung các đô thị trực thuộc trước đây.

Các quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị và quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở các pháp lý quy hoạch được nêu tại khoản 1 Điều này tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi hết thời hạn quy hoạch hoặc được điều chỉnh tổng thể. Trường hợp quy hoạch có nội dung không thống nhất và đồng bộ với định hướng phát triển mới trong hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố, Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo rà soát, điều chỉnh theo Kế hoạch thực hiện quy hoạch và trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Trong thời gian các quy hoạch này chưa điều chỉnh, các nội dung phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thành phố được tiếp tục áp dụng làm cơ sở quản lý đầu tư xây dựng; đối với các vướng mắc liên quan nội dung không phù hợp, cần xác định cụ thể các vấn đề, nguyên nhân và xử lý theo thẩm quyền, đúng trình tự, quy định của pháp luật ngành và pháp luật có liên quan.

Việc tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm phải bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ và ổn định, không gây gián đoạn hoạt động quản lý, đầu tư và phát triển đô thị. Các quy hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiếp tục được thực hiện theo quy định pháp luật; đồng thời được rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo lộ trình phù hợp nhằm bảo đảm thống nhất với định hướng Quy hoạch tổng thể.

Các chương trình, dự án, công trình,… đang được rà soát, xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai đầu tư sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền

chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định pháp luật và các quy định khác có liên quan.

Rà soát, khớp nối nội dung Quy hoạch tổng thể Thành phố với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp có nội dung không phù hợp thì báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, cập nhật theo quy định. Khi điều chỉnh quy hoạch, dự án theo Quy hoạch tổng thể Thành phố phải tuân thủ pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, đất đai, phòng, chống thiên tai, lâm nghiệp và pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng quy trình, thẩm quyền, không gây thất thoát, lãng phí; tính toán đầy đủ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và sự đồng thuận của cộng đồng dân cư.

2. Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh:

Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ, sơ đồ trong Quy hoạch tổng thể Thành phố thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm theo quy định của pháp luật; sự thống nhất của toàn bộ hồ sơ quy hoạch tại Thuyết minh, hồ sơ bản vẽ và Quy định quản lý.

Phối hợp với Liên danh tư vấn hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm theo đúng quy định, gửi Sở Tài chính và Sở Quy hoạch - Kiến trúc đóng dấu xác nhận, lưu trữ, lưu giữ theo quy định.

3. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

Chịu trách nhiệm rà soát, phối hợp với Sở Tài chính đóng dấu xác nhận tại Thuyết minh quy hoạch, Bản vẽ, Quy định quản lý trong hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm bảo đảm phù hợp với Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Phối hợp với Sở Tài chính công bố quy hoạch; lưu trữ hồ sơ quy hoạch theo quy định; chỉ đạo Liên danh tư vấn cập nhật cơ sở dữ liệu Quy hoạch tổng thể Thành phố lên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định, chậm nhất 30 ngày kể từ ngày hồ sơ được đóng dấu xác nhận;

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm, chậm nhất 03 tháng kể từ ngày hoàn thành đóng dấu xác nhận hồ sơ quy hoạch. Kế hoạch thực hiện xác định danh mục, tiến độ lập các quy hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND;

Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố định kỳ 05 năm kể từ thời điểm phê duyệt hoặc khi xuất hiện yêu cầu điều chỉnh quy hoạch; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận theo quy định;

4. Sở Tài chính:

Chịu trách nhiệm rà soát, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc đóng dấu

xác nhận tại Thuyết minh quy hoạch, Bản vẽ, Quy định quản lý trong hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm bảo đảm phù hợp với Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Cơ quan lập quy hoạch và Liên danh tư vấn trong công tác công bố công khai Quy hoạch tổng thể Thành phố chậm nhất 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định; đối với nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố định kỳ 05 năm kể từ thời điểm phê duyệt hoặc khi xuất hiện yêu cầu điều chỉnh quy hoạch; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận theo quy định.

Nghiên cứu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển Thành phố và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

5. Các Sở, ban, ngành của Thành phố:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Sở Tài chính trong việc cung cấp số liệu, rà soát, khớp nối quy hoạch ngành, lĩnh vực với Quy hoạch tổng thể Thành phố; kiểm tra, giám sát, quản lý các hoạt động xây dựng, phát triển đô thị, kinh tế - xã hội và các hoạt động có liên quan theo đúng quy hoạch; xử lý các trường hợp sai phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn Thành phố:

Tổ chức công khai Quy hoạch tổng thể Thành phố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Điều 18 Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND; bảo đảm nội dung được đăng tải thường xuyên, liên tục.

Căn cứ Quy hoạch tổng thể Thành phố và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, công bố các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15) và quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố. Trường hợp phát hiện nội dung không còn phù hợp hoặc phát sinh nhu cầu điều chỉnh, kịp thời báo cáo Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

Kiểm tra, giám sát, quản lý việc sử dụng đất, hoạt động xây dựng và phát triển đô thị, nông thôn trên địa bàn theo quy hoạch được duyệt; kiểm soát chặt chẽ các khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng, hành lang bảo vệ sông, kênh rạch, rừng và đất nông nghiệp theo Quy định quản lý; xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài chính trong việc cung cấp số

liệu hiện trạng, kết quả thực hiện quy hoạch trên địa bàn phục vụ đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố định kỳ 05 năm; báo cáo hằng năm về Sở Quy hoạch - Kiến trúc tình hình quản lý, thực hiện quy hoạch, nêu rõ khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Quy hoạch - Kiến trúc, Tài chính, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc, thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, trên địa bàn Thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- UBTV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu VT, *(ĐT/TrHieu)*.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nguyên Dinh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC HỒ SƠ QUY HOẠCH TỔNG THỂ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2025 - 2050, TẦM NHÌN 100 NĂM ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

(Kèm theo Quyết định số 7308/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên hồ sơ / bản vẽ theo Điều 12 Nghị quyết 53/2026/NQ-HĐND	Ký hiệu	Tên bản vẽ trình duyệt	Hình thức thể hiện
I	**THUYẾT MINH QUY HOẠCH**		Thuyết minh Quy hoạch tổng thể Thành phố, thể hiện đầy đủ nội dung theo Điều 5 của Nghị quyết	Hồ sơ A4 + bản vẽ A3
II	**HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN VẼ VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH**			
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	QH01	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	Tỷ lệ thích hợp
2	Sơ đồ hiện trạng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật toàn Thành phố	QH02	Sơ đồ hiện trạng phát triển không gian toàn Thành phố *(hiện trạng khu chức năng, hệ thống hạ tầng xã hội)*	1/25.000
		QH03	Sơ đồ hiện trạng hệ thống giao thông toàn Thành phố	1/25.000
		QH04	Sơ đồ hiện trạng hệ thống cấp nước toàn Thành phố	1/25.000
		QH05	Sơ đồ hiện trạng hệ thống cung cấp năng lượng và chiếu sáng toàn Thành phố	1/25.000
		QH06	Sơ đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn Thành phố	1/25.000
		QH07	Sơ đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mưa toàn Thành phố	1/25.000
		QH08	Sơ đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải toàn Thành phố	1/25.000

STT	Tên hồ sơ / bản vẽ theo Điều 12 Nghị quyết 53/2026/NQ-HĐND	Ký hiệu	Tên bản vẽ trình duyệt	Hình thức thể hiện
		QH09	Sơ đồ hiện trạng hệ thống quản lý chất thải rắn và nghĩa trang toàn Thành phố	1/25.000
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống đô thị	QH10	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan hệ thống đô thị	1/10.000
		QH11	Bản đồ hiện trạng giao thông hệ thống đô thị	1/10.000
		QH12	Bản đồ hiện trạng cấp nước hệ thống đô thị	1/10.000
		QH13	Bản đồ hiện trạng cung cấp năng lượng và chiếu sáng hệ thống đô thị	1/10.000
		QH14	Bản đồ hiện trạng hạ tầng số hệ thống đô thị	1/10.000
		QH15	Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mưa hệ thống đô thị	1/10.000
		QH16	Bản đồ hiện trạng thoát nước thải hệ thống đô thị	1/10.000
		QH17	Bản đồ hiện trạng quản lý chất thải rắn và nghĩa trang hệ thống đô thị	1/10.000
		QH18	Bản đồ hiện trạng môi trường hệ thống đô thị	1/10.000
4	Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng đô thị và nông thôn	QH19	Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng đô thị và nông thôn	1/25.000
5	Sơ đồ định hướng hệ thống đô thị và nông thôn	QH20	Sơ đồ định hướng hệ thống đô thị và nông thôn	1/25.000

STT	Tên hồ sơ / bản vẽ theo Điều 12 Nghị quyết 53/2026/NQ-HĐND	Ký hiệu	Tên bản vẽ trình duyệt	Hình thức thể hiện
6	Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn Thành phố	QH21	Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn Thành phố *(khu chức năng, khu vực trọng tâm phát triển, khu vực có ý nghĩa quan trọng quốc gia về chính trị, văn hóa, lịch sử, an ninh, quốc phòng; hệ thống trung tâm hành chính, đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và trung tâm chuyên ngành)*	1/25.000
7	Sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật toàn đô thị	QH22	Sơ đồ định hướng phát triển giao thông đường bộ toàn Thành phố	1/25.000
		QH23	Sơ đồ định hướng phát triển giao thông đường thủy, đường sắt, đường hàng không toàn Thành phố	1/25.000
		QH24	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống cấp nước toàn Thành phố	1/25.000
		QH25	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống cung cấp năng lượng và chiếu sáng toàn Thành phố	1/25.000
		QH26	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn Thành phố	1/25.000
		QH27	Sơ đồ định hướng cao độ nền và thoát nước mưa toàn Thành phố	1/25.000
		QH28	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải toàn Thành phố	1/25.000
		QH29	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống quản lý chất thải rắn và nghĩa trang toàn Thành phố	1/25.000

STT	Tên hồ sơ / bản vẽ theo Điều 12 Nghị quyết 53/2026/NQ-HĐND	Ký hiệu	Tên bản vẽ trình duyệt	Hình thức thể hiện
		QH30	Sơ đồ định hướng phát triển không gian ngầm toàn Thành phố	1/25.000
8	Sơ đồ định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị	QH31	Sơ đồ định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị	1/10.000
9	Sơ đồ định hướng sử dụng đất toàn Thành phố	QH32	Sơ đồ định hướng sử dụng đất toàn Thành phố	1/25.000
10	Bản đồ sử dụng đất hệ thống đô thị	QH33	Bản đồ sử dụng đất khu vực đô thị	1/10.000
11	Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực đô thị trung tâm	QH34	Bản đồ định hướng phát triển hệ thống giao thông đường bộ khu vực đô thị	1/10.000
		QH35	Bản đồ định hướng phát triển hệ thống giao thông đường thủy, đường sắt, đường hàng không khu vực đô thị	1/10.000
		QH36	Bản đồ định hướng phát triển hệ thống cấp nước khu vực đô thị	1/10.000
		QH37	Bản đồ định hướng phát triển hệ thống cung cấp năng lượng và chiếu sáng khu vực đô thị	1/10.000
		QH38	Bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng số khu vực đô thị	1/10.000
		QH39	Bản đồ định hướng cao độ nền và thoát nước mưa khu vực đô thị	1/10.000
		QH40	Bản đồ định hướng phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực đô thị	1/10.000

STT	Tên hồ sơ / bản vẽ theo Điều 12 Nghị quyết 53/2026/NQ-HĐND	Ký hiệu	Tên bản vẽ trình duyệt	Hình thức thể hiện
		QH41	Bản đồ định hướng phát triển hệ thống quản lý chất thải rắn và nghĩa trang khu vực đô thị	1/10.000
		QH42	Bản đồ định hướng phát triển quy hoạch không gian ngầm khu vực đô thị	1/10.000
12	Các bản vẽ thiết kế đô thị	QH43	Các bản vẽ Thiết kế đô thị (A,B,C,D,E)	Tỷ lệ thích hợp
		QH43A	Bản vẽ thiết kế đô thị *(định hướng tổ chức phân vùng kiến trúc cảnh quan)*	Tỷ lệ thích hợp
		QH43B	Bản vẽ thiết kế đô thị *(không gian cây xanh mặt nước, không gian biển, núi, rừng, sông hồ)*	Tỷ lệ thích hợp
		QH43C (QH43C1, QH43C2, QH43C3)	Bản vẽ thiết kế đô thị *(khu vực cửa ngõ, trục không gian chính, điểm nhấn Thành phố; không gian tầm thấp, không gian tầm cao)*	Tỷ lệ thích hợp
		QH43D	Bản vẽ thiết kế đô thị *(bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa)*	Tỷ lệ thích hợp
		QH43E	Bản vẽ phối cảnh tổng thể và các góc nhìn chính mô phỏng không gian kiến trúc	Tỷ lệ thích hợp
13	Sơ đồ, bản đồ chuyên đề	QH44A	Sơ đồ chiến lược, phương án tổ chức không gian phát triển hệ thống chống ngập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Tỷ lệ thích hợp
		QH44B	Sơ đồ hiện trạng sụt lún nền đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Tỷ lệ thích hợp

STT	Tên hồ sơ / bản vẽ theo Điều 12 Nghị quyết 53/2026/NQ-HĐND	Ký hiệu	Tên bản vẽ trình duyệt	Hình thức thể hiện
		QH44C	Sơ đồ chiến lược, phương án ứng phó với tình trạng sụt lún nền đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Tỷ lệ thích hợp
		QH44D	Sơ đồ chuyên đề sân golf	Tỷ lệ thích hợp
III	**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO QUY HOẠCH TỔNG THỂ THÀNH PHỐ**		Quy định quản lý theo Quy hoạch tổng thể Thành phố	Hồ sơ A4
IV	**HỒ SƠ ĐIỆN TỬ**		Hồ sơ điện tử gồm: cơ sở dữ liệu số cơ bản (HoSoBASIC); cơ sở dữ liệu số pháp lý (HoSoScan); cơ sở dữ liệu số địa lý (HoSoGIS) theo khoản 2 Điều 10 Nghị quyết 53/2026/NQ-HĐND	Hồ sơ điện tử